

PHẦN II

NỘI DUNG CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ: 23 thủ tục.

01. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum;- Thời gian: Sáng: từ 07giờ30' đến 10giờ30'; Chiều: từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum);- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ;- Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (bản chính - theo mẫu I.1).- Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức (bản sao).- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (bản chính - theo mẫu I.2).- Một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (bản sao).- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (bản chính); trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp (bản sao) thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư.

	<ul style="list-style-type: none"> - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư (<i>Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ</i>) gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính (<i>bản chính</i>). - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (<i>bản sao</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong thời hạn 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, các đơn vị được lấy ý kiến phải có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. Quá thời hạn quy định trên mà các đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến trả lời hoặc không có lý do, phản ánh vướng mắc thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định: <ul style="list-style-type: none"> + Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không phù hợp với quy hoạch; + Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch; + Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư trong nước (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh (đối với dự án đầu tư không phù hợp với quy hoạch). - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh (đối với dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch). - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc văn bản thông báo từ chối.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.2 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 (<i>Có phụ lục đính kèm</i>) phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 9, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP (<i>có phụ lục đính kèm</i>) và điều kiện của pháp luật chuyên ngành dự án đầu tư (nếu có).
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ KHĐT.

Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp: ...
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
Chức danh:..... Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN)

đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....

3. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

....., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(nếu có)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):

- Chi phí thuê đất, mặt nước,....:

- Chi phí xây dựng công trình:

- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;

- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.

- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời hạn xây dựng, thời hạn vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):....

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ: (áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;

- Xuất xứ công nghệ;

- Sơ đồ quy trình công nghệ;

- Thông số kỹ thuật chính;

- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;

- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

....., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC

Điều 9. Thực hiện quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh

1. Cá nhân, tổ chức kinh tế được quyền kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

2. Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một hoặc một số hình thức sau đây:

a) Giấy phép;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện;

c) Chứng chỉ hành nghề;

d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;

đ) Văn bản xác nhận;

e) Các hình thức văn bản khác theo quy định của pháp luật không được quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản này;

g) Các điều kiện mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới các hình thức văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này.

3. Mọi cá nhân, tổ chức đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh đều có quyền được cấp các văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là giấy phép) hoặc được quyền thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này. Trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức và nêu rõ lý do từ chối.

4. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư)

STT	NGÀNH, NGHỀ
1.	Sản xuất con dấu
2.	Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa)
3.	Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ
4.	Kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị
5.	Kinh doanh súng bắn sơn
6.	Kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng
7.	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ
8.	Kinh doanh dịch vụ xoa bóp
9.	Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên
10.	Kinh doanh dịch vụ đòi nợ
11.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
12.	Kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy
13.	Hành nghề luật sư
14.	Hành nghề công chứng
15.	Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả
16.	Hành nghề đấu giá tài sản
17.	Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại
18.	Hành nghề thừa phát lại
19.	Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản
20.	Kinh doanh dịch vụ kế toán
21.	Kinh doanh dịch vụ kiểm toán
22.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế
23.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan
24.	Kinh doanh hàng miễn thuế
25.	Kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ
26.	Kinh doanh địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
27.	Kinh doanh chứng khoán
28.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán/ Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán niêm yết và các loại chứng khoán khác
29.	Kinh doanh bảo hiểm
30.	Kinh doanh tái bảo hiểm
31.	Môi giới bảo hiểm
32.	Đại lý bảo hiểm
33.	Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
34.	Kinh doanh xổ số
35.	Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài
36.	Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ
37.	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm
38.	Kinh doanh casino
39.	Kinh doanh đặt cược
40.	Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện

STT	NGÀNH, NGHỀ
41.	Kinh doanh xăng dầu
42.	Kinh doanh khí
43.	Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LPG)
44.	Kinh doanh dịch vụ giám định thương mại
45.	Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm cả hoạt động tiêu hủy)
46.	Kinh doanh tiền chất thuốc nổ
47.	Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ
48.	Kinh doanh dịch vụ nổ mìn
49.	Kinh doanh hóa chất, trừ hóa chất bị cấm theo Công ước Quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học
50.	Kinh doanh rượu
51.	Kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá
52.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương
53.	Hoạt động Sở giao dịch hàng hóa
54.	Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu điện, tư vấn chuyên ngành điện lực
55.	Xuất khẩu gạo
56.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt
57.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh
58.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng
59.	Nhượng quyền thương mại
60.	Kinh doanh dịch vụ Lô-gi-stíc
61.	Kinh doanh khoáng sản
62.	Kinh doanh tiền chất công nghiệp
63.	Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
64.	Kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp
65.	Hoạt động thương mại điện tử
66.	Hoạt động dầu khí
67.	Kiểm toán năng lượng
68.	Hoạt động giáo dục nghề nghiệp
69.	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
70.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề
71.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
72.	Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động
73.	Kinh doanh dịch vụ việc làm
74.	Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
75.	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện
76.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động
77.	Kinh doanh vận tải đường bộ
78.	Kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô
79.	Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô
80.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới
81.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô
82.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông
83.	Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe
84.	Kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông
85.	Kinh doanh vận tải đường thủy
86.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa

STT	NGÀNH, NGHỀ
87.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa
88.	Đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải
89.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải
90.	Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển
91.	Kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển
92.	Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng
93.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển
94.	Kinh doanh khai thác cảng biển
95.	Kinh doanh vận tải hàng không
96.	Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại Việt Nam
97.	Kinh doanh cảng hàng không, sân bay
98.	Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay
99.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm hoạt động bay
100.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không
101.	Kinh doanh vận tải đường sắt
102.	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt
103.	Kinh doanh đường sắt đô thị
104.	Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức
105.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm
106.	Kinh doanh vận tải đường ống
107.	Kinh doanh bất động sản
108.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản
109.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
110.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng
111.	Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng
112.	Kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng
113.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình
114.	Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình
115.	Hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài
116.	Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng
117.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng
118.	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
119.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
120.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng
121.	Kinh doanh dịch vụ lập thiết kế quy hoạch xây dựng
122.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện
123.	Kinh doanh sản phẩm amiang trắng thuộc nhóm Serpentine
124.	Kinh doanh dịch vụ bưu chính
125.	Kinh doanh dịch vụ viễn thông
126.	Kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký số
127.	Hoạt động của nhà xuất bản
128.	Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì
129.	Kinh doanh dịch vụ phát hành xuất bản phẩm
130.	Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội
131.	Kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet

STT	NGÀNH, NGHỀ
132.	Kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
133.	Kinh doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
134.	Dịch vụ gia công, tái chế, sửa chữa, làm mới sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho đối tác nước ngoài
135.	Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet
136.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền ".vn"
137.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng
138.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự
139.	Kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động
140.	Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non
141.	Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông
142.	Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học
143.	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
144.	Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên
145.	Hoạt động của trường chuyên biệt
146.	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
147.	Kiểm định chất lượng giáo dục
148.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
149.	Khai thác thủy sản
150.	Kinh doanh thủy sản
151.	Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
152.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
153.	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
154.	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá
155.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã theo Phụ lục của Công ước CITES
156.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm không quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
157.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường
158.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
159.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
160.	Kinh doanh thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại
161.	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
162.	Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật
163.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật
164.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật
165.	Kinh doanh thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y
166.	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y
167.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật
168.	Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật
169.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y

STT	NGÀNH, NGHỀ
	thủy sản)
170.	Kinh doanh chăn nuôi tập trung
171.	Kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm
172.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
173.	Kinh doanh dịch vụ cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật
174.	Kinh doanh phân bón
175.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm phân bón
176.	Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi
177.	Kinh doanh giống thủy sản
178.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi
179.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản
180.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
181.	Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen
182.	Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
183.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm HIV
184.	Kinh doanh dịch vụ ngân hàng mô
185.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ sinh sản, lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi
186.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm
187.	Kinh doanh dịch vụ tiêm chủng
188.	Kinh doanh dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
189.	Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ
190.	Kinh doanh dịch vụ thực hiện kỹ thuật mang thai hộ
191.	Kinh doanh dược
192.	Sản xuất mỹ phẩm
193.	Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế
194.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế
195.	Kinh doanh trang thiết bị y tế
196.	Hoạt động của cơ sở phân loại trang thiết bị y tế
197.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định trang thiết bị y tế
198.	Kinh doanh dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ (bao gồm: giám định về quyền tác giả và quyền liên quan, giám định sở hữu công nghiệp và giám định về quyền đối với giống cây trồng)
199.	Kinh doanh dịch vụ tiến hành công việc bức xạ
200.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử
201.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp
202.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
203.	Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy
204.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, định giá và giám định công nghệ
205.	Kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ
206.	Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim
207.	Kinh doanh dịch vụ giám định cổ vật
208.	Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch dự án, tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích
209.	Kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường
210.	Kinh doanh dịch vụ lễ hành
211.	Kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

STT	NGÀNH, NGHỀ
212.	Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu
213.	Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu
214.	Kinh doanh dịch vụ lưu trú
215.	Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng
216.	Mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
217.	Xuất khẩu di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; nhập khẩu hàng hóa văn hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
218.	Kinh doanh dịch vụ bảo tàng
219.	Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
220.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai
221.	Kinh doanh dịch vụ về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
222.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm của hệ thống thông tin đất đai
223.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai
224.	Kinh doanh dịch vụ xác định giá đất
225.	Kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ
226.	Kinh doanh dịch vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
227.	Kinh doanh dịch vụ khoan nước dưới đất, thăm dò nước dưới đất
228.	Kinh doanh dịch vụ khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước
229.	Kinh doanh dịch vụ điều tra cơ bản, tư vấn lập quy hoạch, đề án, báo cáo tài nguyên nước
230.	Kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản
231.	Khai thác khoáng sản
232.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại
233.	Nhập khẩu phế liệu
234.	Kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường
235.	Kinh doanh chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải
236.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại
237.	Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
238.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô
239.	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
240.	Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng
241.	Hoạt động ngoại hối của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng
242.	Kinh doanh vàng
243.	Hoạt động in, đúc tiền

02. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30' đến 10giờ30'; Chiều: từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) <i>Thành phần hồ sơ bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>bản chính - theo mẫu I.1</i>). - Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức (<i>bản sao</i>). - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>bản chính - theo mẫu I.2</i>). - Một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (<i>bản sao</i>). - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (<i>bản chính</i>); trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư (<i>bản sao</i>). - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư (<i>Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ</i>) gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ

	<p>công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính (<i>bản chính</i>).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (<i>bản sao</i>). - Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có) (<i>bản chính</i>). - Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường (<i>bản chính</i>). - Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư (<i>bản chính</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong thời hạn 49 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư theo quy định, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan tham gia, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư. - Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi về Bộ Kế hoạch Đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. <p>* Đối với dự án đầu tư có quy mô từ 5000 tỷ VNĐ trở lên phù hợp với quy hoạch, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch Đầu tư và các cơ quan có liên quan, Ban Quản lý Khu kinh tế xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>* Văn bản Quyết định chủ trương đầu tư gửi Bộ Kế hoạch Đầu tư và nhà đầu tư.</p>
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư trong nước (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh (đối với dự án đầu tư có quy mô từ 5000 tỷ VNĐ trở lên phù hợp với quy hoạch). - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Văn bản thông báo từ chối.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.2 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh

	doanh có điều kiện được quy định tại Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 (<i>Có phụ lục đính kèm</i>) phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 9, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP (<i>có phụ lục đính kèm</i>) và điều kiện của pháp luật chuyên ngành dự án đầu tư (nếu có).
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp: ...
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN)

đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....

3. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

....., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(nếu có)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước,....:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời hạn xây dựng, thời hạn vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):....

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ: (áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

....., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC

Điều 9. Thực hiện quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh

1. Cá nhân, tổ chức kinh tế được quyền kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

2. Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một hoặc một số hình thức sau đây:

a) Giấy phép;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện;

c) Chứng chỉ hành nghề;

d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;

đ) Văn bản xác nhận;

e) Các hình thức văn bản khác theo quy định của pháp luật không được quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản này;

g) Các điều kiện mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới các hình thức văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này.

3. Mọi cá nhân, tổ chức đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh đều có quyền được cấp các văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là giấy phép) hoặc được quyền thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này. Trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức và nêu rõ lý do từ chối.

4. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư)

STT	NGÀNH, NGHỀ
1.	Sản xuất con dấu
2.	Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa)
3.	Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ
4.	Kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị
5.	Kinh doanh súng bắn sơn
6.	Kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng
7.	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ
8.	Kinh doanh dịch vụ xoa bóp
9.	Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên
10.	Kinh doanh dịch vụ đòi nợ
11.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
12.	Kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy
13.	Hành nghề luật sư
14.	Hành nghề công chứng
15.	Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả
16.	Hành nghề đấu giá tài sản
17.	Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại
18.	Hành nghề thừa phát lại
19.	Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản
20.	Kinh doanh dịch vụ kế toán
21.	Kinh doanh dịch vụ kiểm toán
22.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế
23.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan
24.	Kinh doanh hàng miễn thuế
25.	Kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ
26.	Kinh doanh địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
27.	Kinh doanh chứng khoán
28.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán/ Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán niêm yết và các loại chứng khoán khác
29.	Kinh doanh bảo hiểm
30.	Kinh doanh tái bảo hiểm
31.	Môi giới bảo hiểm
32.	Đại lý bảo hiểm
33.	Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
34.	Kinh doanh xổ số
35.	Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài
36.	Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ
37.	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm
38.	Kinh doanh casino
39.	Kinh doanh đặt cược
40.	Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện

STT	NGÀNH, NGHỀ
41.	Kinh doanh xăng dầu
42.	Kinh doanh khí
43.	Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LPG)
44.	Kinh doanh dịch vụ giám định thương mại
45.	Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm cả hoạt động tiêu hủy)
46.	Kinh doanh tiền chất thuốc nổ
47.	Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ
48.	Kinh doanh dịch vụ nổ mìn
49.	Kinh doanh hóa chất, trừ hóa chất bị cấm theo Công ước Quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học
50.	Kinh doanh rượu
51.	Kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá
52.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương
53.	Hoạt động Sở giao dịch hàng hóa
54.	Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu điện, tư vấn chuyên ngành điện lực
55.	Xuất khẩu gạo
56.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt
57.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh
58.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng
59.	Nhượng quyền thương mại
60.	Kinh doanh dịch vụ Lô-gi-stíc
61.	Kinh doanh khoáng sản
62.	Kinh doanh tiền chất công nghiệp
63.	Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
64.	Kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp
65.	Hoạt động thương mại điện tử
66.	Hoạt động dầu khí
67.	Kiểm toán năng lượng
68.	Hoạt động giáo dục nghề nghiệp
69.	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
70.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề
71.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
72.	Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động
73.	Kinh doanh dịch vụ việc làm
74.	Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
75.	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện
76.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động
77.	Kinh doanh vận tải đường bộ
78.	Kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô
79.	Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô
80.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới
81.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô
82.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông
83.	Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe
84.	Kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông
85.	Kinh doanh vận tải đường thủy
86.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa

STT	NGÀNH, NGHỀ
87.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa
88.	Đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải
89.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải
90.	Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển
91.	Kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển
92.	Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng
93.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển
94.	Kinh doanh khai thác cảng biển
95.	Kinh doanh vận tải hàng không
96.	Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại Việt Nam
97.	Kinh doanh cảng hàng không, sân bay
98.	Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay
99.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm hoạt động bay
100.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không
101.	Kinh doanh vận tải đường sắt
102.	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt
103.	Kinh doanh đường sắt đô thị
104.	Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức
105.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm
106.	Kinh doanh vận tải đường ống
107.	Kinh doanh bất động sản
108.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản
109.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
110.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng
111.	Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng
112.	Kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng
113.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình
114.	Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình
115.	Hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài
116.	Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng
117.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng
118.	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
119.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
120.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng
121.	Kinh doanh dịch vụ lập thiết kế quy hoạch xây dựng
122.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện
123.	Kinh doanh sản phẩm amiang trắng thuộc nhóm Serpentine
124.	Kinh doanh dịch vụ bưu chính
125.	Kinh doanh dịch vụ viễn thông
126.	Kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký số
127.	Hoạt động của nhà xuất bản
128.	Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì
129.	Kinh doanh dịch vụ phát hành xuất bản phẩm
130.	Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội
131.	Kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet

STT	NGÀNH, NGHỀ
132.	Kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
133.	Kinh doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
134.	Dịch vụ gia công, tái chế, sửa chữa, làm mới sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho đối tác nước ngoài
135.	Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet
136.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền ".vn"
137.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng
138.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự
139.	Kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động
140.	Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non
141.	Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông
142.	Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học
143.	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
144.	Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên
145.	Hoạt động của trường chuyên biệt
146.	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
147.	Kiểm định chất lượng giáo dục
148.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
149.	Khai thác thủy sản
150.	Kinh doanh thủy sản
151.	Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
152.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
153.	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
154.	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá
155.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã theo Phụ lục của Công ước CITES
156.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm không quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
157.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường
158.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
159.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
160.	Kinh doanh thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại
161.	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
162.	Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật
163.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật
164.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật
165.	Kinh doanh thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y
166.	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y
167.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật
168.	Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật
169.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y

STT	NGÀNH, NGHỀ
	thủy sản)
170.	Kinh doanh chăn nuôi tập trung
171.	Kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm
172.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
173.	Kinh doanh dịch vụ cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật
174.	Kinh doanh phân bón
175.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm phân bón
176.	Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi
177.	Kinh doanh giống thủy sản
178.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi
179.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản
180.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
181.	Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen
182.	Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
183.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm HIV
184.	Kinh doanh dịch vụ ngân hàng mô
185.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ sinh sản, lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi
186.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm
187.	Kinh doanh dịch vụ tiêm chủng
188.	Kinh doanh dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
189.	Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ
190.	Kinh doanh dịch vụ thực hiện kỹ thuật mang thai hộ
191.	Kinh doanh dược
192.	Sản xuất mỹ phẩm
193.	Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế
194.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế
195.	Kinh doanh trang thiết bị y tế
196.	Hoạt động của cơ sở phân loại trang thiết bị y tế
197.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định trang thiết bị y tế
198.	Kinh doanh dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ (bao gồm: giám định về quyền tác giả và quyền liên quan, giám định sở hữu công nghiệp và giám định về quyền đối với giống cây trồng)
199.	Kinh doanh dịch vụ tiến hành công việc bức xạ
200.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử
201.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp
202.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
203.	Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy
204.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, định giá và giám định công nghệ
205.	Kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ
206.	Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim
207.	Kinh doanh dịch vụ giám định cổ vật
208.	Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch dự án, tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích
209.	Kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường
210.	Kinh doanh dịch vụ lễ hành
211.	Kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

STT	NGÀNH, NGHỀ
212.	Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu
213.	Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu
214.	Kinh doanh dịch vụ lưu trú
215.	Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng
216.	Mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
217.	Xuất khẩu di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; nhập khẩu hàng hóa văn hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
218.	Kinh doanh dịch vụ bảo tàng
219.	Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
220.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai
221.	Kinh doanh dịch vụ về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
222.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm của hệ thống thông tin đất đai
223.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai
224.	Kinh doanh dịch vụ xác định giá đất
225.	Kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ
226.	Kinh doanh dịch vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
227.	Kinh doanh dịch vụ khoan nước dưới đất, thăm dò nước dưới đất
228.	Kinh doanh dịch vụ khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước
229.	Kinh doanh dịch vụ điều tra cơ bản, tư vấn lập quy hoạch, đề án, báo cáo tài nguyên nước
230.	Kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản
231.	Khai thác khoáng sản
232.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại
233.	Nhập khẩu phế liệu
234.	Kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường
235.	Kinh doanh chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải
236.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại
237.	Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
238.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô
239.	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
240.	Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng
241.	Hoạt động ngoại hối của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng
242.	Kinh doanh vàng
243.	Hoạt động in, đúc tiền

03. Thủ tục: *Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội*

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) <i>Thành phần hồ sơ bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư <i>(bản chính - theo mẫu I.1)</i>. - Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý <i>(đối với nhà đầu tư là tổ chức)</i>. Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu <i>(đối với nhà đầu tư là cá nhân)</i> <i>(bản sao)</i>. - Đề xuất dự án đầu tư <i>(bản chính - theo mẫu I.2)</i>. - Một trong các tài liệu sau <i>(bản sao)</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; + Cam kết hỗ trợ tài chính của Công ty mẹ; + Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; + Bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; + Tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất <i>(bản gốc)</i>. Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư <i>(bản sao)</i>. - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ <i>(nếu có)</i> gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính <i>(bản chính)</i>. - Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình

	<p>thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (<i>bản sao</i>);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (Nếu có) (<i>bản sao</i>). - Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường (<i>bản chính</i>). - Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>bản chính</i>). - Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù (<i>bản chính - nếu có</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 21 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban quản lý khu kinh tế gửi hồ sơ dự án đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước. - Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định trình Chính phủ. - Chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội. - Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư tại kỳ họp.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Quốc hội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Hội đồng thẩm định nhà nước; Các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	Nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư hoặc văn bản không chấp thuận dự án đầu tư.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1-Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.2- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ các nội dung thẩm định tại Khoản 6 Điều 33 và Khoản 6 Điều 35 Luật Đầu tư (<i>có phụ lục đính kèm</i>). - Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 (<i>có phụ lục đính kèm</i>) phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 9, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP (<i>có phụ lục đính kèm</i>) và điều kiện của pháp luật chuyên ngành dự án đầu tư (nếu có). - Đối với nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 và Điều 10 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế; + Điều kiện về hình thức đầu tư; + Điều kiện về phạm vi hoạt động đầu tư; + Điều kiện về đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư; + Điều kiện khác theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày://..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp: ...
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất
II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN)

đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....

3. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

....., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(nếu có)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):

- Chi phí thuê đất, mặt nước,....:

- Chi phí xây dựng công trình:

- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;

- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.

- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018):Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời hạn xây dựng, thời hạn vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):....

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ: (áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;

- Xuất xứ công nghệ;

- Sơ đồ quy trình công nghệ;

- Thông số kỹ thuật chính;

- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;

- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

....., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC

Luật đầu tư:

Điều 33:

6. Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nội dung báo cáo thẩm định gồm:

- a) Thông tin về dự án gồm: thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;
- b) Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);
- c) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;
- d) Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có);
- đ) Đánh giá căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư. Trường hợp có đề xuất giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì thực hiện thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- e) Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này (Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ).

Điều 35:

6. Nội dung thẩm tra:

- a) Việc đáp ứng tiêu chí xác định dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội;
- b) Sự cần thiết thực hiện dự án;
- c) Sự phù hợp của dự án với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, quy hoạch sử dụng đất, tài nguyên khác;
- d) Mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường;
- đ) Vốn đầu tư, phương án huy động vốn;
- e) Tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội;
- g) Cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).

Nghị định số 118/2015/NĐ-CP

Điều 9. Thực hiện quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh

1. Cá nhân, tổ chức kinh tế được quyền kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

2. Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một hoặc một số hình thức sau đây:

- a) Giấy phép;
- b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện;
- c) Chứng chỉ hành nghề;
- d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;
- đ) Văn bản xác nhận;
- e) Các hình thức văn bản khác theo quy định của pháp luật không được quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản này;
- g) Các điều kiện mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới các hình thức văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này.

3. Mọi cá nhân, tổ chức đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh đều có quyền được cấp các văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là giấy phép) hoặc được quyền thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này. Trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức và nêu rõ lý do từ chối.
4. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư)

STT	NGÀNH, NGHỀ
1.	Sản xuất con dấu
2.	Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa)
3.	Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ
4.	Kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị
5.	Kinh doanh súng bắn sơn
6.	Kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng
7.	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ
8.	Kinh doanh dịch vụ xoa bóp
9.	Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên
10.	Kinh doanh dịch vụ đòi nợ
11.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
12.	Kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy
13.	Hành nghề luật sư
14.	Hành nghề công chứng
15.	Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả
16.	Hành nghề đấu giá tài sản
17.	Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại
18.	Hành nghề thừa phát lại
19.	Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản
20.	Kinh doanh dịch vụ kế toán
21.	Kinh doanh dịch vụ kiểm toán
22.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế
23.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan
24.	Kinh doanh hàng miễn thuế
25.	Kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ
26.	Kinh doanh địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
27.	Kinh doanh chứng khoán
28.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán/ Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán niêm yết và các loại chứng khoán khác
29.	Kinh doanh bảo hiểm
30.	Kinh doanh tái bảo hiểm
31.	Môi giới bảo hiểm
32.	Đại lý bảo hiểm
33.	Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
34.	Kinh doanh xổ số
35.	Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài
36.	Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ
37.	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm
38.	Kinh doanh casino
39.	Kinh doanh đặt cược
40.	Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện

STT	NGÀNH, NGHỀ
41.	Kinh doanh xăng dầu
42.	Kinh doanh khí
43.	Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LPG)
44.	Kinh doanh dịch vụ giám định thương mại
45.	Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm cả hoạt động tiêu hủy)
46.	Kinh doanh tiền chất thuốc nổ
47.	Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ
48.	Kinh doanh dịch vụ nổ mìn
49.	Kinh doanh hóa chất, trừ hóa chất bị cấm theo Công ước Quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học
50.	Kinh doanh rượu
51.	Kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá
52.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương
53.	Hoạt động Sở giao dịch hàng hóa
54.	Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu điện, tư vấn chuyên ngành điện lực
55.	Xuất khẩu gạo
56.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt
57.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh
58.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng
59.	Nhượng quyền thương mại
60.	Kinh doanh dịch vụ Lô-gi-stíc
61.	Kinh doanh khoáng sản
62.	Kinh doanh tiền chất công nghiệp
63.	Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
64.	Kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp
65.	Hoạt động thương mại điện tử
66.	Hoạt động dầu khí
67.	Kiểm toán năng lượng
68.	Hoạt động giáo dục nghề nghiệp
69.	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
70.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề
71.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
72.	Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động
73.	Kinh doanh dịch vụ việc làm
74.	Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
75.	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện
76.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động
77.	Kinh doanh vận tải đường bộ
78.	Kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô
79.	Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô
80.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới
81.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô
82.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông
83.	Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe
84.	Kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông
85.	Kinh doanh vận tải đường thủy
86.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa

STT	NGÀNH, NGHỀ
87.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa
88.	Đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải
89.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải
90.	Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển
91.	Kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển
92.	Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng
93.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển
94.	Kinh doanh khai thác cảng biển
95.	Kinh doanh vận tải hàng không
96.	Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại Việt Nam
97.	Kinh doanh cảng hàng không, sân bay
98.	Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay
99.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm hoạt động bay
100.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không
101.	Kinh doanh vận tải đường sắt
102.	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt
103.	Kinh doanh đường sắt đô thị
104.	Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức
105.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm
106.	Kinh doanh vận tải đường ống
107.	Kinh doanh bất động sản
108.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản
109.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
110.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng
111.	Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng
112.	Kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng
113.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình
114.	Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình
115.	Hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài
116.	Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng
117.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng
118.	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
119.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
120.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng
121.	Kinh doanh dịch vụ lập thiết kế quy hoạch xây dựng
122.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện
123.	Kinh doanh sản phẩm amiang trắng thuộc nhóm Serpentine
124.	Kinh doanh dịch vụ bưu chính
125.	Kinh doanh dịch vụ viễn thông
126.	Kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký số
127.	Hoạt động của nhà xuất bản
128.	Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì
129.	Kinh doanh dịch vụ phát hành xuất bản phẩm
130.	Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội
131.	Kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet

STT	NGÀNH, NGHỀ
132.	Kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
133.	Kinh doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
134.	Dịch vụ gia công, tái chế, sửa chữa, làm mới sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho đối tác nước ngoài
135.	Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet
136.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền ".vn"
137.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng
138.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự
139.	Kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động
140.	Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non
141.	Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông
142.	Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học
143.	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
144.	Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên
145.	Hoạt động của trường chuyên biệt
146.	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
147.	Kiểm định chất lượng giáo dục
148.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
149.	Khai thác thủy sản
150.	Kinh doanh thủy sản
151.	Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
152.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
153.	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
154.	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá
155.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã theo Phụ lục của Công ước CITES
156.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm không quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
157.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường
158.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
159.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
160.	Kinh doanh thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại
161.	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
162.	Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật
163.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật
164.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật
165.	Kinh doanh thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y
166.	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y
167.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật
168.	Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật
169.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y

STT	NGÀNH, NGHỀ
	thủy sản)
170.	Kinh doanh chăn nuôi tập trung
171.	Kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm
172.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
173.	Kinh doanh dịch vụ cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật
174.	Kinh doanh phân bón
175.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm phân bón
176.	Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi
177.	Kinh doanh giống thủy sản
178.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi
179.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản
180.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
181.	Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen
182.	Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
183.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm HIV
184.	Kinh doanh dịch vụ ngân hàng mô
185.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ sinh sản, lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi
186.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm
187.	Kinh doanh dịch vụ tiêm chủng
188.	Kinh doanh dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
189.	Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ
190.	Kinh doanh dịch vụ thực hiện kỹ thuật mang thai hộ
191.	Kinh doanh dược
192.	Sản xuất mỹ phẩm
193.	Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế
194.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế
195.	Kinh doanh trang thiết bị y tế
196.	Hoạt động của cơ sở phân loại trang thiết bị y tế
197.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định trang thiết bị y tế
198.	Kinh doanh dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ (bao gồm: giám định về quyền tác giả và quyền liên quan, giám định sở hữu công nghiệp và giám định về quyền đối với giống cây trồng)
199.	Kinh doanh dịch vụ tiến hành công việc bức xạ
200.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử
201.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp
202.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
203.	Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy
204.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, định giá và giám định công nghệ
205.	Kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ
206.	Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim
207.	Kinh doanh dịch vụ giám định cổ vật
208.	Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch dự án, tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích
209.	Kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường
210.	Kinh doanh dịch vụ lễ hành
211.	Kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

STT	NGÀNH, NGHỀ
212.	Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu
213.	Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu
214.	Kinh doanh dịch vụ lưu trú
215.	Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng
216.	Mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
217.	Xuất khẩu di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; nhập khẩu hàng hóa văn hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
218.	Kinh doanh dịch vụ bảo tàng
219.	Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
220.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai
221.	Kinh doanh dịch vụ về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
222.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm của hệ thống thông tin đất đai
223.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai
224.	Kinh doanh dịch vụ xác định giá đất
225.	Kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ
226.	Kinh doanh dịch vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
227.	Kinh doanh dịch vụ khoan nước dưới đất, thăm dò nước dưới đất
228.	Kinh doanh dịch vụ khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước
229.	Kinh doanh dịch vụ điều tra cơ bản, tư vấn lập quy hoạch, đề án, báo cáo tài nguyên nước
230.	Kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản
231.	Khai thác khoáng sản
232.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại
233.	Nhập khẩu phế liệu
234.	Kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường
235.	Kinh doanh chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải
236.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại
237.	Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
238.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô
239.	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
240.	Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng
241.	Hoạt động ngoại hối của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng
242.	Kinh doanh vàng
243.	Hoạt động in, đúc tiền

04. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) <i>Thành phần hồ sơ, gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư <i>(bản chính - theo mẫu)</i>. - Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức <i>(bản sao)</i>. - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án “bản chính” <i>(theo mẫu)</i>. <p>* Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay cho đề xuất dự án đầu tư <i>(bản chính)</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư <i>(bản sao)</i>. - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất <i>(bản gốc)</i>. <p>Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa</p>

	<p>điểm để thực hiện dự án đầu tư (<i>bản sao</i>).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư (<i>Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ</i>) gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính (<i>bản chính</i>). - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (<i>bản sao</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan (<i>nếu cần</i>). - Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, các đơn vị được lấy ý kiến phải có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. Quá thời hạn quy định trên mà các đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến trả lời hoặc không có lý do, phản ánh vướng mắc thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Các đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp.
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản thông báo từ chối.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Đề xuất dự án đầu tư (đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư) (<i>Mẫu I.3 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 (<i>có phụ lục đính kèm</i>) phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 9, Nghị định 118/2015/NĐ-CP (<i>có phụ lục đính kèm</i>) và điều kiện của pháp luật chuyên ngành dự án đầu tư (nếu có). - Đối với nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 và Điều 10 Nghị định 118/2015/NĐ-CP. Gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế; + Điều kiện về hình thức đầu tư; + Điều kiện về phạm vi hoạt động đầu tư; + Điều kiện về đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư; + Điều kiện khác theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày://..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp: ...
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
Chức danh:..... Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Loại hình tổ chức kinh tế:
3. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ
4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

....., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.3

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Vốn đầu tư:

4.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

b) Vốn lưu động: ... (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp	Tỷ lệ (%)	Phương	Tiến độ
-----	----------------	------------	-----------	--------	---------

		VND	Tương đương USD		thức góp vốn (*)	góp vốn

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

5. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:.....

6. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời hạn xây dựng, thời hạn vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

7. Nhu cầu về lao động: (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)

8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

9. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

....., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Phụ lục:

Nghị định số 118/2015/NĐ-CP

Điều 9. Thực hiện quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh

1. Cá nhân, tổ chức kinh tế được quyền kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.
2. Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một hoặc một số hình thức sau đây:
 - a) Giấy phép;
 - b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện;
 - c) Chứng chỉ hành nghề;
 - d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;
 - đ) Văn bản xác nhận;
 - e) Các hình thức văn bản khác theo quy định của pháp luật không được quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản này;
 - g) Các điều kiện mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới các hình thức văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này.
3. Mọi cá nhân, tổ chức đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh đều có quyền được cấp các văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là giấy phép) hoặc được quyền thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này. Trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức và nêu rõ lý do từ chối.
4. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư)

STT	NGÀNH, NGHỀ
1.	Sản xuất con dấu
2.	Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa)
3.	Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ
4.	Kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị
5.	Kinh doanh súng bắn sơn
6.	Kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng
7.	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ
8.	Kinh doanh dịch vụ xoa bóp
9.	Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên
10.	Kinh doanh dịch vụ đòi nợ
11.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
12.	Kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy
13.	Hành nghề luật sư
14.	Hành nghề công chứng
15.	Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả
16.	Hành nghề đấu giá tài sản
17.	Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại
18.	Hành nghề thừa phát lại
19.	Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản
20.	Kinh doanh dịch vụ kế toán
21.	Kinh doanh dịch vụ kiểm toán
22.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế
23.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan
24.	Kinh doanh hàng miễn thuế
25.	Kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ
26.	Kinh doanh địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
27.	Kinh doanh chứng khoán
28.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán/ Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán niêm yết và các loại chứng khoán khác
29.	Kinh doanh bảo hiểm
30.	Kinh doanh tái bảo hiểm
31.	Môi giới bảo hiểm
32.	Đại lý bảo hiểm
33.	Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
34.	Kinh doanh xổ số
35.	Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài
36.	Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ
37.	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm
38.	Kinh doanh casino
39.	Kinh doanh đặt cược
40.	Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện

STT	NGÀNH, NGHỀ
41.	Kinh doanh xăng dầu
42.	Kinh doanh khí
43.	Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LPG)
44.	Kinh doanh dịch vụ giám định thương mại
45.	Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm cả hoạt động tiêu hủy)
46.	Kinh doanh tiền chất thuốc nổ
47.	Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ
48.	Kinh doanh dịch vụ nổ mìn
49.	Kinh doanh hóa chất, trừ hóa chất bị cấm theo Công ước Quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học
50.	Kinh doanh rượu
51.	Kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá
52.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương
53.	Hoạt động Sở giao dịch hàng hóa
54.	Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu điện, tư vấn chuyên ngành điện lực
55.	Xuất khẩu gạo
56.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt
57.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh
58.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng
59.	Nhượng quyền thương mại
60.	Kinh doanh dịch vụ Lô-gi-stíc
61.	Kinh doanh khoáng sản
62.	Kinh doanh tiền chất công nghiệp
63.	Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
64.	Kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp
65.	Hoạt động thương mại điện tử
66.	Hoạt động dầu khí
67.	Kiểm toán năng lượng
68.	Hoạt động giáo dục nghề nghiệp
69.	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
70.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề
71.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
72.	Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động
73.	Kinh doanh dịch vụ việc làm
74.	Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
75.	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện
76.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động
77.	Kinh doanh vận tải đường bộ
78.	Kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô
79.	Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô
80.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới
81.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô
82.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông
83.	Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe
84.	Kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông
85.	Kinh doanh vận tải đường thủy
86.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa

STT	NGÀNH, NGHỀ
87.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa
88.	Đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải
89.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải
90.	Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển
91.	Kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển
92.	Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng
93.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển
94.	Kinh doanh khai thác cảng biển
95.	Kinh doanh vận tải hàng không
96.	Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại Việt Nam
97.	Kinh doanh cảng hàng không, sân bay
98.	Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay
99.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm hoạt động bay
100.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không
101.	Kinh doanh vận tải đường sắt
102.	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt
103.	Kinh doanh đường sắt đô thị
104.	Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức
105.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm
106.	Kinh doanh vận tải đường ống
107.	Kinh doanh bất động sản
108.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản
109.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
110.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng
111.	Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng
112.	Kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng
113.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình
114.	Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình
115.	Hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài
116.	Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng
117.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng
118.	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
119.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
120.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng
121.	Kinh doanh dịch vụ lập thiết kế quy hoạch xây dựng
122.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện
123.	Kinh doanh sản phẩm amiang trắng thuộc nhóm Serpentine
124.	Kinh doanh dịch vụ bưu chính
125.	Kinh doanh dịch vụ viễn thông
126.	Kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký số
127.	Hoạt động của nhà xuất bản
128.	Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì
129.	Kinh doanh dịch vụ phát hành xuất bản phẩm
130.	Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội
131.	Kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet

STT	NGÀNH, NGHỀ
132.	Kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
133.	Kinh doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
134.	Dịch vụ gia công, tái chế, sửa chữa, làm mới sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho đối tác nước ngoài
135.	Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet
136.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền ".vn"
137.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng
138.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự
139.	Kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động
140.	Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non
141.	Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông
142.	Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học
143.	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
144.	Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên
145.	Hoạt động của trường chuyên biệt
146.	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
147.	Kiểm định chất lượng giáo dục
148.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
149.	Khai thác thủy sản
150.	Kinh doanh thủy sản
151.	Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
152.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
153.	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
154.	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá
155.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã theo Phụ lục của Công ước CITES
156.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm không quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
157.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường
158.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
159.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
160.	Kinh doanh thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại
161.	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
162.	Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật
163.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật
164.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật
165.	Kinh doanh thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y
166.	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y
167.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật
168.	Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật
169.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y

STT	NGÀNH, NGHỀ
	thủy sản)
170.	Kinh doanh chăn nuôi tập trung
171.	Kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm
172.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
173.	Kinh doanh dịch vụ cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật
174.	Kinh doanh phân bón
175.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm phân bón
176.	Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi
177.	Kinh doanh giống thủy sản
178.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi
179.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản
180.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
181.	Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen
182.	Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
183.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm HIV
184.	Kinh doanh dịch vụ ngân hàng mô
185.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ sinh sản, lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi
186.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm
187.	Kinh doanh dịch vụ tiêm chủng
188.	Kinh doanh dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
189.	Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ
190.	Kinh doanh dịch vụ thực hiện kỹ thuật mang thai hộ
191.	Kinh doanh dược
192.	Sản xuất mỹ phẩm
193.	Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế
194.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế
195.	Kinh doanh trang thiết bị y tế
196.	Hoạt động của cơ sở phân loại trang thiết bị y tế
197.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định trang thiết bị y tế
198.	Kinh doanh dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ (bao gồm: giám định về quyền tác giả và quyền liên quan, giám định sở hữu công nghiệp và giám định về quyền đối với giống cây trồng)
199.	Kinh doanh dịch vụ tiến hành công việc bức xạ
200.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử
201.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp
202.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
203.	Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy
204.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, định giá và giám định công nghệ
205.	Kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ
206.	Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim
207.	Kinh doanh dịch vụ giám định cổ vật
208.	Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch dự án, tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích
209.	Kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường
210.	Kinh doanh dịch vụ lễ hành
211.	Kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

STT	NGÀNH, NGHỀ
212.	Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu
213.	Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu
214.	Kinh doanh dịch vụ lưu trú
215.	Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng
216.	Mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
217.	Xuất khẩu di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; nhập khẩu hàng hóa văn hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
218.	Kinh doanh dịch vụ bảo tàng
219.	Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
220.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai
221.	Kinh doanh dịch vụ về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
222.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm của hệ thống thông tin đất đai
223.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai
224.	Kinh doanh dịch vụ xác định giá đất
225.	Kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ
226.	Kinh doanh dịch vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
227.	Kinh doanh dịch vụ khoan nước dưới đất, thăm dò nước dưới đất
228.	Kinh doanh dịch vụ khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước
229.	Kinh doanh dịch vụ điều tra cơ bản, tư vấn lập quy hoạch, đề án, báo cáo tài nguyên nước
230.	Kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản
231.	Khai thác khoáng sản
232.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại
233.	Nhập khẩu phế liệu
234.	Kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường
235.	Kinh doanh chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải
236.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại
237.	Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
238.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô
239.	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
240.	Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng
241.	Hoạt động ngoại hối của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng
242.	Kinh doanh vàng
243.	Hoạt động in, đúc tiền

05. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p><i>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư <i>(bản chính - theo mẫu I.1)</i>. - Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức “bản sao”. - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án <i>(bản chính - theo mẫu I.2)</i>. - Một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư <i>(bản sao)</i>. - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất <i>(bản chính)</i>; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư <i>(bản sao)</i>. - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư <i>(Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ)</i> gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ

	<p>công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ. thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính (<i>bản chính</i>).</p> <p>- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (<i>bản sao</i>).</p> <p><i>b. Số lượng hồ sơ: 04 bộ.</i></p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư các đơn vị được lấy ý kiến phải có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Ban quản lý khu kinh tế. Quá thời hạn trên mà các đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến trả lời hoặc không có lý do, phản ánh vướng mắc thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan, Ban Quản lý Khu kinh tế lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định: <ul style="list-style-type: none"> + Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không phù hợp với quy hoạch; + Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch; + Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 03 ngày (đối với trường hợp UBND tỉnh cấp chủ trương đầu tư) kể từ ngày nhận được quyết định chủ trương đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh (đối với dự án đầu tư không phù hợp quy hoạch) - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh (đối với dự án phù hợp với quy hoạch). Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp được chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư phù hợp hoặc không phù hợp với quy hoạch - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc thông báo từ chối. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trường hợp UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư).
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.2 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 (<i>có phụ lục đính kèm</i>) phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 9, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP (<i>có phụ lục đính kèm</i>) và điều kiện của pháp luật chuyên ngành dự án đầu tư (nếu có). - Đối với nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 và Điều 10 Nghị định 118/2015/NĐ-CP, gồm:

	<ul style="list-style-type: none"> + Điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế; + Điều kiện về hình thức đầu tư; + Điều kiện về phạm vi hoạt động đầu tư; + Điều kiện về đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư; + Điều kiện khác theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày://..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: /..... /..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp: /..... /..... Ngày hết hạn: /..... /..... Nơi cấp: ...
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
Chức danh:..... Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: /..... /..... Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....
3. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ
4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

....., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):

- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...:

- Chi phí xây dựng công trình:

- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;

- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.

- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời hạn xây dựng, thời hạn vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):....

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;

- Xuất xứ công nghệ;

- Sơ đồ quy trình công nghệ;

- Thông số kỹ thuật chính;

- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;

- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

....., ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC

Nghị định số 118/2015/NĐ-CP

Điều 9. Thực hiện quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh

1. Cá nhân, tổ chức kinh tế được quyền kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.
2. Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một hoặc một số hình thức sau đây:
 - a) Giấy phép;
 - b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện;
 - c) Chứng chỉ hành nghề;
 - d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;
 - đ) Văn bản xác nhận;
 - e) Các hình thức văn bản khác theo quy định của pháp luật không được quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản này;
 - g) Các điều kiện mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới các hình thức văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này.
3. Mọi cá nhân, tổ chức đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh đều có quyền được cấp các văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là giấy phép) hoặc được quyền thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này. Trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức và nêu rõ lý do từ chối.
4. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư)

STT	NGÀNH, NGHỀ
1.	Sản xuất con dấu
2.	Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa)
3.	Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ
4.	Kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị
5.	Kinh doanh súng bắn sơn
6.	Kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng
7.	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ
8.	Kinh doanh dịch vụ xoa bóp
9.	Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên
10.	Kinh doanh dịch vụ đòi nợ
11.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
12.	Kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy
13.	Hành nghề luật sư
14.	Hành nghề công chứng
15.	Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả
16.	Hành nghề đấu giá tài sản
17.	Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại
18.	Hành nghề thừa phát lại
19.	Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản
20.	Kinh doanh dịch vụ kế toán
21.	Kinh doanh dịch vụ kiểm toán
22.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế
23.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan
24.	Kinh doanh hàng miễn thuế
25.	Kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ
26.	Kinh doanh địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
27.	Kinh doanh chứng khoán
28.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán/ Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán niêm yết và các loại chứng khoán khác
29.	Kinh doanh bảo hiểm
30.	Kinh doanh tái bảo hiểm
31.	Môi giới bảo hiểm
32.	Đại lý bảo hiểm
33.	Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
34.	Kinh doanh xổ số
35.	Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài
36.	Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ
37.	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm
38.	Kinh doanh casino
39.	Kinh doanh đặt cược
40.	Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện

STT	NGÀNH, NGHỀ
41.	Kinh doanh xăng dầu
42.	Kinh doanh khí
43.	Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LPG)
44.	Kinh doanh dịch vụ giám định thương mại
45.	Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm cả hoạt động tiêu hủy)
46.	Kinh doanh tiền chất thuốc nổ
47.	Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ
48.	Kinh doanh dịch vụ nổ mìn
49.	Kinh doanh hóa chất, trừ hóa chất bị cấm theo Công ước Quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học
50.	Kinh doanh rượu
51.	Kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá
52.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương
53.	Hoạt động Sở giao dịch hàng hóa
54.	Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu điện, tư vấn chuyên ngành điện lực
55.	Xuất khẩu gạo
56.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt
57.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh
58.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng
59.	Nhượng quyền thương mại
60.	Kinh doanh dịch vụ Lô-gi-stíc
61.	Kinh doanh khoáng sản
62.	Kinh doanh tiền chất công nghiệp
63.	Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
64.	Kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp
65.	Hoạt động thương mại điện tử
66.	Hoạt động dầu khí
67.	Kiểm toán năng lượng
68.	Hoạt động giáo dục nghề nghiệp
69.	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
70.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề
71.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
72.	Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động
73.	Kinh doanh dịch vụ việc làm
74.	Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
75.	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện
76.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động
77.	Kinh doanh vận tải đường bộ
78.	Kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô
79.	Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô
80.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới
81.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô
82.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông
83.	Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe
84.	Kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông
85.	Kinh doanh vận tải đường thủy
86.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa

STT	NGÀNH, NGHỀ
87.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa
88.	Đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải
89.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải
90.	Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển
91.	Kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển
92.	Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng
93.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển
94.	Kinh doanh khai thác cảng biển
95.	Kinh doanh vận tải hàng không
96.	Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại Việt Nam
97.	Kinh doanh cảng hàng không, sân bay
98.	Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay
99.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm hoạt động bay
100.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không
101.	Kinh doanh vận tải đường sắt
102.	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt
103.	Kinh doanh đường sắt đô thị
104.	Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức
105.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm
106.	Kinh doanh vận tải đường ống
107.	Kinh doanh bất động sản
108.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản
109.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
110.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng
111.	Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng
112.	Kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng
113.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình
114.	Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình
115.	Hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài
116.	Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng
117.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng
118.	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
119.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
120.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng
121.	Kinh doanh dịch vụ lập thiết kế quy hoạch xây dựng
122.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện
123.	Kinh doanh sản phẩm amiang trắng thuộc nhóm Serpentine
124.	Kinh doanh dịch vụ bưu chính
125.	Kinh doanh dịch vụ viễn thông
126.	Kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký số
127.	Hoạt động của nhà xuất bản
128.	Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì
129.	Kinh doanh dịch vụ phát hành xuất bản phẩm
130.	Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội
131.	Kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet

STT	NGÀNH, NGHỀ
132.	Kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
133.	Kinh doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
134.	Dịch vụ gia công, tái chế, sửa chữa, làm mới sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho đối tác nước ngoài
135.	Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet
136.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền ".vn"
137.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng
138.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự
139.	Kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động
140.	Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non
141.	Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông
142.	Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học
143.	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
144.	Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên
145.	Hoạt động của trường chuyên biệt
146.	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
147.	Kiểm định chất lượng giáo dục
148.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
149.	Khai thác thủy sản
150.	Kinh doanh thủy sản
151.	Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
152.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
153.	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
154.	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá
155.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã theo Phụ lục của Công ước CITES
156.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm không quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
157.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường
158.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
159.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
160.	Kinh doanh thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại
161.	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
162.	Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật
163.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật
164.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật
165.	Kinh doanh thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y
166.	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y
167.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật
168.	Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật
169.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y

STT	NGÀNH, NGHỀ
	thủy sản)
170.	Kinh doanh chăn nuôi tập trung
171.	Kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm
172.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
173.	Kinh doanh dịch vụ cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật
174.	Kinh doanh phân bón
175.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm phân bón
176.	Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi
177.	Kinh doanh giống thủy sản
178.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi
179.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản
180.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
181.	Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen
182.	Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
183.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm HIV
184.	Kinh doanh dịch vụ ngân hàng mô
185.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ sinh sản, lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi
186.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm
187.	Kinh doanh dịch vụ tiêm chủng
188.	Kinh doanh dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
189.	Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ
190.	Kinh doanh dịch vụ thực hiện kỹ thuật mang thai hộ
191.	Kinh doanh dược
192.	Sản xuất mỹ phẩm
193.	Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế
194.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế
195.	Kinh doanh trang thiết bị y tế
196.	Hoạt động của cơ sở phân loại trang thiết bị y tế
197.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định trang thiết bị y tế
198.	Kinh doanh dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ (bao gồm: giám định về quyền tác giả và quyền liên quan, giám định sở hữu công nghiệp và giám định về quyền đối với giống cây trồng)
199.	Kinh doanh dịch vụ tiến hành công việc bức xạ
200.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử
201.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp
202.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
203.	Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy
204.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, định giá và giám định công nghệ
205.	Kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ
206.	Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim
207.	Kinh doanh dịch vụ giám định cổ vật
208.	Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch dự án, tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích
209.	Kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường
210.	Kinh doanh dịch vụ lễ hành
211.	Kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

STT	NGÀNH, NGHỀ
212.	Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu
213.	Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu
214.	Kinh doanh dịch vụ lưu trú
215.	Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng
216.	Mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
217.	Xuất khẩu di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; nhập khẩu hàng hóa văn hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
218.	Kinh doanh dịch vụ bảo tàng
219.	Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
220.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai
221.	Kinh doanh dịch vụ về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
222.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm của hệ thống thông tin đất đai
223.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai
224.	Kinh doanh dịch vụ xác định giá đất
225.	Kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ
226.	Kinh doanh dịch vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
227.	Kinh doanh dịch vụ khoan nước dưới đất, thăm dò nước dưới đất
228.	Kinh doanh dịch vụ khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước
229.	Kinh doanh dịch vụ điều tra cơ bản, tư vấn lập quy hoạch, đề án, báo cáo tài nguyên nước
230.	Kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản
231.	Khai thác khoáng sản
232.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại
233.	Nhập khẩu phế liệu
234.	Kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường
235.	Kinh doanh chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải
236.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại
237.	Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
238.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô
239.	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
240.	Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng
241.	Hoạt động ngoại hối của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng
242.	Kinh doanh vàng
243.	Hoạt động in, đúc tiền

06. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p><i>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư <i>(bản chính - theo mẫu I.1)</i>. - Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức <i>(bản sao)</i>. - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án <i>(bản chính - theo mẫu I.2)</i>. - Một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư <i>(bản sao)</i>. - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất <i>(bản gốc)</i>; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư <i>(bản sao)</i>. - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư <i>(Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ)</i> gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ

	<p>công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính (<i>bản chính</i>).</p> <p>- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (<i>bản sao</i>).</p> <p><i>b. Số lượng hồ sơ: 08 bộ.</i></p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong thời hạn 52 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư theo quy định, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan tham gia, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư. - Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi về Bộ Kế hoạch Đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định chủ trương đầu tư, Ban quản lý khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. <p>* Đối với dự án đầu tư có quy mô từ 5000 tỷ VNĐ trở lên phù hợp với quy hoạch, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch Đầu tư và các cơ quan có liên quan, Ban Quản lý Khu kinh tế xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <p>* Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư.</p>
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh (đối với dự án đầu tư có quy mô từ 5000 tỷ VNĐ trở lên phù hợp với quy hoạch) - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng chính phủ hoặc văn bản thông báo từ chối. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (<i>trường hợp chấp thuận chủ trương đầu tư</i>).
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.2 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	- Đáp ứng các nội dung thẩm định tại Khoản 6 Điều 33 Luật Đầu tư (<i>có phụ lục đính kèm</i>).

	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 (<i>có phụ lục đính kèm</i>) phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 9, Nghị định 118/2015/NĐ-CP (<i>có phụ lục đính kèm</i>) và điều kiện của pháp luật chuyên ngành dự án đầu tư (nếu có). - Đối với nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 và Điều 10 Nghị định 118/2015/NĐ-CP, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế; + Điều kiện về hình thức đầu tư; + Điều kiện về phạm vi hoạt động đầu tư; + Điều kiện về đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư; + Điều kiện khác theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày://..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: /..... /..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp: /..... /..... Ngày hết hạn: /..... /..... Nơi cấp: ...
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
Chức danh: Sinh ngày: /..... /..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: /..... /..... Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....
3. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ
4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

....., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):

- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...:

- Chi phí xây dựng công trình:

- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;

- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.

- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời hạn xây dựng, thời hạn vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):....

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;

- Xuất xứ công nghệ;

- Sơ đồ quy trình công nghệ;

- Thông số kỹ thuật chính;

- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;

- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

....., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC

Luật đầu tư:

Điều 33:

6. Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nội dung báo cáo thẩm định gồm:

- a) Thông tin về dự án gồm: thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;
- b) Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);
- c) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;
- d) Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có);
- đ) Đánh giá căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư. Trường hợp có đề xuất giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì thực hiện thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- e) Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này (Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ).

Nghị định số 118/2015/NĐ-CP

Điều 9. Thực hiện quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh

1. Cá nhân, tổ chức kinh tế được quyền kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.
2. Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một hoặc một số hình thức sau đây:
 - a) Giấy phép;
 - b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện;
 - c) Chứng chỉ hành nghề;
 - d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;
 - đ) Văn bản xác nhận;
 - e) Các hình thức văn bản khác theo quy định của pháp luật không được quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản này;
 - g) Các điều kiện mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới các hình thức văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này.
3. Mọi cá nhân, tổ chức đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh đều có quyền được cấp các văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là giấy phép) hoặc được quyền thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này. Trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức và nêu rõ lý do từ chối.
4. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư)

STT	NGÀNH, NGHỀ
1.	Sản xuất con dấu
2.	Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa)
3.	Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ
4.	Kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị
5.	Kinh doanh súng bắn sơn
6.	Kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng
7.	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ
8.	Kinh doanh dịch vụ xoa bóp
9.	Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên
10.	Kinh doanh dịch vụ đòi nợ
11.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
12.	Kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy
13.	Hành nghề luật sư
14.	Hành nghề công chứng
15.	Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả
16.	Hành nghề đấu giá tài sản
17.	Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại
18.	Hành nghề thừa phát lại
19.	Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản
20.	Kinh doanh dịch vụ kế toán
21.	Kinh doanh dịch vụ kiểm toán
22.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế
23.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan
24.	Kinh doanh hàng miễn thuế
25.	Kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ
26.	Kinh doanh địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
27.	Kinh doanh chứng khoán
28.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán/ Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán niêm yết và các loại chứng khoán khác
29.	Kinh doanh bảo hiểm
30.	Kinh doanh tái bảo hiểm
31.	Môi giới bảo hiểm
32.	Đại lý bảo hiểm
33.	Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
34.	Kinh doanh xổ số
35.	Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài
36.	Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ
37.	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm
38.	Kinh doanh casino
39.	Kinh doanh đặt cược
40.	Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện

STT	NGÀNH, NGHỀ
41.	Kinh doanh xăng dầu
42.	Kinh doanh khí
43.	Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LPG)
44.	Kinh doanh dịch vụ giám định thương mại
45.	Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm cả hoạt động tiêu hủy)
46.	Kinh doanh tiền chất thuốc nổ
47.	Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ
48.	Kinh doanh dịch vụ nổ mìn
49.	Kinh doanh hóa chất, trừ hóa chất bị cấm theo Công ước Quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học
50.	Kinh doanh rượu
51.	Kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá
52.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương
53.	Hoạt động Sở giao dịch hàng hóa
54.	Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu điện, tư vấn chuyên ngành điện lực
55.	Xuất khẩu gạo
56.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt
57.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh
58.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng
59.	Nhượng quyền thương mại
60.	Kinh doanh dịch vụ Lô-gi-stíc
61.	Kinh doanh khoáng sản
62.	Kinh doanh tiền chất công nghiệp
63.	Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
64.	Kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp
65.	Hoạt động thương mại điện tử
66.	Hoạt động dầu khí
67.	Kiểm toán năng lượng
68.	Hoạt động giáo dục nghề nghiệp
69.	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
70.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề
71.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
72.	Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động
73.	Kinh doanh dịch vụ việc làm
74.	Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
75.	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện
76.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động
77.	Kinh doanh vận tải đường bộ
78.	Kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô
79.	Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô
80.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới
81.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô
82.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông
83.	Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe
84.	Kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông
85.	Kinh doanh vận tải đường thủy
86.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa

STT	NGÀNH, NGHỀ
87.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa
88.	Đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải
89.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải
90.	Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển
91.	Kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển
92.	Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng
93.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển
94.	Kinh doanh khai thác cảng biển
95.	Kinh doanh vận tải hàng không
96.	Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại Việt Nam
97.	Kinh doanh cảng hàng không, sân bay
98.	Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay
99.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm hoạt động bay
100.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không
101.	Kinh doanh vận tải đường sắt
102.	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt
103.	Kinh doanh đường sắt đô thị
104.	Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức
105.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm
106.	Kinh doanh vận tải đường ống
107.	Kinh doanh bất động sản
108.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản
109.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
110.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng
111.	Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng
112.	Kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng
113.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình
114.	Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình
115.	Hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài
116.	Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng
117.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng
118.	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
119.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
120.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng
121.	Kinh doanh dịch vụ lập thiết kế quy hoạch xây dựng
122.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện
123.	Kinh doanh sản phẩm amiang trắng thuộc nhóm Serpentine
124.	Kinh doanh dịch vụ bưu chính
125.	Kinh doanh dịch vụ viễn thông
126.	Kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký số
127.	Hoạt động của nhà xuất bản
128.	Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì
129.	Kinh doanh dịch vụ phát hành xuất bản phẩm
130.	Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội
131.	Kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet

STT	NGÀNH, NGHỀ
132.	Kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
133.	Kinh doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
134.	Dịch vụ gia công, tái chế, sửa chữa, làm mới sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho đối tác nước ngoài
135.	Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet
136.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền ".vn"
137.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng
138.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự
139.	Kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động
140.	Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non
141.	Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông
142.	Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học
143.	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
144.	Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên
145.	Hoạt động của trường chuyên biệt
146.	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
147.	Kiểm định chất lượng giáo dục
148.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
149.	Khai thác thủy sản
150.	Kinh doanh thủy sản
151.	Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
152.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
153.	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
154.	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá
155.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã theo Phụ lục của Công ước CITES
156.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm không quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
157.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường
158.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
159.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
160.	Kinh doanh thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại
161.	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
162.	Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật
163.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật
164.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật
165.	Kinh doanh thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y
166.	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y
167.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật
168.	Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật
169.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y

STT	NGÀNH, NGHỀ
	thủy sản)
170.	Kinh doanh chăn nuôi tập trung
171.	Kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm
172.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
173.	Kinh doanh dịch vụ cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật
174.	Kinh doanh phân bón
175.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm phân bón
176.	Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi
177.	Kinh doanh giống thủy sản
178.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi
179.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản
180.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
181.	Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen
182.	Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
183.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm HIV
184.	Kinh doanh dịch vụ ngân hàng mô
185.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ sinh sản, lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi
186.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm
187.	Kinh doanh dịch vụ tiêm chủng
188.	Kinh doanh dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
189.	Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ
190.	Kinh doanh dịch vụ thực hiện kỹ thuật mang thai hộ
191.	Kinh doanh dược
192.	Sản xuất mỹ phẩm
193.	Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế
194.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế
195.	Kinh doanh trang thiết bị y tế
196.	Hoạt động của cơ sở phân loại trang thiết bị y tế
197.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định trang thiết bị y tế
198.	Kinh doanh dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ (bao gồm: giám định về quyền tác giả và quyền liên quan, giám định sở hữu công nghiệp và giám định về quyền đối với giống cây trồng)
199.	Kinh doanh dịch vụ tiến hành công việc bức xạ
200.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử
201.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp
202.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
203.	Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy
204.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, định giá và giám định công nghệ
205.	Kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ
206.	Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim
207.	Kinh doanh dịch vụ giám định cổ vật
208.	Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch dự án, tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích
209.	Kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường
210.	Kinh doanh dịch vụ lễ hành
211.	Kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

STT	NGÀNH, NGHỀ
212.	Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu
213.	Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu
214.	Kinh doanh dịch vụ lưu trú
215.	Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng
216.	Mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
217.	Xuất khẩu di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; nhập khẩu hàng hóa văn hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
218.	Kinh doanh dịch vụ bảo tàng
219.	Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
220.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai
221.	Kinh doanh dịch vụ về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
222.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm của hệ thống thông tin đất đai
223.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai
224.	Kinh doanh dịch vụ xác định giá đất
225.	Kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ
226.	Kinh doanh dịch vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
227.	Kinh doanh dịch vụ khoan nước dưới đất, thăm dò nước dưới đất
228.	Kinh doanh dịch vụ khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước
229.	Kinh doanh dịch vụ điều tra cơ bản, tư vấn lập quy hoạch, đề án, báo cáo tài nguyên nước
230.	Kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản
231.	Khai thác khoáng sản
232.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại
233.	Nhập khẩu phế liệu
234.	Kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường
235.	Kinh doanh chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải
236.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại
237.	Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
238.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô
239.	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
240.	Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng
241.	Hoạt động ngoại hối của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng
242.	Kinh doanh vàng
243.	Hoạt động in, đúc tiền

07. Thủ tục: Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh mục tiêu, địa điểm, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư).

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30' đến 10giờ30'; Chiều: từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (bản chính - theo mẫu). - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (bản chính - theo mẫu). - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư) (bản chính), gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng; + Mục tiêu, quy mô dự án; + Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp và vốn huy động) tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; + Thời hạn hoạt động của dự án; + Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án, trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn; + Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có). - Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những

	<p>nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nêu có) (<i>bản chính</i>), gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức (<i>bản sao</i>); + Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>bản chính</i>); + Một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (<i>bản sao</i>); + Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (<i>bản chính</i>); trường hợp dự án không đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư (<i>bản sao</i>); + Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư (<i>Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ</i>) gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính (<i>bản chính</i>); + Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (<i>bản sao</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Trong thời hạn 44 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan. - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Ban Quản lý Khu kinh tế và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan tham gia, Ban Quản lý Khu kinh tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư. - Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi về Bộ Kế hoạch Đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. <p>* Đối với dự án đầu tư có quy mô từ 5000 tỷ VNĐ trở lên phù hợp với quy hoạch, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch Đầu tư và các cơ quan có liên quan, Ban Quản lý Khu kinh tế xem xét điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p>

	* Văn bản điều chỉnh chủ trương đầu tư gửi Bộ Kế hoạch Đầu tư và nhà đầu tư.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư trong nước (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh (đối với dự án đầu tư có quy mô từ 5000 tỷ VNĐ trở lên phù hợp với quy hoạch) - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc văn bản thông báo từ chối.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu I.6 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu I.8 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng nội dung thẩm định theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 35 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (<i>Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù - nếu có</i>) đối với dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. - Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 (<i>có phụ lục đính kèm</i>) phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (<i>có phụ lục đính kèm</i>) và điều kiện của pháp luật chuyên ngành dự án đầu tư (nếu có).
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

.....

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....

- Nay đề nghị sửa thành:

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

....., ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):

- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):

- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC

Nghị định số 118/2015/NĐ-CP

Điều 9. Thực hiện quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh

1. Cá nhân, tổ chức kinh tế được quyền kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.
2. Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một hoặc một số hình thức sau đây:
 - a) Giấy phép;
 - b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện;
 - c) Chứng chỉ hành nghề;
 - d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;
 - đ) Văn bản xác nhận;
 - e) Các hình thức văn bản khác theo quy định của pháp luật không được quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản này;
 - g) Các điều kiện mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới các hình thức văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này.
3. Mọi cá nhân, tổ chức đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh đều có quyền được cấp các văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là giấy phép) hoặc được quyền thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này. Trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức và nêu rõ lý do từ chối.
4. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư)

STT	NGÀNH, NGHỀ
1.	Sản xuất con dấu
2.	Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa)
3.	Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ
4.	Kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị
5.	Kinh doanh súng bắn sơn
6.	Kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng
7.	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ
8.	Kinh doanh dịch vụ xoa bóp
9.	Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên
10.	Kinh doanh dịch vụ đòi nợ
11.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
12.	Kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy
13.	Hành nghề luật sư
14.	Hành nghề công chứng
15.	Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả
16.	Hành nghề đấu giá tài sản
17.	Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại
18.	Hành nghề thừa phát lại
19.	Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản
20.	Kinh doanh dịch vụ kế toán
21.	Kinh doanh dịch vụ kiểm toán
22.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế
23.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan
24.	Kinh doanh hàng miễn thuế
25.	Kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ
26.	Kinh doanh địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
27.	Kinh doanh chứng khoán
28.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán/ Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán niêm yết và các loại chứng khoán khác
29.	Kinh doanh bảo hiểm
30.	Kinh doanh tái bảo hiểm
31.	Môi giới bảo hiểm
32.	Đại lý bảo hiểm
33.	Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
34.	Kinh doanh xổ số
35.	Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài
36.	Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ
37.	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm
38.	Kinh doanh casino
39.	Kinh doanh đặt cược
40.	Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện

STT	NGÀNH, NGHỀ
41.	Kinh doanh xăng dầu
42.	Kinh doanh khí
43.	Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LPG)
44.	Kinh doanh dịch vụ giám định thương mại
45.	Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm cả hoạt động tiêu hủy)
46.	Kinh doanh tiền chất thuốc nổ
47.	Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ
48.	Kinh doanh dịch vụ nổ mìn
49.	Kinh doanh hóa chất, trừ hóa chất bị cấm theo Công ước Quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học
50.	Kinh doanh rượu
51.	Kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá
52.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương
53.	Hoạt động Sở giao dịch hàng hóa
54.	Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu điện, tư vấn chuyên ngành điện lực
55.	Xuất khẩu gạo
56.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt
57.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh
58.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng
59.	Nhượng quyền thương mại
60.	Kinh doanh dịch vụ Lô-gi-stíc
61.	Kinh doanh khoáng sản
62.	Kinh doanh tiền chất công nghiệp
63.	Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
64.	Kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp
65.	Hoạt động thương mại điện tử
66.	Hoạt động dầu khí
67.	Kiểm toán năng lượng
68.	Hoạt động giáo dục nghề nghiệp
69.	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
70.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề
71.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
72.	Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động
73.	Kinh doanh dịch vụ việc làm
74.	Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
75.	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện
76.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động
77.	Kinh doanh vận tải đường bộ
78.	Kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô
79.	Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô
80.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới
81.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô
82.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông
83.	Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe
84.	Kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông
85.	Kinh doanh vận tải đường thủy
86.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa

STT	NGÀNH, NGHỀ
87.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa
88.	Đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải
89.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải
90.	Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển
91.	Kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển
92.	Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng
93.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển
94.	Kinh doanh khai thác cảng biển
95.	Kinh doanh vận tải hàng không
96.	Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại Việt Nam
97.	Kinh doanh cảng hàng không, sân bay
98.	Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay
99.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm hoạt động bay
100.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không
101.	Kinh doanh vận tải đường sắt
102.	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt
103.	Kinh doanh đường sắt đô thị
104.	Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức
105.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm
106.	Kinh doanh vận tải đường ống
107.	Kinh doanh bất động sản
108.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản
109.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
110.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng
111.	Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng
112.	Kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng
113.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình
114.	Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình
115.	Hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài
116.	Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng
117.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng
118.	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
119.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
120.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng
121.	Kinh doanh dịch vụ lập thiết kế quy hoạch xây dựng
122.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện
123.	Kinh doanh sản phẩm amiang trắng thuộc nhóm Serpentine
124.	Kinh doanh dịch vụ bưu chính
125.	Kinh doanh dịch vụ viễn thông
126.	Kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký số
127.	Hoạt động của nhà xuất bản
128.	Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì
129.	Kinh doanh dịch vụ phát hành xuất bản phẩm
130.	Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội
131.	Kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet

STT	NGÀNH, NGHỀ
132.	Kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
133.	Kinh doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
134.	Dịch vụ gia công, tái chế, sửa chữa, làm mới sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho đối tác nước ngoài
135.	Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet
136.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền ".vn"
137.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng
138.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự
139.	Kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động
140.	Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non
141.	Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông
142.	Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học
143.	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
144.	Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên
145.	Hoạt động của trường chuyên biệt
146.	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
147.	Kiểm định chất lượng giáo dục
148.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
149.	Khai thác thủy sản
150.	Kinh doanh thủy sản
151.	Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
152.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
153.	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
154.	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá
155.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã theo Phụ lục của Công ước CITES
156.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm không quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
157.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường
158.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
159.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
160.	Kinh doanh thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại
161.	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
162.	Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật
163.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật
164.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật
165.	Kinh doanh thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y
166.	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y
167.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật
168.	Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật
169.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y

STT	NGÀNH, NGHỀ
	thủy sản)
170.	Kinh doanh chăn nuôi tập trung
171.	Kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm
172.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
173.	Kinh doanh dịch vụ cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật
174.	Kinh doanh phân bón
175.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm phân bón
176.	Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi
177.	Kinh doanh giống thủy sản
178.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi
179.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản
180.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
181.	Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen
182.	Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
183.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm HIV
184.	Kinh doanh dịch vụ ngân hàng mô
185.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ sinh sản, lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi
186.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm
187.	Kinh doanh dịch vụ tiêm chủng
188.	Kinh doanh dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
189.	Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ
190.	Kinh doanh dịch vụ thực hiện kỹ thuật mang thai hộ
191.	Kinh doanh dược
192.	Sản xuất mỹ phẩm
193.	Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế
194.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế
195.	Kinh doanh trang thiết bị y tế
196.	Hoạt động của cơ sở phân loại trang thiết bị y tế
197.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định trang thiết bị y tế
198.	Kinh doanh dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ (bao gồm: giám định về quyền tác giả và quyền liên quan, giám định sở hữu công nghiệp và giám định về quyền đối với giống cây trồng)
199.	Kinh doanh dịch vụ tiến hành công việc bức xạ
200.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử
201.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp
202.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
203.	Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy
204.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, định giá và giám định công nghệ
205.	Kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ
206.	Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim
207.	Kinh doanh dịch vụ giám định cổ vật
208.	Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch dự án, tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích
209.	Kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường
210.	Kinh doanh dịch vụ lễ hành
211.	Kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

STT	NGÀNH, NGHỀ
212.	Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu
213.	Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu
214.	Kinh doanh dịch vụ lưu trú
215.	Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng
216.	Mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
217.	Xuất khẩu di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; nhập khẩu hàng hóa văn hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
218.	Kinh doanh dịch vụ bảo tàng
219.	Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
220.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai
221.	Kinh doanh dịch vụ về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
222.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm của hệ thống thông tin đất đai
223.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai
224.	Kinh doanh dịch vụ xác định giá đất
225.	Kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ
226.	Kinh doanh dịch vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
227.	Kinh doanh dịch vụ khoan nước dưới đất, thăm dò nước dưới đất
228.	Kinh doanh dịch vụ khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước
229.	Kinh doanh dịch vụ điều tra cơ bản, tư vấn lập quy hoạch, đề án, báo cáo tài nguyên nước
230.	Kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản
231.	Khai thác khoáng sản
232.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại
233.	Nhập khẩu phế liệu
234.	Kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường
235.	Kinh doanh chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải
236.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại
237.	Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
238.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô
239.	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
240.	Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng
241.	Hoạt động ngoại hối của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng
242.	Kinh doanh vàng
243.	Hoạt động in, đúc tiền

08. Thủ tục: Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh mục tiêu, địa điểm, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư).

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30' đến 10giờ30'; Chiều: từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (bản chính - theo mẫu). - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (bản chính - theo mẫu). - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư (bản chính), gồm. <ul style="list-style-type: none"> + Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng + Mục tiêu, quy mô dự án; + Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp và vốn huy động) tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; + Thời hạn hoạt động của dự án; + Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án, trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn; + Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có). - Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những

	<p>nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức (<i>bản sao</i>); + Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>bản chính</i>); + Một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (<i>bản sao</i>); + Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (<i>bản chính</i>); trường hợp dự án không đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư (<i>bản sao</i>); + Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư (<i>Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ</i>) gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính (<i>bản chính</i>); + Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (<i>bản sao</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ.</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, các đơn vị được lấy ý kiến phải có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. Quá thời hạn quy định trên mà các đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến trả lời hoặc không có lý do, phản ánh vướng mắc thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. * Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không phù hợp với quy hoạch, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư trong nước (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh (đối với dự án đầu tư không phù hợp với quy hoạch) - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh (đối với dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch) - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc văn bản thông báo từ chối.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu I.6 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu I.8 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ nội dung thẩm định theo quy định tại Điểm d, Khoản 1 Điều 34 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (<i>Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư</i>) đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. - Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 (<i>có phụ lục đính kèm</i>) phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (<i>có phụ lục đính kèm</i>) và điều kiện của pháp luật chuyên ngành dự án đầu tư (nếu có).
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

.....

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....

- Nay đề nghị sửa thành:

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

....., ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Phụ lục:

Nghị định số 118/2015/NĐ-CP

Điều 9. Thực hiện quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh

1. Cá nhân, tổ chức kinh tế được quyền kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.
2. Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một hoặc một số hình thức sau đây:
 - a) Giấy phép;
 - b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện;
 - c) Chứng chỉ hành nghề;
 - d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;
 - đ) Văn bản xác nhận;
 - e) Các hình thức văn bản khác theo quy định của pháp luật không được quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản này;
 - g) Các điều kiện mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới các hình thức văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này.
3. Mọi cá nhân, tổ chức đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh đều có quyền được cấp các văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là giấy phép) hoặc được quyền thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này. Trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức và nêu rõ lý do từ chối.
4. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư)

STT	NGÀNH, NGHỀ
1.	Sản xuất con dấu
2.	Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa)
3.	Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ
4.	Kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị
5.	Kinh doanh súng bắn sơn
6.	Kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng
7.	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ
8.	Kinh doanh dịch vụ xoa bóp
9.	Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên
10.	Kinh doanh dịch vụ đòi nợ
11.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
12.	Kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy
13.	Hành nghề luật sư
14.	Hành nghề công chứng
15.	Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả
16.	Hành nghề đấu giá tài sản
17.	Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại
18.	Hành nghề thừa phát lại
19.	Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản
20.	Kinh doanh dịch vụ kế toán
21.	Kinh doanh dịch vụ kiểm toán
22.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế
23.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan
24.	Kinh doanh hàng miễn thuế
25.	Kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ
26.	Kinh doanh địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
27.	Kinh doanh chứng khoán
28.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán/ Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán niêm yết và các loại chứng khoán khác
29.	Kinh doanh bảo hiểm
30.	Kinh doanh tái bảo hiểm
31.	Môi giới bảo hiểm
32.	Đại lý bảo hiểm
33.	Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
34.	Kinh doanh xổ số
35.	Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài
36.	Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ
37.	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm
38.	Kinh doanh casino
39.	Kinh doanh đặt cược
40.	Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện

STT	NGÀNH, NGHỀ
41.	Kinh doanh xăng dầu
42.	Kinh doanh khí
43.	Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LPG)
44.	Kinh doanh dịch vụ giám định thương mại
45.	Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm cả hoạt động tiêu hủy)
46.	Kinh doanh tiền chất thuốc nổ
47.	Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ
48.	Kinh doanh dịch vụ nổ mìn
49.	Kinh doanh hóa chất, trừ hóa chất bị cấm theo Công ước Quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học
50.	Kinh doanh rượu
51.	Kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá
52.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương
53.	Hoạt động Sở giao dịch hàng hóa
54.	Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu điện, tư vấn chuyên ngành điện lực
55.	Xuất khẩu gạo
56.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt
57.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh
58.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng
59.	Nhượng quyền thương mại
60.	Kinh doanh dịch vụ Lô-gi-stíc
61.	Kinh doanh khoáng sản
62.	Kinh doanh tiền chất công nghiệp
63.	Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
64.	Kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp
65.	Hoạt động thương mại điện tử
66.	Hoạt động dầu khí
67.	Kiểm toán năng lượng
68.	Hoạt động giáo dục nghề nghiệp
69.	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
70.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề
71.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
72.	Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động
73.	Kinh doanh dịch vụ việc làm
74.	Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
75.	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện
76.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động
77.	Kinh doanh vận tải đường bộ
78.	Kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô
79.	Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô
80.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới
81.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô
82.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông
83.	Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe
84.	Kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông
85.	Kinh doanh vận tải đường thủy
86.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa

STT	NGÀNH, NGHỀ
87.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa
88.	Đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải
89.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải
90.	Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển
91.	Kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển
92.	Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng
93.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển
94.	Kinh doanh khai thác cảng biển
95.	Kinh doanh vận tải hàng không
96.	Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại Việt Nam
97.	Kinh doanh cảng hàng không, sân bay
98.	Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay
99.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm hoạt động bay
100.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không
101.	Kinh doanh vận tải đường sắt
102.	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt
103.	Kinh doanh đường sắt đô thị
104.	Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức
105.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm
106.	Kinh doanh vận tải đường ống
107.	Kinh doanh bất động sản
108.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản
109.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
110.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng
111.	Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng
112.	Kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng
113.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình
114.	Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình
115.	Hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài
116.	Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng
117.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng
118.	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
119.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
120.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng
121.	Kinh doanh dịch vụ lập thiết kế quy hoạch xây dựng
122.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện
123.	Kinh doanh sản phẩm amiang trắng thuộc nhóm Serpentine
124.	Kinh doanh dịch vụ bưu chính
125.	Kinh doanh dịch vụ viễn thông
126.	Kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký số
127.	Hoạt động của nhà xuất bản
128.	Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì
129.	Kinh doanh dịch vụ phát hành xuất bản phẩm
130.	Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội
131.	Kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet

STT	NGÀNH, NGHỀ
132.	Kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
133.	Kinh doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
134.	Dịch vụ gia công, tái chế, sửa chữa, làm mới sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho đối tác nước ngoài
135.	Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet
136.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền ".vn"
137.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng
138.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự
139.	Kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động
140.	Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non
141.	Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông
142.	Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học
143.	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
144.	Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên
145.	Hoạt động của trường chuyên biệt
146.	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
147.	Kiểm định chất lượng giáo dục
148.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
149.	Khai thác thủy sản
150.	Kinh doanh thủy sản
151.	Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
152.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
153.	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
154.	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá
155.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã theo Phụ lục của Công ước CITES
156.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm không quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
157.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường
158.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
159.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
160.	Kinh doanh thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại
161.	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
162.	Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật
163.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật
164.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật
165.	Kinh doanh thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y
166.	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y
167.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật
168.	Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật
169.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y

STT	NGÀNH, NGHỀ
	thủy sản)
170.	Kinh doanh chăn nuôi tập trung
171.	Kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm
172.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
173.	Kinh doanh dịch vụ cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật
174.	Kinh doanh phân bón
175.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm phân bón
176.	Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi
177.	Kinh doanh giống thủy sản
178.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi
179.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản
180.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
181.	Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen
182.	Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
183.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm HIV
184.	Kinh doanh dịch vụ ngân hàng mô
185.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ sinh sản, lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi
186.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm
187.	Kinh doanh dịch vụ tiêm chủng
188.	Kinh doanh dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
189.	Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ
190.	Kinh doanh dịch vụ thực hiện kỹ thuật mang thai hộ
191.	Kinh doanh dược
192.	Sản xuất mỹ phẩm
193.	Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế
194.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế
195.	Kinh doanh trang thiết bị y tế
196.	Hoạt động của cơ sở phân loại trang thiết bị y tế
197.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định trang thiết bị y tế
198.	Kinh doanh dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ (bao gồm: giám định về quyền tác giả và quyền liên quan, giám định sở hữu công nghiệp và giám định về quyền đối với giống cây trồng)
199.	Kinh doanh dịch vụ tiến hành công việc bức xạ
200.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử
201.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp
202.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
203.	Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy
204.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, định giá và giám định công nghệ
205.	Kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ
206.	Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim
207.	Kinh doanh dịch vụ giám định cổ vật
208.	Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch dự án, tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích
209.	Kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường
210.	Kinh doanh dịch vụ lễ hành
211.	Kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

STT	NGÀNH, NGHỀ
212.	Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu
213.	Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu
214.	Kinh doanh dịch vụ lưu trú
215.	Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng
216.	Mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
217.	Xuất khẩu di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; nhập khẩu hàng hóa văn hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
218.	Kinh doanh dịch vụ bảo tàng
219.	Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
220.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai
221.	Kinh doanh dịch vụ về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
222.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm của hệ thống thông tin đất đai
223.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai
224.	Kinh doanh dịch vụ xác định giá đất
225.	Kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ
226.	Kinh doanh dịch vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
227.	Kinh doanh dịch vụ khoan nước dưới đất, thăm dò nước dưới đất
228.	Kinh doanh dịch vụ khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước
229.	Kinh doanh dịch vụ điều tra cơ bản, tư vấn lập quy hoạch, đề án, báo cáo tài nguyên nước
230.	Kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản
231.	Khai thác khoáng sản
232.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại
233.	Nhập khẩu phế liệu
234.	Kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường
235.	Kinh doanh chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải
236.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại
237.	Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
238.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô
239.	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
240.	Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng
241.	Hoạt động ngoại hối của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng
242.	Kinh doanh vàng
243.	Hoạt động in, đúc tiền

09. Thủ tục: Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (áp dụng trong các trường hợp: Thay đổi tên dự án đầu tư, địa chỉ của nhà đầu tư; địa điểm, diện tích đất sử dụng; mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư)

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30' đến 10giờ30'; Chiều: từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, địa chỉ của nhà đầu tư: <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (bản chính - theo mẫu I.7). - Tài liệu, giấy tờ chứng minh việc thay đổi tên, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc tên dự án đầu tư. * Trường hợp thay đổi địa điểm, diện tích đất sử dụng; mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (bản chính - theo mẫu I.7). - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (bản chính - theo mẫu I.8). - Quyết định về việc điều chỉnh dự án đầu tư của nhà đầu tư (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7, 8, 10, Điều 39 Luật đầu tư) (bản chính), gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng; + Mục tiêu, quy mô dự án;

	<p>+ Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp và vốn huy động) tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn;</p> <p>+ Thời hạn hoạt động của dự án;</p> <p>+ Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án, trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn;</p> <p>+ Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có).</p> <p>- Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Khoản 1, Điều 33, Luật Đầu tư, có liên quan đến các nội dung điều chỉnh (nếu có), gồm:</p> <p>+ Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức (<i>bản sao</i>);</p> <p>+ Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>bản chính</i>);</p> <p>+ Một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (<i>bản sao</i>);</p> <p>+ Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (<i>bản chính</i>); trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư (<i>bản sao</i>);</p> <p>+ Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư (<i>Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ</i>) gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính (<i>bản chính</i>);</p> <p>+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (<i>bản sao</i>).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (<i>đối với trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, địa chỉ của nhà đầu tư</i>).</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (<i>đối với trường hợp thay đổi địa điểm, diện tích đất sử dụng; mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư</i>).</p>
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh</p> <p>- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị, địa phương có liên quan.</p>
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Điều chỉnh) hoặc văn bản thông báo từ chối.
Lệ phí	Không.

Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư - áp dụng cho điều chỉnh dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (<i>Mẫu 1.7 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu 1.8 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 (<i>có phụ lục đính kèm</i>) phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 9, Nghị định 118/2015/NĐ-CP (<i>có phụ lục đính kèm</i>) và điều kiện của pháp luật chuyên ngành dự án đầu tư (nếu có). - Đối với nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 và Điều 10 Nghị định 118/2015/NĐ-CP, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế; + Điều kiện về hình thức đầu tư; + Điều kiện về phạm vi hoạt động đầu tư; + Điều kiện về đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư; + Điều kiện khác theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh-không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày: / / Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: / / Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

.....

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:do

..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số	Ngày cấp	Cơ quan	Ghi chú
-----	----------	---------------	----------	---------	---------

		dự án		cấp	<i>(Còn hoặc hết hiệu lực)</i>

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo*(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):*

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh *(nếu có).*

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP*(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo)*.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư*(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật)*.

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu *(nếu có)*

Mẫu I.8:

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC

Nghị định số 118/2015/NĐ-CP

Điều 9. Thực hiện quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh

1. Cá nhân, tổ chức kinh tế được quyền kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.
2. Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một hoặc một số hình thức sau đây:
 - a) Giấy phép;
 - b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện;
 - c) Chứng chỉ hành nghề;
 - d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;
 - đ) Văn bản xác nhận;
 - e) Các hình thức văn bản khác theo quy định của pháp luật không được quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản này;
 - g) Các điều kiện mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới các hình thức văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này.
3. Mọi cá nhân, tổ chức đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh đều có quyền được cấp các văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là giấy phép) hoặc được quyền thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này. Trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức và nêu rõ lý do từ chối.
4. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư)

STT	NGÀNH, NGHỀ
1.	Sản xuất con dấu
2.	Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa)
3.	Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ
4.	Kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị
5.	Kinh doanh súng bắn sơn
6.	Kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng
7.	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ
8.	Kinh doanh dịch vụ xoa bóp
9.	Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên
10.	Kinh doanh dịch vụ đòi nợ
11.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
12.	Kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy
13.	Hành nghề luật sư
14.	Hành nghề công chứng
15.	Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả
16.	Hành nghề đấu giá tài sản
17.	Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại
18.	Hành nghề thừa phát lại
19.	Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản
20.	Kinh doanh dịch vụ kế toán
21.	Kinh doanh dịch vụ kiểm toán
22.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế
23.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan
24.	Kinh doanh hàng miễn thuế
25.	Kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ
26.	Kinh doanh địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
27.	Kinh doanh chứng khoán
28.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán/ Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán niêm yết và các loại chứng khoán khác
29.	Kinh doanh bảo hiểm
30.	Kinh doanh tái bảo hiểm
31.	Môi giới bảo hiểm
32.	Đại lý bảo hiểm
33.	Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
34.	Kinh doanh xổ số
35.	Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài
36.	Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ
37.	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm
38.	Kinh doanh casino
39.	Kinh doanh đặt cược
40.	Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện

STT	NGÀNH, NGHỀ
41.	Kinh doanh xăng dầu
42.	Kinh doanh khí
43.	Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LPG)
44.	Kinh doanh dịch vụ giám định thương mại
45.	Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm cả hoạt động tiêu hủy)
46.	Kinh doanh tiền chất thuốc nổ
47.	Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ
48.	Kinh doanh dịch vụ nổ mìn
49.	Kinh doanh hóa chất, trừ hóa chất bị cấm theo Công ước Quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học
50.	Kinh doanh rượu
51.	Kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá
52.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương
53.	Hoạt động Sở giao dịch hàng hóa
54.	Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu điện, tư vấn chuyên ngành điện lực
55.	Xuất khẩu gạo
56.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt
57.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh
58.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng
59.	Nhượng quyền thương mại
60.	Kinh doanh dịch vụ Lô-gi-stíc
61.	Kinh doanh khoáng sản
62.	Kinh doanh tiền chất công nghiệp
63.	Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
64.	Kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp
65.	Hoạt động thương mại điện tử
66.	Hoạt động dầu khí
67.	Kiểm toán năng lượng
68.	Hoạt động giáo dục nghề nghiệp
69.	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
70.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề
71.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
72.	Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động
73.	Kinh doanh dịch vụ việc làm
74.	Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
75.	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện
76.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động
77.	Kinh doanh vận tải đường bộ
78.	Kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô
79.	Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô
80.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới
81.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô
82.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông
83.	Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe
84.	Kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông
85.	Kinh doanh vận tải đường thủy
86.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa

STT	NGÀNH, NGHỀ
87.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa
88.	Đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải
89.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải
90.	Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển
91.	Kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển
92.	Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng
93.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển
94.	Kinh doanh khai thác cảng biển
95.	Kinh doanh vận tải hàng không
96.	Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại Việt Nam
97.	Kinh doanh cảng hàng không, sân bay
98.	Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay
99.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm hoạt động bay
100.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không
101.	Kinh doanh vận tải đường sắt
102.	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt
103.	Kinh doanh đường sắt đô thị
104.	Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức
105.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm
106.	Kinh doanh vận tải đường ống
107.	Kinh doanh bất động sản
108.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản
109.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
110.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng
111.	Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng
112.	Kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng
113.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình
114.	Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình
115.	Hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài
116.	Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng
117.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng
118.	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
119.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
120.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng
121.	Kinh doanh dịch vụ lập thiết kế quy hoạch xây dựng
122.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện
123.	Kinh doanh sản phẩm amiang trắng thuộc nhóm Serpentine
124.	Kinh doanh dịch vụ bưu chính
125.	Kinh doanh dịch vụ viễn thông
126.	Kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký số
127.	Hoạt động của nhà xuất bản
128.	Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì
129.	Kinh doanh dịch vụ phát hành xuất bản phẩm
130.	Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội
131.	Kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet

STT	NGÀNH, NGHỀ
132.	Kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
133.	Kinh doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
134.	Dịch vụ gia công, tái chế, sửa chữa, làm mới sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho đối tác nước ngoài
135.	Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet
136.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền ".vn"
137.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng
138.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự
139.	Kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động
140.	Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non
141.	Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông
142.	Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học
143.	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
144.	Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên
145.	Hoạt động của trường chuyên biệt
146.	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
147.	Kiểm định chất lượng giáo dục
148.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
149.	Khai thác thủy sản
150.	Kinh doanh thủy sản
151.	Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
152.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
153.	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
154.	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá
155.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã theo Phụ lục của Công ước CITES
156.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm không quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
157.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường
158.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
159.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
160.	Kinh doanh thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại
161.	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
162.	Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật
163.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật
164.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật
165.	Kinh doanh thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y
166.	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y
167.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật
168.	Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật
169.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y

STT	NGÀNH, NGHỀ
	thủy sản)
170.	Kinh doanh chăn nuôi tập trung
171.	Kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm
172.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
173.	Kinh doanh dịch vụ cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật
174.	Kinh doanh phân bón
175.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm phân bón
176.	Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi
177.	Kinh doanh giống thủy sản
178.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi
179.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản
180.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
181.	Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen
182.	Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
183.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm HIV
184.	Kinh doanh dịch vụ ngân hàng mô
185.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ sinh sản, lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi
186.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm
187.	Kinh doanh dịch vụ tiêm chủng
188.	Kinh doanh dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
189.	Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ
190.	Kinh doanh dịch vụ thực hiện kỹ thuật mang thai hộ
191.	Kinh doanh dược
192.	Sản xuất mỹ phẩm
193.	Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế
194.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế
195.	Kinh doanh trang thiết bị y tế
196.	Hoạt động của cơ sở phân loại trang thiết bị y tế
197.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định trang thiết bị y tế
198.	Kinh doanh dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ (bao gồm: giám định về quyền tác giả và quyền liên quan, giám định sở hữu công nghiệp và giám định về quyền đối với giống cây trồng)
199.	Kinh doanh dịch vụ tiến hành công việc bức xạ
200.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử
201.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp
202.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
203.	Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy
204.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, định giá và giám định công nghệ
205.	Kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ
206.	Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim
207.	Kinh doanh dịch vụ giám định cổ vật
208.	Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch dự án, tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích
209.	Kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường
210.	Kinh doanh dịch vụ lễ hành
211.	Kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

STT	NGÀNH, NGHỀ
212.	Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu
213.	Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu
214.	Kinh doanh dịch vụ lưu trú
215.	Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng
216.	Mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
217.	Xuất khẩu di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; nhập khẩu hàng hóa văn hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
218.	Kinh doanh dịch vụ bảo tàng
219.	Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
220.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai
221.	Kinh doanh dịch vụ về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
222.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm của hệ thống thông tin đất đai
223.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai
224.	Kinh doanh dịch vụ xác định giá đất
225.	Kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ
226.	Kinh doanh dịch vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
227.	Kinh doanh dịch vụ khoan nước dưới đất, thăm dò nước dưới đất
228.	Kinh doanh dịch vụ khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước
229.	Kinh doanh dịch vụ điều tra cơ bản, tư vấn lập quy hoạch, đề án, báo cáo tài nguyên nước
230.	Kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản
231.	Khai thác khoáng sản
232.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại
233.	Nhập khẩu phế liệu
234.	Kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường
235.	Kinh doanh chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải
236.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại
237.	Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
238.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô
239.	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
240.	Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng
241.	Hoạt động ngoại hối của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng
242.	Kinh doanh vàng
243.	Hoạt động in, đúc tiền

10. Thủ tục: Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p><i>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư <i>(bản chính - theo mẫu I.6)</i>. - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh “bản chính” <i>(bản chính - theo mẫu I.8)</i>. - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7, 8, 10, Điều 39, Luật đầu tư) <i>(bản chính)</i>, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng + Mục tiêu, quy mô dự án; + Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp và vốn huy động) tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; + Thời hạn hoạt động của dự án; + Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án, trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn; + Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có). - Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g Khoản 1, Điều 33, Luật Đầu tư, có liên quan đến các nội dung điều chỉnh, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương

	<p>khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức (<i>bản sao</i>);</p> <p>+ Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>bản chính</i>);</p> <p>+ Một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (<i>bản sao</i>);</p> <p>+ Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (<i>bản chính</i>); trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư (<i>bản sao</i>);</p> <p>+ Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư (<i>Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ</i>) gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính (<i>bản chính</i>);</p> <p>+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (<i>bản sao</i>).</p> <p><i>b. Số lượng hồ sơ: 04 bộ.</i></p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong thời hạn 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư, các đơn vị được lấy ý kiến phải có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. Quá thời hạn quy định trên mà các đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến trả lời hoặc không có lý do, phản ánh vướng mắc thì được coi là đã đồng ý với nội dung điều chỉnh dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không phù hợp với quy hoạch. - Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban quản lý khu kinh tế tỉnh điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư. <p>* Đối với dự án đầu tư phù hợp quy hoạch, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh (đối với dự án đầu tư không phù hợp với quy hoạch) - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp

	<p>thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh (đối với dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch; điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư phù hợp hoặc không phù hợp với quy hoạch)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc thông báo từ chối. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) - trường hợp chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.
Lệ phí	Không,
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu I.6 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu I.8 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 (<i>có phụ lục đính kèm</i>) phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 9, Nghị định 118/2015/NĐ-CP (<i>có phụ lục đính kèm</i>) và điều kiện của pháp luật chuyên ngành dự án đầu tư (nếu có). - Đối với nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 và Điều 10 Nghị định 118/2015/NĐ-CP, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế; + Điều kiện về hình thức đầu tư; + Điều kiện về phạm vi hoạt động đầu tư; + Điều kiện về đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư; + Điều kiện khác theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

.....

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....

- Nay đề nghị sửa thành:

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

....., ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8:

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC

Nghị định số 118/2015/NĐ-CP

Điều 9. Thực hiện quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh

1. Cá nhân, tổ chức kinh tế được quyền kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.
2. Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một hoặc một số hình thức sau đây:
 - a) Giấy phép;
 - b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện;
 - c) Chứng chỉ hành nghề;
 - d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;
 - đ) Văn bản xác nhận;
 - e) Các hình thức văn bản khác theo quy định của pháp luật không được quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản này;
 - g) Các điều kiện mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới các hình thức văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này.
3. Mọi cá nhân, tổ chức đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh đều có quyền được cấp các văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là giấy phép) hoặc được quyền thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này. Trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức và nêu rõ lý do từ chối.
4. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư)

STT	NGÀNH, NGHỀ
1.	Sản xuất con dấu
2.	Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa)
3.	Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ
4.	Kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị
5.	Kinh doanh súng bắn sơn
6.	Kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng
7.	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ
8.	Kinh doanh dịch vụ xoa bóp
9.	Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên
10.	Kinh doanh dịch vụ đòi nợ
11.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
12.	Kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy
13.	Hành nghề luật sư
14.	Hành nghề công chứng
15.	Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả
16.	Hành nghề đấu giá tài sản
17.	Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại
18.	Hành nghề thừa phát lại
19.	Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản
20.	Kinh doanh dịch vụ kế toán
21.	Kinh doanh dịch vụ kiểm toán
22.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế
23.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan
24.	Kinh doanh hàng miễn thuế
25.	Kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ
26.	Kinh doanh địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
27.	Kinh doanh chứng khoán
28.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán/ Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán niêm yết và các loại chứng khoán khác
29.	Kinh doanh bảo hiểm
30.	Kinh doanh tái bảo hiểm
31.	Môi giới bảo hiểm
32.	Đại lý bảo hiểm
33.	Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
34.	Kinh doanh xổ số
35.	Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài
36.	Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ
37.	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm
38.	Kinh doanh casino
39.	Kinh doanh đặt cược
40.	Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện

STT	NGÀNH, NGHỀ
41.	Kinh doanh xăng dầu
42.	Kinh doanh khí
43.	Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LPG)
44.	Kinh doanh dịch vụ giám định thương mại
45.	Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm cả hoạt động tiêu hủy)
46.	Kinh doanh tiền chất thuốc nổ
47.	Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ
48.	Kinh doanh dịch vụ nổ mìn
49.	Kinh doanh hóa chất, trừ hóa chất bị cấm theo Công ước Quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học
50.	Kinh doanh rượu
51.	Kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá
52.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương
53.	Hoạt động Sở giao dịch hàng hóa
54.	Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu điện, tư vấn chuyên ngành điện lực
55.	Xuất khẩu gạo
56.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt
57.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh
58.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng
59.	Nhượng quyền thương mại
60.	Kinh doanh dịch vụ Lô-gi-stíc
61.	Kinh doanh khoáng sản
62.	Kinh doanh tiền chất công nghiệp
63.	Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
64.	Kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp
65.	Hoạt động thương mại điện tử
66.	Hoạt động dầu khí
67.	Kiểm toán năng lượng
68.	Hoạt động giáo dục nghề nghiệp
69.	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
70.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề
71.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
72.	Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động
73.	Kinh doanh dịch vụ việc làm
74.	Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
75.	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện
76.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động
77.	Kinh doanh vận tải đường bộ
78.	Kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô
79.	Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô
80.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới
81.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô
82.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông
83.	Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe
84.	Kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông
85.	Kinh doanh vận tải đường thủy
86.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa

STT	NGÀNH, NGHỀ
87.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa
88.	Đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải
89.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải
90.	Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển
91.	Kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển
92.	Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng
93.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển
94.	Kinh doanh khai thác cảng biển
95.	Kinh doanh vận tải hàng không
96.	Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại Việt Nam
97.	Kinh doanh cảng hàng không, sân bay
98.	Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay
99.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm hoạt động bay
100.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không
101.	Kinh doanh vận tải đường sắt
102.	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt
103.	Kinh doanh đường sắt đô thị
104.	Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức
105.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm
106.	Kinh doanh vận tải đường ống
107.	Kinh doanh bất động sản
108.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản
109.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
110.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng
111.	Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng
112.	Kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng
113.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình
114.	Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình
115.	Hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài
116.	Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng
117.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng
118.	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
119.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
120.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng
121.	Kinh doanh dịch vụ lập thiết kế quy hoạch xây dựng
122.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện
123.	Kinh doanh sản phẩm amiang trắng thuộc nhóm Serpentine
124.	Kinh doanh dịch vụ bưu chính
125.	Kinh doanh dịch vụ viễn thông
126.	Kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký số
127.	Hoạt động của nhà xuất bản
128.	Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì
129.	Kinh doanh dịch vụ phát hành xuất bản phẩm
130.	Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội
131.	Kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet

STT	NGÀNH, NGHỀ
132.	Kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
133.	Kinh doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
134.	Dịch vụ gia công, tái chế, sửa chữa, làm mới sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho đối tác nước ngoài
135.	Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet
136.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền ".vn"
137.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng
138.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự
139.	Kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động
140.	Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non
141.	Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông
142.	Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học
143.	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
144.	Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên
145.	Hoạt động của trường chuyên biệt
146.	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
147.	Kiểm định chất lượng giáo dục
148.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
149.	Khai thác thủy sản
150.	Kinh doanh thủy sản
151.	Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
152.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
153.	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
154.	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá
155.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã theo Phụ lục của Công ước CITES
156.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm không quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
157.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường
158.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
159.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
160.	Kinh doanh thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại
161.	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
162.	Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật
163.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật
164.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật
165.	Kinh doanh thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y
166.	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y
167.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật
168.	Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật
169.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y

STT	NGÀNH, NGHỀ
	thủy sản)
170.	Kinh doanh chăn nuôi tập trung
171.	Kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm
172.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
173.	Kinh doanh dịch vụ cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật
174.	Kinh doanh phân bón
175.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm phân bón
176.	Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi
177.	Kinh doanh giống thủy sản
178.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi
179.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản
180.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
181.	Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen
182.	Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
183.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm HIV
184.	Kinh doanh dịch vụ ngân hàng mô
185.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ sinh sản, lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi
186.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm
187.	Kinh doanh dịch vụ tiêm chủng
188.	Kinh doanh dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
189.	Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ
190.	Kinh doanh dịch vụ thực hiện kỹ thuật mang thai hộ
191.	Kinh doanh dược
192.	Sản xuất mỹ phẩm
193.	Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế
194.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế
195.	Kinh doanh trang thiết bị y tế
196.	Hoạt động của cơ sở phân loại trang thiết bị y tế
197.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định trang thiết bị y tế
198.	Kinh doanh dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ (bao gồm: giám định về quyền tác giả và quyền liên quan, giám định sở hữu công nghiệp và giám định về quyền đối với giống cây trồng)
199.	Kinh doanh dịch vụ tiến hành công việc bức xạ
200.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử
201.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp
202.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
203.	Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy
204.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, định giá và giám định công nghệ
205.	Kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ
206.	Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim
207.	Kinh doanh dịch vụ giám định cổ vật
208.	Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch dự án, tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích
209.	Kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường
210.	Kinh doanh dịch vụ lễ hành
211.	Kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

STT	NGÀNH, NGHỀ
212.	Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu
213.	Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu
214.	Kinh doanh dịch vụ lưu trú
215.	Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng
216.	Mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
217.	Xuất khẩu di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; nhập khẩu hàng hóa văn hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
218.	Kinh doanh dịch vụ bảo tàng
219.	Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
220.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai
221.	Kinh doanh dịch vụ về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
222.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm của hệ thống thông tin đất đai
223.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai
224.	Kinh doanh dịch vụ xác định giá đất
225.	Kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ
226.	Kinh doanh dịch vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
227.	Kinh doanh dịch vụ khoan nước dưới đất, thăm dò nước dưới đất
228.	Kinh doanh dịch vụ khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước
229.	Kinh doanh dịch vụ điều tra cơ bản, tư vấn lập quy hoạch, đề án, báo cáo tài nguyên nước
230.	Kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản
231.	Khai thác khoáng sản
232.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại
233.	Nhập khẩu phế liệu
234.	Kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường
235.	Kinh doanh chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải
236.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại
237.	Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
238.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô
239.	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
240.	Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng
241.	Hoạt động ngoại hối của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng
242.	Kinh doanh vàng
243.	Hoạt động in, đúc tiền

11. Thủ tục: Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (điều chỉnh mục tiêu, địa điểm, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư).

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (bản chính - theo mẫu). - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (bản chính - theo mẫu). - Quyết định về việc điều chỉnh dự án đầu tư của nhà đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7, 8, 10, Điều 39, Luật đầu tư) (bản chính), gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng; + Mục tiêu, quy mô dự án; + Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp và vốn huy động) tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; + Thời hạn hoạt động của dự án; + Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án, trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn; + Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có). - Giải trình hoặc cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh

	<p>những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g, Khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có) liên quan đến các nội dung điều chỉnh, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức (<i>bản sao</i>); + Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>bản chính</i>); + Một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (<i>bản sao</i>); + Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (<i>bản chính</i>); trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư (<i>bản sao</i>); + Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư (<i>Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ</i>) gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính (<i>bản chính</i>); + Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (<i>bản sao</i>). <p><i>b. Số lượng hồ sơ: 08 bộ</i></p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Trong thời hạn 47 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban quản lý khu kinh tế gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư đồng thời gửi hồ sơ cho các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về các nội dung theo quy định. - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban quản lý khu kinh tế, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Ban quản lý khu kinh tế và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban quản lý khu kinh tế trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư. - Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi về Bộ Kế hoạch Đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban quản lý khu kinh tế tỉnh điều chỉnh Giấy chứng

	<p>nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.</p> <p>* Đối với dự án đầu tư có quy mô từ 5000 tỷ VNĐ trở lên phù hợp với quy hoạch, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch Đầu tư và các cơ quan có liên quan, Ban Quản lý Khu kinh tế điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.</p>
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh (đối với dự án đầu tư có quy mô từ 5000 tỷ VNĐ trở lên phù hợp với quy hoạch) - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của Thủ tướng chính phủ hoặc văn bản thông báo từ chối. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) hoặc thông báo từ chối.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư - áp dụng đối với trường hợp có điều chỉnh chủ trương đầu tư (<i>Mẫu 1.6 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu 1.8 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 (<i>có phụ lục đính kèm</i>) phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (<i>có phụ lục đính kèm</i>) và điều kiện của pháp luật chuyên ngành dự án đầu tư (nếu có). - Đối với nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 và Điều 10 Nghị định 118/2015/NĐ-CP, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế; + Điều kiện về hình thức đầu tư; + Điều kiện về phạm vi hoạt động đầu tư; + Điều kiện về đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư; + Điều kiện khác theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

.....

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....

- Nay đề nghị sửa thành:

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

....., ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8:

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):

- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):

- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC

Nghị định số 118/2015/NĐ-CP

Điều 9. Thực hiện quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh

1. Cá nhân, tổ chức kinh tế được quyền kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.
2. Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một hoặc một số hình thức sau đây:
 - a) Giấy phép;
 - b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện;
 - c) Chứng chỉ hành nghề;
 - d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;
 - đ) Văn bản xác nhận;
 - e) Các hình thức văn bản khác theo quy định của pháp luật không được quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản này;
 - g) Các điều kiện mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới các hình thức văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này.
3. Mọi cá nhân, tổ chức đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh đều có quyền được cấp các văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là giấy phép) hoặc được quyền thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này. Trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức và nêu rõ lý do từ chối.
4. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư)

STT	NGÀNH, NGHỀ
1.	Sản xuất con dấu
2.	Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa)
3.	Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ
4.	Kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị
5.	Kinh doanh súng bắn sơn
6.	Kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng
7.	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ
8.	Kinh doanh dịch vụ xoa bóp
9.	Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên
10.	Kinh doanh dịch vụ đòi nợ
11.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
12.	Kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy
13.	Hành nghề luật sư
14.	Hành nghề công chứng
15.	Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả
16.	Hành nghề đấu giá tài sản
17.	Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại
18.	Hành nghề thừa phát lại
19.	Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản
20.	Kinh doanh dịch vụ kế toán
21.	Kinh doanh dịch vụ kiểm toán
22.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế
23.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan
24.	Kinh doanh hàng miễn thuế
25.	Kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ
26.	Kinh doanh địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
27.	Kinh doanh chứng khoán
28.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán/ Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán niêm yết và các loại chứng khoán khác
29.	Kinh doanh bảo hiểm
30.	Kinh doanh tái bảo hiểm
31.	Môi giới bảo hiểm
32.	Đại lý bảo hiểm
33.	Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
34.	Kinh doanh xổ số
35.	Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài
36.	Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ
37.	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm
38.	Kinh doanh casino
39.	Kinh doanh đặt cược
40.	Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện

STT	NGÀNH, NGHỀ
41.	Kinh doanh xăng dầu
42.	Kinh doanh khí
43.	Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LPG)
44.	Kinh doanh dịch vụ giám định thương mại
45.	Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm cả hoạt động tiêu hủy)
46.	Kinh doanh tiền chất thuốc nổ
47.	Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ
48.	Kinh doanh dịch vụ nổ mìn
49.	Kinh doanh hóa chất, trừ hóa chất bị cấm theo Công ước Quốc tế về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học
50.	Kinh doanh rượu
51.	Kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá
52.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương
53.	Hoạt động Sở giao dịch hàng hóa
54.	Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu điện, tư vấn chuyên ngành điện lực
55.	Xuất khẩu gạo
56.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt
57.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh
58.	Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đã qua sử dụng
59.	Nhượng quyền thương mại
60.	Kinh doanh dịch vụ Lô-gi-stíc
61.	Kinh doanh khoáng sản
62.	Kinh doanh tiền chất công nghiệp
63.	Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
64.	Kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp
65.	Hoạt động thương mại điện tử
66.	Hoạt động dầu khí
67.	Kiểm toán năng lượng
68.	Hoạt động giáo dục nghề nghiệp
69.	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
70.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề
71.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
72.	Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động
73.	Kinh doanh dịch vụ việc làm
74.	Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
75.	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện
76.	Kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động
77.	Kinh doanh vận tải đường bộ
78.	Kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô
79.	Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô
80.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới
81.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô
82.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông
83.	Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe
84.	Kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông
85.	Kinh doanh vận tải đường thủy
86.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa

STT	NGÀNH, NGHỀ
87.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa
88.	Đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải
89.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải
90.	Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển
91.	Kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển
92.	Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng
93.	Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển
94.	Kinh doanh khai thác cảng biển
95.	Kinh doanh vận tải hàng không
96.	Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại Việt Nam
97.	Kinh doanh cảng hàng không, sân bay
98.	Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay
99.	Kinh doanh dịch vụ bảo đảm hoạt động bay
100.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không
101.	Kinh doanh vận tải đường sắt
102.	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt
103.	Kinh doanh đường sắt đô thị
104.	Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức
105.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm
106.	Kinh doanh vận tải đường ống
107.	Kinh doanh bất động sản
108.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản
109.	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
110.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng
111.	Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng
112.	Kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng
113.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình
114.	Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình
115.	Hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài
116.	Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng
117.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng
118.	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
119.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư
120.	Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng
121.	Kinh doanh dịch vụ lập thiết kế quy hoạch xây dựng
122.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện
123.	Kinh doanh sản phẩm amiang trắng thuộc nhóm Serpentine
124.	Kinh doanh dịch vụ bưu chính
125.	Kinh doanh dịch vụ viễn thông
126.	Kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký số
127.	Hoạt động của nhà xuất bản
128.	Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì
129.	Kinh doanh dịch vụ phát hành xuất bản phẩm
130.	Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội
131.	Kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet

STT	NGÀNH, NGHỀ
132.	Kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
133.	Kinh doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
134.	Dịch vụ gia công, tái chế, sửa chữa, làm mới sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho đối tác nước ngoài
135.	Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet
136.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền ".vn"
137.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng
138.	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự
139.	Kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động
140.	Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non
141.	Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông
142.	Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học
143.	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
144.	Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên
145.	Hoạt động của trường chuyên biệt
146.	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
147.	Kiểm định chất lượng giáo dục
148.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
149.	Khai thác thủy sản
150.	Kinh doanh thủy sản
151.	Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
152.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi
153.	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
154.	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá
155.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã theo Phụ lục của Công ước CITES
156.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm không quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
157.	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường
158.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
159.	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo quy định tại Phụ lục của Công ước CITES
160.	Kinh doanh thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại
161.	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
162.	Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật
163.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật
164.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật
165.	Kinh doanh thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y
166.	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y
167.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật
168.	Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật
169.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y

STT	NGÀNH, NGHỀ
	thủy sản)
170.	Kinh doanh chăn nuôi tập trung
171.	Kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm
172.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
173.	Kinh doanh dịch vụ cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật
174.	Kinh doanh phân bón
175.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm phân bón
176.	Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi
177.	Kinh doanh giống thủy sản
178.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi
179.	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản
180.	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản
181.	Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen
182.	Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
183.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm HIV
184.	Kinh doanh dịch vụ ngân hàng mô
185.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ sinh sản, lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi
186.	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm
187.	Kinh doanh dịch vụ tiêm chủng
188.	Kinh doanh dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
189.	Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ
190.	Kinh doanh dịch vụ thực hiện kỹ thuật mang thai hộ
191.	Kinh doanh dược
192.	Sản xuất mỹ phẩm
193.	Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế
194.	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế
195.	Kinh doanh trang thiết bị y tế
196.	Hoạt động của cơ sở phân loại trang thiết bị y tế
197.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định trang thiết bị y tế
198.	Kinh doanh dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ (bao gồm: giám định về quyền tác giả và quyền liên quan, giám định sở hữu công nghiệp và giám định về quyền đối với giống cây trồng)
199.	Kinh doanh dịch vụ tiến hành công việc bức xạ
200.	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử
201.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp
202.	Kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
203.	Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy
204.	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, định giá và giám định công nghệ
205.	Kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ
206.	Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim
207.	Kinh doanh dịch vụ giám định cổ vật
208.	Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch dự án, tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích
209.	Kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường
210.	Kinh doanh dịch vụ lễ hành
211.	Kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

STT	NGÀNH, NGHỀ
212.	Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu
213.	Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu
214.	Kinh doanh dịch vụ lưu trú
215.	Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng
216.	Mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
217.	Xuất khẩu di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; nhập khẩu hàng hóa văn hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
218.	Kinh doanh dịch vụ bảo tàng
219.	Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
220.	Kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai
221.	Kinh doanh dịch vụ về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
222.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm của hệ thống thông tin đất đai
223.	Kinh doanh dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai
224.	Kinh doanh dịch vụ xác định giá đất
225.	Kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ
226.	Kinh doanh dịch vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
227.	Kinh doanh dịch vụ khoan nước dưới đất, thăm dò nước dưới đất
228.	Kinh doanh dịch vụ khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước
229.	Kinh doanh dịch vụ điều tra cơ bản, tư vấn lập quy hoạch, đề án, báo cáo tài nguyên nước
230.	Kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản
231.	Khai thác khoáng sản
232.	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại
233.	Nhập khẩu phế liệu
234.	Kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường
235.	Kinh doanh chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải
236.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại
237.	Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
238.	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô
239.	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
240.	Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng
241.	Hoạt động ngoại hối của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng
242.	Kinh doanh vàng
243.	Hoạt động in, đúc tiền

12. Thủ tục: Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư
(áp dụng đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư).

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30' đến 10giờ30'; Chiều: từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư của nhà đầu tư chuyển nhượng dự án (bản chính - theo mẫu I.7). - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư của nhà đầu tư chuyển nhượng dự án (bản chính - theo mẫu I.8). - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư (theo mẫu) hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương (bản chính). - Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng (bản sao). - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có) (bản sao). - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (bản sao). - Một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (bản sao). - Văn bản của bên chuyển nhượng dự án đầu tư về việc trả lại toàn bộ

	<p>diện tích đất của dự án đầu tư (chuyển nhượng) để Ban Quản lý khu kinh tế cho bên nhận chuyển nhượng dự án đầu tư thuê đất (<i>trường hợp trả tiền thuê đất hàng năm</i>).</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (<i>điều chỉnh</i>) hoặc văn bản thông báo từ chối.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu I.7 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu I.8 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án (<i>Mẫu số 05 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<p>Đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1, Điều 45, Luật Đầu tư. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt (tại Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư): <ul style="list-style-type: none"> + Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án. + Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng điều lệ doanh nghiệp. + Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư. + Dự án thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 (<i>Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư trong các trường hợp sau đây: Để bảo vệ di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của Luật di sản văn hóa; Để khắc phục vi phạm môi trường theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về môi trường; Để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về lao động; Theo quyết định, bản án của Tòa án, Trọng tài; Nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm</i>) và 3 (<i>Thủ tướng Chính phủ quyết định ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp việc thực hiện dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>) Điều 47 của Luật Đầu tư. + Nhà đầu tư bị Nhà nước thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư và không thực hiện thủ tục điều chỉnh địa điểm đầu tư trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư. + Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động, cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. + Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Đầu tư (<i>có phụ lục đính kèm</i>). + Theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài. <p>- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng với nhà đầu tư nước ngoài.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất. - Điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014.</i> - <i>Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.</i> - <i>Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ.</i> - <i>Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</i>

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh-không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày: / / Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: / / Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

.....

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án) với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số	Ngày cấp	Cơ quan	Ghi chú
-----	----------	---------------	----------	---------	---------

		dự án		cấp	<i>(Còn hoặc hết hiệu lực)</i>

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (*liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo*).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản họp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

Mẫu I.8:

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):

- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):

- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN
(HOẶC MỘT PHẦN DỰ ÁN)**

Số/HĐKT

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số:/2015/NĐ-CP ngày tháng năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;
Căn cứ văn bản cho phép chuyển nhượng dự án (một phần dự án) số ngày ... tháng năm của

Hai bên chúng tôi gồm:

I. BÊN CHUYỂN NHƯỢNG

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
- Mã số doanh nghiệp:
- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
- Số CMND (Hộ chiếu): Cấp ngày/...../..... Tại:
- Điện thoại: Fax:
- Tài khoản: tại ngân hàng:
- Mã số thuế:

II. BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:
- Mã số doanh nghiệp:
- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
- Số CMND (Hộ chiếu): Cấp ngày/...../..... Tại:
- Điện thoại: Fax:
- Tài khoản: Tại ngân hàng:
- Mã số thuế:

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án (hoặc một phần dự án) với các nội dung sau:

Điều 1. Thông tin cơ bản về dự án đã được phê duyệt

Nội dung chính của dự án đã được phê duyệt (một phần dự án) gồm:

- Tên dự án:
- Diện tích đất:
- Nội dung về quy hoạch sử dụng đất:
- Nội dung về quy hoạch xây dựng:
- Nội dung về công trình xây dựng (tổng diện tích sàn, diện tích sàn nhà:)
- Tổng mức đầu tư:
- Tiến độ dự án:
- Nguồn vốn:
- Các nội dung khác:

(Nếu chuyển nhượng một phần dự án cần thêm mục 2 về số liệu của phần dự án chuyển nhượng tương tự như trên)

Điều 2. Thông tin chi tiết về kết quả thực hiện đến thời điểm chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án)

- Về giải phóng mặt bằng:
- Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật:
- Về xây dựng công trình:
- Thông tin khác:

Điều 3. Giá chuyển nhượng

Điều 4. Phương thức và thời hạn thanh toán

1. Phương thức thanh toán: bằng (chuyển khoản hoặc hình thức khác)
2. Thời hạn thanh toán:
 - Trả lần đầu là: đồng vào ngày/...../.....
 - Trả tiếp theo là: đồng vào ngày/...../.....
 - Các quy định khác do hai bên thỏa thuận:

Điều 5. Thời hạn bàn giao và nhận dự án (hoặc phần dự án)

1. Cách thức bàn giao: Bàn giao trên hồ sơ hoặc phần nhận dự án, bàn giao trên thực địa: ..
2. Thời gian bàn giao:

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng

1. Quyền của Bên chuyển nhượng:

Bên chuyển nhượng có các quyền theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các quyền sau:

- a) Yêu cầu bên nhận chuyển nhượng trả đủ tiền đúng thời hạn ghi trong hợp đồng;
- b) Yêu cầu Bên nhận chuyển nhượng nhận bàn giao toàn bộ dự án hoặc phần dự án đúng thời hạn ghi trong hợp đồng;
- c) Các quyền khác do hai bên thỏa thuận:

2. Nghĩa vụ của Bên chuyển nhượng:

Bên chuyển nhượng có nghĩa vụ theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các nghĩa vụ sau:

- a) Bàn giao toàn bộ dự án hoặc phần dự án trên thực địa và toàn bộ hồ sơ dự án cho bên nhận chuyển nhượng, trường hợp không bàn giao hoặc chậm bàn giao thì phải bồi thường thiệt hại;
- b) Bảo vệ, quản lý toàn bộ dự án trong thời gian chưa bàn giao xong toàn bộ dự án cả về hồ sơ và trên thực địa;
- c) Thông báo cho khách hàng và các bên có liên quan về việc chuyển nhượng dự án;
- d) Giải quyết dứt điểm những cam kết đã thỏa thuận với khách hàng trước khi chuyển nhượng dự án hoặc phần dự án. Cùng bên nhận chuyển nhượng thống nhất với từng khách hàng về những vấn đề mà chủ đầu tư mới phải có trách nhiệm giải quyết không làm thiệt hại đến quyền lợi của khách hàng;
- đ) Các nghĩa vụ khác do hai bên thỏa thuận:

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng

1. Quyền của Bên nhận chuyển nhượng:

Bên nhận chuyển nhượng có các quyền theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các quyền sau:

- a) Nhận bàn giao toàn bộ dự án hoặc phần dự án trên thực địa và toàn bộ hồ sơ dự án hoặc phần dự án nêu tại Hợp đồng này theo đúng thời gian quy định tại Hợp đồng này;
- b) Yêu cầu bên chuyển nhượng tạo điều kiện và cung cấp các giấy tờ có liên quan đến việc thực hiện tiếp dự án;
- c) Cùng bên chuyển nhượng bàn bạc với khách hàng về giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ của khách hàng sau khi đã nhận chuyển nhượng;
- d) Các quyền lợi khác do hai bên thỏa thuận

2. Nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng:

Bên nhận chuyển nhượng có các nghĩa vụ theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các nghĩa vụ sau:

- a) Thanh toán đầy đủ đúng thời hạn tiền chuyển nhượng dự án cho bên chuyển nhượng đã ghi trong Hợp đồng;
- b) Thực hiện và đáp ứng đầy đủ quyền lợi của bên chuyển nhượng và của khách hàng mà các bên đã thống nhất;

c) Tiếp nhận toàn bộ dự án, phần dự án tại thực địa và hồ sơ dự án đúng thời hạn đã thỏa thuận;

d) Thực hiện tiếp dự án theo đúng nội dung dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng ...);

đ) Các nghĩa vụ khác do hai bên thỏa thuận:

Điều 8. Trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện các thủ tục liên quan đến chuyển quyền sử dụng đất: (do các bên thỏa thuận)

Điều 9. Trách nhiệm của các bên khi vi phạm hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 10. Điều khoản về phạt vi phạm hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 11. Giải quyết tranh chấp: (do các bên thỏa thuận)

Điều 12. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 13. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 14. Các thỏa thuận khác

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC

Luật Đầu tư :

Điều 46. Giãn tiến độ đầu tư

1. Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư phải đề xuất bằng văn bản cho cơ quan đăng ký đầu tư khi giãn tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư.

2. Nội dung đề xuất giãn tiến độ:

a) Tình hình hoạt động của dự án đầu tư và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư đến thời điểm giãn tiến độ;

b) Giải trình lý do và thời hạn giãn tiến độ thực hiện dự án;

c) Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án, bao gồm kế hoạch góp vốn, tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động;

d) Cam kết của nhà đầu tư về việc tiếp tục thực hiện dự án.

3. Tổng thời gian giãn tiến độ đầu tư không quá 24 tháng. Trường hợp bất khả kháng thì thời gian khắc phục hậu quả bất khả kháng không tính vào thời gian giãn tiến độ đầu tư.

13. Thủ tục: Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư
(áp dụng đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh)

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30' đến 10giờ30'; Chiều: từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư của nhà đầu tư chuyển nhượng dự án (bản chính - theo mẫu); - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của nhà đầu tư chuyển nhượng dự án (bản chính - theo mẫu); - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư (theo mẫu) hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương (bản chính); - Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng (bản sao) - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có) (bản sao); - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (bản sao); - Một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (bản sao). - Văn bản của bên chuyển nhượng dự án đầu tư về việc trả lại toàn bộ

	<p>diện tích đất của dự án đầu tư (chuyển nhượng) để Ban Quản lý khu kinh tế cho bên nhận chuyển nhượng dự án đầu tư thuê đất (<i>trường hợp trả tiền thuê đất hàng năm</i>).</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 04 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong thời hạn 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu kinh tế gửi hồ sơ cho các cơ quan có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư quy định; - Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình; - Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban quản lý khu kinh tế lập báo cáo về việc đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án theo quy định trình Ủy ban nhân dân tỉnh; - Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ban quản lý khu kinh tế, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư; - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban quản lý khu kinh tế điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư <p>* Đối với dự án phù hợp quy hoạch, Ban Quản lý Khu kinh tế điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan.</p>
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh (đầu tư đối với dự án đầu tư không phù hợp quy hoạch). - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh (đối với dự án đầu tư phù hợp quy hoạch; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (<i>điều chỉnh</i>) trong trường hợp được chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư phù hợp hoặc không phù hợp với quy hoạch) - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc văn bản thông báo từ chối. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) - trường hợp chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư - áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư (<i>Mẫu 1.6 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu 1.8 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án (<i>mẫu số 05 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<p>Đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1, Điều 45, Luật Đầu tư. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt (tại Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư): + Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án. + Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp

	<p>đồng điều lệ doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư. + Dự án thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 (<i>Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư trong các trường hợp sau đây: Để bảo vệ di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của Luật di sản văn hóa; Để khắc phục vi phạm môi trường theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về môi trường; Để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về lao động; Theo quyết định, bản án của Tòa án, Trọng tài; Nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm</i>) và 3 (<i>Thủ tướng Chính phủ quyết định ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp việc thực hiện dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>) Điều 47 của Luật Đầu tư. + Nhà đầu tư bị Nhà nước thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư và không thực hiện thủ tục điều chỉnh địa điểm đầu tư trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư. + Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động, cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. + Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Đầu tư (<i>có phụ lục đính kèm</i>). + Theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài. - Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng với nhà đầu tư nước ngoài. - Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất. - Điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

.....

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....

- Nay đề nghị sửa thành:

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

....., ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8:

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):

- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):

- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN
(HOẶC MỘT PHẦN DỰ ÁN)**

Số/HĐKT

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số:/2015/NĐ-CP ngày tháng năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ văn bản cho phép chuyển nhượng dự án (một phần dự án) số ngày ... tháng năm của

Hai bên chúng tôi gồm:

I. BÊN CHUYỂN NHƯỢNG

- Tên doanh nghiệp:

- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

- Mã số doanh nghiệp:

- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

- Số CMND (Hộ chiếu): Cấp ngày/...../..... Tại:

- Điện thoại: Fax:

- Tài khoản: tại ngân hàng:

- Mã số thuế:

II. BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG

- Tên doanh nghiệp:

- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Mã số doanh nghiệp:

- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

- Số CMND (Hộ chiếu): Cấp ngày/...../..... Tại:

- Điện thoại: Fax:

- Tài khoản: Tại ngân hàng:

- Mã số thuế:

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án (hoặc một phần dự án)

..... với các nội dung sau:

Điều 1. Thông tin cơ bản về dự án đã được phê duyệt

Nội dung chính của dự án đã được phê duyệt (một phần dự án) gồm:

- Tên dự án:

- Diện tích đất:

- Nội dung về quy hoạch sử dụng đất:

- Nội dung về quy hoạch xây dựng:

- Nội dung về công trình xây dựng (tổng diện tích sàn, diện tích sàn nhà:)

- Tổng mức đầu tư:

- Tiến độ dự án:

- Nguồn vốn:

- Các nội dung khác:

*(Nếu chuyển nhượng một phần dự án cần thêm mục 2 về số liệu của phần dự án chuyển nhượng tương tự như trên)***Điều 2. Thông tin chi tiết về kết quả thực hiện đến thời điểm chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án)**

- Về giải phóng mặt bằng:
- Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật:
- Về xây dựng công trình:
- Thông tin khác:

Điều 3. Giá chuyển nhượng

Điều 4. Phương thức và thời hạn thanh toán

1. Phương thức thanh toán: bằng (chuyển khoản hoặc hình thức khác)
2. Thời hạn thanh toán:
 - Trả lần đầu là: đồng vào ngày/...../.....
 - Trả tiếp theo là: đồng vào ngày/...../.....
 - Các quy định khác do hai bên thỏa thuận:

Điều 5. Thời hạn bàn giao và nhận dự án (hoặc phần dự án)

1. Cách thức bàn giao: Bàn giao trên hồ sơ hoặc phần nhận dự án, bàn giao trên thực địa: ..
2. Thời gian bàn giao:

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng

1. Quyền của Bên chuyển nhượng:

Bên chuyển nhượng có các quyền theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các quyền sau:

- a) Yêu cầu bên nhận chuyển nhượng trả đủ tiền đúng thời hạn ghi trong hợp đồng;
- b) Yêu cầu Bên nhận chuyển nhượng nhận bàn giao toàn bộ dự án hoặc phần dự án đúng thời hạn ghi trong hợp đồng;
- c) Các quyền khác do hai bên thỏa thuận:

2. Nghĩa vụ của Bên chuyển nhượng:

Bên chuyển nhượng có nghĩa vụ theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các nghĩa vụ sau:

- a) Bàn giao toàn bộ dự án hoặc phần dự án trên thực địa và toàn bộ hồ sơ dự án cho bên nhận chuyển nhượng, trường hợp không bàn giao hoặc chậm bàn giao thì phải bồi thường thiệt hại;
- b) Bảo vệ, quản lý toàn bộ dự án trong thời gian chưa bàn giao xong toàn bộ dự án cả về hồ sơ và trên thực địa;
- c) Thông báo cho khách hàng và các bên có liên quan về việc chuyển nhượng dự án;
- d) Giải quyết dứt điểm những cam kết đã thỏa thuận với khách hàng trước khi chuyển nhượng dự án hoặc phần dự án. Cùng bên nhận chuyển nhượng thống nhất với từng khách hàng về những vấn đề mà chủ đầu tư mới phải có trách nhiệm giải quyết không làm thiệt hại đến quyền lợi của khách hàng;
- đ) Các nghĩa vụ khác do hai bên thỏa thuận:

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng

1. Quyền của Bên nhận chuyển nhượng:

Bên nhận chuyển nhượng có các quyền theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các quyền sau:

- a) Nhận bàn giao toàn bộ dự án hoặc phần dự án trên thực địa và toàn bộ hồ sơ dự án hoặc phần dự án nêu tại Hợp đồng này theo đúng thời gian quy định tại Hợp đồng này;
- b) Yêu cầu bên chuyển nhượng tạo điều kiện và cung cấp các giấy tờ có liên quan đến việc thực hiện tiếp dự án;
- c) Cùng bên chuyển nhượng bàn bạc với khách hàng về giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ của khách hàng sau khi đã nhận chuyển nhượng;
- d) Các quyền lợi khác do hai bên thỏa thuận

2. Nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng:

Bên nhận chuyển nhượng có các nghĩa vụ theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các nghĩa vụ sau:

- a) Thanh toán đầy đủ đúng thời hạn tiền chuyển nhượng dự án cho bên chuyển nhượng đã ghi trong Hợp đồng;
- b) Thực hiện và đáp ứng đầy đủ quyền lợi của bên chuyển nhượng và của khách hàng mà các bên đã thống nhất;

c) Tiếp nhận toàn bộ dự án, phần dự án tại thực địa và hồ sơ dự án đúng thời hạn đã thỏa thuận;

d) Thực hiện tiếp dự án theo đúng nội dung dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng ...);

đ) Các nghĩa vụ khác do hai bên thỏa thuận:

Điều 8. Trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện các thủ tục liên quan đến chuyển quyền sử dụng đất: (do các bên thỏa thuận)

Điều 9. Trách nhiệm của các bên khi vi phạm hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 10. Điều khoản về phạt vi phạm hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 11. Giải quyết tranh chấp: (do các bên thỏa thuận)

Điều 12. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 13. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 14. Các thỏa thuận khác

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC

Luật Đầu tư :

Điều 46. Giãn tiến độ đầu tư

1. Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư phải đề xuất bằng văn bản cho cơ quan đăng ký đầu tư khi giãn tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư.

2. Nội dung đề xuất giãn tiến độ:

a) Tình hình hoạt động của dự án đầu tư và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư đến thời điểm giãn tiến độ;

b) Giải trình lý do và thời hạn giãn tiến độ thực hiện dự án;

c) Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án, bao gồm kế hoạch góp vốn, tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động;

d) Cam kết của nhà đầu tư về việc tiếp tục thực hiện dự án.

3. Tổng thời gian giãn tiến độ đầu tư không quá 24 tháng. Trường hợp bất khả kháng thì thời gian khắc phục hậu quả bất khả kháng không tính vào thời gian giãn tiến độ đầu tư.

14. Thủ tục: Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư
(áp dụng đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ)

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư của nhà đầu tư chuyển nhượng dự án (bản chính - theo mẫu); - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư “của nhà đầu tư chuyển nhượng dự án (bản chính - theo mẫu); - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư (theo mẫu) hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương (bản sao); - Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng (bản sao); - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có) (bản sao); - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (bản sao). - Một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (bản sao). - Văn bản của bên chuyển nhượng dự án đầu tư về việc trả lại toàn bộ

	<p>diện tích đất của dự án đầu tư (chuyển nhượng) để Ban Quản lý khu kinh tế cho bên nhận chuyển nhượng dự án đầu tư thuê đất (<i>trường hợp trả tiền thuê đất hàng năm</i>).</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 08 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong thời hạn 42 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban quản lý khu kinh tế gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng quy định. - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban quản lý khu kinh tế, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban quản lý khu kinh tế lập báo cáo về việc đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án theo quy định trình Ủy ban nhân dân tỉnh; <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ban quản lý khu kinh tế, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban quản lý khu kinh tế tỉnh điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư. <p>* Đối với dự án đầu tư có quy mô từ 5000 tỷ VNĐ trở lên phù hợp với quy hoạch, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch Đầu tư và các cơ quan có liên quan, Ban Quản lý Khu kinh tế điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.</p>
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ. - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh (đối với dự án đầu tư có quy mô từ 5000 tỷ VNĐ trở lên phù hợp với quy hoạch; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (<i>điều chỉnh</i>) đối với trường hợp chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư) - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư hoặc thông báo từ chối. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (<i>điều chỉnh</i>) - trường hợp chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư - áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư (<i>Mẫu I.6 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>) - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu I.8 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án (<i>mẫu số 05 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại

	<p>Khoản 1, Điều 45, Luật Đầu tư. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt (tại Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư): + Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án. + Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng điều lệ doanh nghiệp. + Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư. + Dự án thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 (<i>Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư trong các trường hợp sau đây: Để bảo vệ di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của Luật di sản văn hóa; Để khắc phục vi phạm môi trường theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về môi trường; Để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về lao động; Theo quyết định, bản án của Tòa án, Trọng tài; Nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm</i>) và 3 (<i>Thủ tướng Chính phủ quyết định ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp việc thực hiện dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>) Điều 47 của Luật Đầu tư. + Nhà đầu tư bị Nhà nước thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư và không thực hiện thủ tục điều chỉnh địa điểm đầu tư trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư. + Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động, cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. + Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Đầu tư (<i>có phụ lục đính kèm</i>). + Theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài. - Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng với nhà đầu tư nước ngoài. - Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất. - Điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày: / / Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: / / Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

.....

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....

- Nay đề nghị sửa thành:

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

....., ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8:

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):

- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):

- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN
(HOẶC MỘT PHẦN DỰ ÁN)**

Số/HĐKT

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số:/2015/NĐ-CP ngày tháng năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;
Căn cứ văn bản cho phép chuyển nhượng dự án (một phần dự án) số ngày ... tháng năm của,

Hai bên chúng tôi gồm:

I. BÊN CHUYỂN NHƯỢNG

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
- Mã số doanh nghiệp:
- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
- Số CMND (Hộ chiếu): Cấp ngày/...../..... Tại:
- Điện thoại: Fax:
- Tài khoản: tại ngân hàng:
- Mã số thuế:

II. BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:
- Mã số doanh nghiệp:
- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
- Số CMND (Hộ chiếu): Cấp ngày/...../..... Tại:
- Điện thoại: Fax:
- Tài khoản: Tại ngân hàng:
- Mã số thuế:

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án (hoặc một phần dự án) với các nội dung sau:

Điều 1. Thông tin cơ bản về dự án đã được phê duyệt

Nội dung chính của dự án đã được phê duyệt (một phần dự án) gồm:

- Tên dự án:
- Diện tích đất:
- Nội dung về quy hoạch sử dụng đất:
- Nội dung về quy hoạch xây dựng:
- Nội dung về công trình xây dựng (tổng diện tích sàn, diện tích sàn nhà:)
- Tổng mức đầu tư:
- Tiến độ dự án:
- Nguồn vốn:
- Các nội dung khác:

(Nếu chuyển nhượng một phần dự án cần thêm mục 2 về số liệu của phần dự án chuyển nhượng tương tự như trên)

Điều 2. Thông tin chi tiết về kết quả thực hiện đến thời điểm chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án)

- Về giải phóng mặt bằng:
- Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật:
- Về xây dựng công trình:
- Thông tin khác:

Điều 3. Giá chuyển nhượng

Điều 4. Phương thức và thời hạn thanh toán

1. Phương thức thanh toán: bằng (chuyển khoản hoặc hình thức khác)
2. Thời hạn thanh toán:
 - Trả lần đầu là: đồng vào ngày/...../.....
 - Trả tiếp theo là: đồng vào ngày/...../.....
 - Các quy định khác do hai bên thỏa thuận:

Điều 5. Thời hạn bàn giao và nhận dự án (hoặc phần dự án)

1. Cách thức bàn giao: Bàn giao trên hồ sơ hoặc phần nhận dự án, bàn giao trên thực địa: ..
2. Thời gian bàn giao:

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng

1. Quyền của Bên chuyển nhượng:

Bên chuyển nhượng có các quyền theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các quyền sau:

- a) Yêu cầu bên nhận chuyển nhượng trả đủ tiền đúng thời hạn ghi trong hợp đồng;
- b) Yêu cầu Bên nhận chuyển nhượng nhận bàn giao toàn bộ dự án hoặc phần dự án đúng thời hạn ghi trong hợp đồng;
- c) Các quyền khác do hai bên thỏa thuận:

2. Nghĩa vụ của Bên chuyển nhượng:

Bên chuyển nhượng có nghĩa vụ theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các nghĩa vụ sau:

- a) Bàn giao toàn bộ dự án hoặc phần dự án trên thực địa và toàn bộ hồ sơ dự án cho bên nhận chuyển nhượng, trường hợp không bàn giao hoặc chậm bàn giao thì phải bồi thường thiệt hại;
- b) Bảo vệ, quản lý toàn bộ dự án trong thời gian chưa bàn giao xong toàn bộ dự án cả về hồ sơ và trên thực địa;
- c) Thông báo cho khách hàng và các bên có liên quan về việc chuyển nhượng dự án;
- d) Giải quyết dứt điểm những cam kết đã thỏa thuận với khách hàng trước khi chuyển nhượng dự án hoặc phần dự án. Cùng bên nhận chuyển nhượng thống nhất với từng khách hàng về những vấn đề mà chủ đầu tư mới phải có trách nhiệm giải quyết không làm thiệt hại đến quyền lợi của khách hàng;
- đ) Các nghĩa vụ khác do hai bên thỏa thuận:

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng

1. Quyền của Bên nhận chuyển nhượng:

Bên nhận chuyển nhượng có các quyền theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các quyền sau:

- a) Nhận bàn giao toàn bộ dự án hoặc phần dự án trên thực địa và toàn bộ hồ sơ dự án hoặc phần dự án nêu tại Hợp đồng này theo đúng thời gian quy định tại Hợp đồng này;
- b) Yêu cầu bên chuyển nhượng tạo điều kiện và cung cấp các giấy tờ có liên quan đến việc thực hiện tiếp dự án;
- c) Cùng bên chuyển nhượng bàn bạc với khách hàng về giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ của khách hàng sau khi đã nhận chuyển nhượng;
- d) Các quyền lợi khác do hai bên thỏa thuận

2. Nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng:

Bên nhận chuyển nhượng có các nghĩa vụ theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các nghĩa vụ sau:

- a) Thanh toán đầy đủ đúng thời hạn tiền chuyển nhượng dự án cho bên chuyển nhượng đã ghi trong Hợp đồng;
- b) Thực hiện và đáp ứng đầy đủ quyền lợi của bên chuyển nhượng và của khách hàng mà các bên đã thống nhất;

c) Tiếp nhận toàn bộ dự án, phần dự án tại thực địa và hồ sơ dự án đúng thời hạn đã thỏa thuận;

d) Thực hiện tiếp dự án theo đúng nội dung dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng ...);

đ) Các nghĩa vụ khác do hai bên thỏa thuận:

Điều 8. Trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện các thủ tục liên quan đến chuyển quyền sử dụng đất: (do các bên thỏa thuận)

Điều 9. Trách nhiệm của các bên khi vi phạm hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 10. Điều khoản về phạt vi phạm hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 11. Giải quyết tranh chấp: (do các bên thỏa thuận)

Điều 12. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 13. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 14. Các thỏa thuận khác

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC

Luật Đầu tư :

Điều 46. Giãn tiến độ đầu tư

1. Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư phải đề xuất bằng văn bản cho cơ quan đăng ký đầu tư khi giãn tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư.

2. Nội dung đề xuất giãn tiến độ:

a) Tình hình hoạt động của dự án đầu tư và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư đến thời điểm giãn tiến độ;

b) Giải trình lý do và thời hạn giãn tiến độ thực hiện dự án;

c) Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án, bao gồm kế hoạch góp vốn, tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động;

d) Cam kết của nhà đầu tư về việc tiếp tục thực hiện dự án.

3. Tổng thời gian giãn tiến độ đầu tư không quá 24 tháng. Trường hợp bất khả kháng thì thời gian khắc phục hậu quả bất khả kháng không tính vào thời gian giãn tiến độ đầu tư.

15. Thủ tục: Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30' đến 10giờ30'; Chiều: từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư của nhà đầu tư chuyển nhượng dự án (bản chính-theo mẫu). - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư của nhà đầu tư chuyển nhượng dự án (bản chính-theo mẫu). - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư (theo mẫu) hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương (bản sao). - Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng (bản sao). - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (bản chính). - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (bản sao). - Một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (bản sao). - Văn bản của bên chuyển nhượng dự án đầu tư về việc trả lại toàn bộ

	<p>diện tích đất của dự án đầu tư (chuyển nhượng) để Ban Quản lý khu kinh tế cho bên nhận chuyển nhượng dự án đầu tư thuê đất (<i>trường hợp trả tiền thuê đất hàng năm</i>).</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 04 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong thời hạn 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu kinh tế gửi hồ sơ cho các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban quản lý khu kinh tế, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban quản lý khu kinh tế lập báo cáo về việc đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án trình UBND tỉnh. - Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ban quản lý khu kinh tế, UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. <p>* Đối với dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch, Ban quản lý khu kinh tế điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan.</p>
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư trong nước chuyển nhượng dự án đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh (đối với dự án đầu tư không phù hợp quy hoạch). - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh (đối với dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch) - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc văn bản thông báo từ chối.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư - áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư (<i>Mẫu 1.6 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu 1.8 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án (<i>mẫu số 05 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<p>Đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1, Điều 45, Luật Đầu tư. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt (tại Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư): <ul style="list-style-type: none"> + Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án. + Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng điều lệ doanh nghiệp. + Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư. + Dự án thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 (<i>Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư trong các trường hợp sau đây: Để bảo vệ di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của Luật di sản văn hóa; Để khắc phục vi phạm môi trường theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về môi trường; Để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về</i>

	<p><i>lao động; Theo quyết định, bản án của Tòa án, Trọng tài; Nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm) và 3 (Thủ tướng Chính phủ quyết định ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp việc thực hiện dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) Điều 47 của Luật Đầu tư.</i></p> <p>+ Nhà đầu tư bị Nhà nước thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư và không thực hiện thủ tục điều chỉnh địa điểm đầu tư trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư.</p> <p>+ Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động, cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.</p> <p>+ Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Đầu tư (<i>có phụ lục đính kèm</i>).</p> <p>+ Theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài.</p> <p>- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng với nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>- Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất.</p> <p>- Điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).</p>
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<p>- <i>Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014.</i></p> <p>- <i>Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ.</i></p> <p>- <i>Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ</i></p> <p>- <i>Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</i></p>

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

.....

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....

- Nay đề nghị sửa thành:

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

....., ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8:

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN
(HOẶC MỘT PHẦN DỰ ÁN)**

Số/HĐKT

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số:/2015/NĐ-CP ngày tháng năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;
Căn cứ văn bản cho phép chuyển nhượng dự án (một phần dự án) số ngày ... tháng năm của

Hai bên chúng tôi gồm:

I. BÊN CHUYỂN NHƯỢNG

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
- Mã số doanh nghiệp:
- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
- Số CMND (Hộ chiếu): Cấp ngày/...../..... Tại:
- Điện thoại: Fax:
- Tài khoản: tại ngân hàng:
- Mã số thuế:

II. BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:
- Mã số doanh nghiệp:
- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
- Số CMND (Hộ chiếu): Cấp ngày/...../..... Tại:
- Điện thoại: Fax:
- Tài khoản: Tại ngân hàng:
- Mã số thuế:

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án (hoặc một phần dự án) với các nội dung sau:

Điều 1. Thông tin cơ bản về dự án đã được phê duyệt

Nội dung chính của dự án đã được phê duyệt (một phần dự án) gồm:

- Tên dự án:
- Diện tích đất:
- Nội dung về quy hoạch sử dụng đất:
- Nội dung về quy hoạch xây dựng:
- Nội dung về công trình xây dựng (tổng diện tích sàn, diện tích sàn nhà:)
- Tổng mức đầu tư:
- Tiến độ dự án:
- Nguồn vốn:
- Các nội dung khác:

(Nếu chuyển nhượng một phần dự án cần thêm mục 2 về số liệu của phần dự án chuyển nhượng tương tự như trên)

Điều 2. Thông tin chi tiết về kết quả thực hiện đến thời điểm chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án)

- Về giải phóng mặt bằng:
- Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật:
- Về xây dựng công trình:
- Thông tin khác:

Điều 3. Giá chuyển nhượng

Điều 4. Phương thức và thời hạn thanh toán

1. Phương thức thanh toán: bằng (chuyển khoản hoặc hình thức khác)
2. Thời hạn thanh toán:
 - Trả lần đầu là: đồng vào ngày/...../.....
 - Trả tiếp theo là: đồng vào ngày/...../.....
 - Các quy định khác do hai bên thỏa thuận:

Điều 5. Thời hạn bàn giao và nhận dự án (hoặc phần dự án)

1. Cách thức bàn giao: Bàn giao trên hồ sơ hoặc phần nhận dự án, bàn giao trên thực địa: ..
2. Thời gian bàn giao:

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng

1. Quyền của Bên chuyển nhượng:

Bên chuyển nhượng có các quyền theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các quyền sau:

- a) Yêu cầu bên nhận chuyển nhượng trả đủ tiền đúng thời hạn ghi trong hợp đồng;
- b) Yêu cầu Bên nhận chuyển nhượng nhận bàn giao toàn bộ dự án hoặc phần dự án đúng thời hạn ghi trong hợp đồng;
- c) Các quyền khác do hai bên thỏa thuận:

2. Nghĩa vụ của Bên chuyển nhượng:

Bên chuyển nhượng có nghĩa vụ theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các nghĩa vụ sau:

- a) Bàn giao toàn bộ dự án hoặc phần dự án trên thực địa và toàn bộ hồ sơ dự án cho bên nhận chuyển nhượng, trường hợp không bàn giao hoặc chậm bàn giao thì phải bồi thường thiệt hại;
- b) Bảo vệ, quản lý toàn bộ dự án trong thời gian chưa bàn giao xong toàn bộ dự án cả về hồ sơ và trên thực địa;
- c) Thông báo cho khách hàng và các bên có liên quan về việc chuyển nhượng dự án;
- d) Giải quyết dứt điểm những cam kết đã thỏa thuận với khách hàng trước khi chuyển nhượng dự án hoặc phần dự án. Cùng bên nhận chuyển nhượng thống nhất với từng khách hàng về những vấn đề mà chủ đầu tư mới phải có trách nhiệm giải quyết không làm thiệt hại đến quyền lợi của khách hàng;
- đ) Các nghĩa vụ khác do hai bên thỏa thuận:

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng

1. Quyền của Bên nhận chuyển nhượng:

Bên nhận chuyển nhượng có các quyền theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các quyền sau:

- a) Nhận bàn giao toàn bộ dự án hoặc phần dự án trên thực địa và toàn bộ hồ sơ dự án hoặc phần dự án nêu tại Hợp đồng này theo đúng thời gian quy định tại Hợp đồng này;
- b) Yêu cầu bên chuyển nhượng tạo điều kiện và cung cấp các giấy tờ có liên quan đến việc thực hiện tiếp dự án;
- c) Cùng bên chuyển nhượng bàn bạc với khách hàng về giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ của khách hàng sau khi đã nhận chuyển nhượng;
- d) Các quyền lợi khác do hai bên thỏa thuận

2. Nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng:

Bên nhận chuyển nhượng có các nghĩa vụ theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các nghĩa vụ sau:

- a) Thanh toán đầy đủ đúng thời hạn tiền chuyển nhượng dự án cho bên chuyển nhượng đã ghi trong Hợp đồng;
- b) Thực hiện và đáp ứng đầy đủ quyền lợi của bên chuyển nhượng và của khách hàng mà các bên đã thống nhất;

c) Tiếp nhận toàn bộ dự án, phần dự án tại thực địa và hồ sơ dự án đúng thời hạn đã thỏa thuận;

d) Thực hiện tiếp dự án theo đúng nội dung dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng ...);

đ) Các nghĩa vụ khác do hai bên thỏa thuận:

Điều 8. Trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện các thủ tục liên quan đến chuyển quyền sử dụng đất: (do các bên thỏa thuận)

Điều 9. Trách nhiệm của các bên khi vi phạm hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 10. Điều khoản về phạt vi phạm hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 11. Giải quyết tranh chấp: (do các bên thỏa thuận)

Điều 12. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 13. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 14. Các thỏa thuận khác

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC

Luật Đầu tư :

Điều 46. Giãn tiến độ đầu tư

1. Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư phải đề xuất bằng văn bản cho cơ quan đăng ký đầu tư khi giãn tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư.

2. Nội dung đề xuất giãn tiến độ:

a) Tình hình hoạt động của dự án đầu tư và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư đến thời điểm giãn tiến độ;

b) Giải trình lý do và thời hạn giãn tiến độ thực hiện dự án;

c) Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án, bao gồm kế hoạch góp vốn, tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động;

d) Cam kết của nhà đầu tư về việc tiếp tục thực hiện dự án.

3. Tổng thời gian giãn tiến độ đầu tư không quá 24 tháng. Trường hợp bất khả kháng thì thời gian khắc phục hậu quả bất khả kháng không tính vào thời gian giãn tiến độ đầu tư.

16. Thủ tục: Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư của nhà đầu tư chuyển nhượng dự án (bản chính-theo mẫu) - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư của nhà đầu tư chuyển nhượng dự án (bản chính-theo mẫu) - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư (theo mẫu) hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương (bản sao) - Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng (bản sao) - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có) (bản chính). - Bản sao Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (bản sao) - Một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư (bản sao). - Văn bản của bên chuyển nhượng dự án đầu tư về việc trả lại toàn bộ

	<p>diện tích đất của dự án đầu tư (chuyển nhượng) để Ban Quản lý khu kinh tế cho bên nhận chuyển nhượng dự án đầu tư thuê đất (<i>trường hợp trả tiền thuê đất hàng năm</i>).</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 08 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong thời hạn 39 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu kinh tế gửi hồ sơ cho các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban quản lý khu kinh tế trình UBND tỉnh xem xét. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ban quản lý khu kinh tế, UBND tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ chuyển nhượng dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban quản lý khu kinh tế; <p>* Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ VNĐ trở lên phù hợp với quy hoạch, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan, Ban Quản lý khu kinh tế xem xét, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định chủ trương đầu tư được gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư.</p>
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư trong nước chuyển nhượng dự án đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ. - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh (đối với dự án đầu tư có quy mô từ 5000 tỷ VNĐ trở lên phù hợp với quy hoạch) - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	Văn bản điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư hoặc thông báo từ chối.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư - áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư (<i>Mẫu 1.6 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>) - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu 1.8 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). - Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án (<i>mẫu số 05 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<p>Đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1, Điều 45, Luật Đầu tư. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt (tại Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư):

	<ul style="list-style-type: none"> + Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án. + Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng điều lệ doanh nghiệp. + Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư. + Dự án thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 (<i>Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư trong các trường hợp sau đây: Để bảo vệ di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của Luật di sản văn hóa; Để khắc phục vi phạm môi trường theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về môi trường; Để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về lao động; Theo quyết định, bản án của Tòa án, Trọng tài; Nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm</i>) và 3 (<i>Thủ tướng Chính phủ quyết định ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp việc thực hiện dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>) Điều 47 của Luật Đầu tư. + Nhà đầu tư bị Nhà nước thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư và không thực hiện thủ tục điều chỉnh địa điểm đầu tư trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư. + Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động, cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. + Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Đầu tư (<i>có phụ lục đính kèm</i>). + Theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài. - Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng với nhà đầu tư nước ngoài. - Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất. - Điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

.....

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....

- Nay đề nghị sửa thành:

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

....., ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8:

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):

- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):

- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN
(HOẶC MỘT PHẦN DỰ ÁN)**

Số/HĐKT

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số:/2015/NĐ-CP ngày tháng năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ văn bản cho phép chuyển nhượng dự án (một phần dự án) số ngày ... tháng năm của

Hai bên chúng tôi gồm:

I. BÊN CHUYỂN NHƯỢNG

- Tên doanh nghiệp:

- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

- Mã số doanh nghiệp:

- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

- Số CMND (Hộ chiếu): Cấp ngày/...../..... Tại:

- Điện thoại: Fax:

- Tài khoản: tại ngân hàng:

- Mã số thuế:

II. BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG

- Tên doanh nghiệp:

- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Mã số doanh nghiệp:

- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

- Số CMND (Hộ chiếu): Cấp ngày/...../..... Tại:

- Điện thoại: Fax:

- Tài khoản: Tại ngân hàng:

- Mã số thuế:

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án (hoặc một phần dự án)

..... với các nội dung sau:

Điều 1. Thông tin cơ bản về dự án đã được phê duyệt

Nội dung chính của dự án đã được phê duyệt (một phần dự án) gồm:

- Tên dự án:

- Diện tích đất:

- Nội dung về quy hoạch sử dụng đất:

- Nội dung về quy hoạch xây dựng:

- Nội dung về công trình xây dựng (tổng diện tích sàn, diện tích sàn nhà:)

- Tổng mức đầu tư:

- Tiến độ dự án:

- Nguồn vốn:

- Các nội dung khác:

*(Nếu chuyển nhượng một phần dự án cần thêm mục 2 về số liệu của phần dự án chuyển nhượng tương tự như trên)***Điều 2. Thông tin chi tiết về kết quả thực hiện đến thời điểm chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án)**

- Về giải phóng mặt bằng:
- Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật:
- Về xây dựng công trình:
- Thông tin khác:

Điều 3. Giá chuyển nhượng

Điều 4. Phương thức và thời hạn thanh toán

1. Phương thức thanh toán: bằng (chuyển khoản hoặc hình thức khác)
2. Thời hạn thanh toán:
 - Trả lần đầu là: đồng vào ngày/...../.....
 - Trả tiếp theo là: đồng vào ngày/...../.....
 - Các quy định khác do hai bên thỏa thuận:

Điều 5. Thời hạn bàn giao và nhận dự án (hoặc phần dự án)

1. Cách thức bàn giao: Bàn giao trên hồ sơ hoặc phần nhận dự án, bàn giao trên thực địa: ..
2. Thời gian bàn giao:

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng

1. Quyền của Bên chuyển nhượng:

Bên chuyển nhượng có các quyền theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các quyền sau:

- a) Yêu cầu bên nhận chuyển nhượng trả đủ tiền đúng thời hạn ghi trong hợp đồng;
- b) Yêu cầu Bên nhận chuyển nhượng nhận bàn giao toàn bộ dự án hoặc phần dự án đúng thời hạn ghi trong hợp đồng;
- c) Các quyền khác do hai bên thỏa thuận:

2. Nghĩa vụ của Bên chuyển nhượng:

Bên chuyển nhượng có nghĩa vụ theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các nghĩa vụ sau:

- a) Bàn giao toàn bộ dự án hoặc phần dự án trên thực địa và toàn bộ hồ sơ dự án cho bên nhận chuyển nhượng, trường hợp không bàn giao hoặc chậm bàn giao thì phải bồi thường thiệt hại;
- b) Bảo vệ, quản lý toàn bộ dự án trong thời gian chưa bàn giao xong toàn bộ dự án cả về hồ sơ và trên thực địa;
- c) Thông báo cho khách hàng và các bên có liên quan về việc chuyển nhượng dự án;
- d) Giải quyết dứt điểm những cam kết đã thỏa thuận với khách hàng trước khi chuyển nhượng dự án hoặc phần dự án. Cùng bên nhận chuyển nhượng thống nhất với từng khách hàng về những vấn đề mà chủ đầu tư mới phải có trách nhiệm giải quyết không làm thiệt hại đến quyền lợi của khách hàng;
- đ) Các nghĩa vụ khác do hai bên thỏa thuận:

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng

1. Quyền của Bên nhận chuyển nhượng:

Bên nhận chuyển nhượng có các quyền theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các quyền sau:

- a) Nhận bàn giao toàn bộ dự án hoặc phần dự án trên thực địa và toàn bộ hồ sơ dự án hoặc phần dự án nêu tại Hợp đồng này theo đúng thời gian quy định tại Hợp đồng này;
- b) Yêu cầu bên chuyển nhượng tạo điều kiện và cung cấp các giấy tờ có liên quan đến việc thực hiện tiếp dự án;
- c) Cùng bên chuyển nhượng bàn bạc với khách hàng về giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ của khách hàng sau khi đã nhận chuyển nhượng;
- d) Các quyền lợi khác do hai bên thỏa thuận

2. Nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng:

Bên nhận chuyển nhượng có các nghĩa vụ theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản và các nghĩa vụ sau:

- a) Thanh toán đầy đủ đúng thời hạn tiền chuyển nhượng dự án cho bên chuyển nhượng đã ghi trong Hợp đồng;
- b) Thực hiện và đáp ứng đầy đủ quyền lợi của bên chuyển nhượng và của khách hàng mà các bên đã thống nhất;

c) Tiếp nhận toàn bộ dự án, phần dự án tại thực địa và hồ sơ dự án đúng thời hạn đã thỏa thuận;

d) Thực hiện tiếp dự án theo đúng nội dung dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng ...);

đ) Các nghĩa vụ khác do hai bên thỏa thuận:

Điều 8. Trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện các thủ tục liên quan đến chuyển quyền sử dụng đất: (do các bên thỏa thuận)

Điều 9. Trách nhiệm của các bên khi vi phạm hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 10. Điều khoản về phạt vi phạm hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 11. Giải quyết tranh chấp: (do các bên thỏa thuận)

Điều 12. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 13. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng: (do các bên thỏa thuận)

Điều 14. Các thỏa thuận khác

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC

Luật Đầu tư :

Điều 46. Giãn tiến độ đầu tư

1. Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư phải đề xuất bằng văn bản cho cơ quan đăng ký đầu tư khi giãn tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư.

2. Nội dung đề xuất giãn tiến độ:

a) Tình hình hoạt động của dự án đầu tư và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư đến thời điểm giãn tiến độ;

b) Giải trình lý do và thời hạn giãn tiến độ thực hiện dự án;

c) Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án, bao gồm kế hoạch góp vốn, tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động;

d) Cam kết của nhà đầu tư về việc tiếp tục thực hiện dự án.

3. Tổng thời gian giãn tiến độ đầu tư không quá 24 tháng. Trường hợp bất khả kháng thì thời gian khắc phục hậu quả bất khả kháng không tính vào thời gian giãn tiến độ đầu tư.

17. Thủ tục: Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30' đến 10giờ30'; Chiều: từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư <i>(bản chính - theo mẫu I.7)</i>. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu có giá trị pháp lý tương đương của nhà đầu tư tiếp nhận dự án đầu tư <i>(bản sao)</i>. - Nghị quyết hoặc quyết định của nhà đầu tư về việc tổ chức lại, trong đó có nội dung về việc xử lý tài sản, quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư <i>(bản sao)</i>. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện việc tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế) làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Cơ quan thực hiện	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) hoặc Văn bản thông báo từ chối.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư <i>(Mẫu I.7-Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT)</i> .
Yêu cầu, điều kiện	Trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ.- Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ.- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
--	---

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh-không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

.....

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

18. Thủ tục: Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (bản chính - theo mẫu). - Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức (bản sao). - Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài (bản sao). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh).
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (Mẫu I.7- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).
Yêu cầu, điều kiện	Có bản án, quyết định có hiệu lực của tòa án, trọng tài.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh-không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày: / / Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: / / Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

.....

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:do

..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú
-----	----------	---------------	----------	-------------	---------

		dự án			<i>(Còn hoặc hết hiệu lực)</i>

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo*(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):*

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh *(nếu có).*

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP*(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).*

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư*(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).*

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu *(nếu có)*

19. Thủ tục: Nộp, cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bị mất hoặc bị hỏng - Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp xin cấp lại <i>(bản chính)</i> - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp bị hỏng <i>(bản chính)</i>. - Tài liệu, giấy tờ chứng minh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bị mất (đối với trường hợp mất Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư). * Thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không đúng với thông tin tại hồ sơ đăng ký đầu tư - Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư <i>(bản chính)</i>. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư <i>(bản chính)</i>. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bị mất hoặc bị hỏng). - Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không đúng với thông tin tại hồ sơ đăng ký đầu tư).
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (cấp lại) hoặc văn bản thông báo từ

	chối.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không.
Yêu cầu, điều kiện	<p>- Áp dụng bắt buộc đối với các trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Đầu tư, gồm:</p> <p>a) Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài;</p> <p>b) Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này (<i>Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên</i>).</p> <p>2. Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:</p> <p>- Đối với trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại khoản 2, Điều 36 Luật Đầu tư, gồm:</p> <p>a) Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước;</p> <p>b) Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này (<i>Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này thực hiện điều kiện và thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư trong nước khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC</i>);</p> <p>c) Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.</p> <p>- Trường hợp đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì nhà đầu tư được tiếp tục thực hiện dự án đầu tư và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có nhu cầu).</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014.</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>

20. Thủ tục: *Giãn tiến độ đầu tư*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30' đến 10giờ30'; Chiều: từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư <i>(bản chính - theo mẫu I.9)</i>. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum
Kết quả	Văn bản hành chính về việc thống nhất hoặc không thống nhất việc giãn tiến độ đầu tư.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư <i>(Mẫu I.9 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT)</i> .
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư và nhà đầu tư đề nghị giãn tiến độ đầu tư (tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư) so với tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư. - Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư thì thực hiện theo thủ tục tương ứng về điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư mà không thực hiện theo thủ tục

	này.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none">- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014.- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ.- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.9
Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư
(Khoản 1 Điều 46 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ XUẤT GIÃN TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do
(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC

1. Tình hình hoạt động của dự án

1.1. Thực hiện các thủ tục hành chính (nếu thủ tục đã thực hiện, chưa thực hiện):

1.2. Tiến độ triển khai dự án (nếu theo từng giai đoạn đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn):

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:
- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có):
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động:

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:.....
- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):.....
- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,.....

IV. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT GIÃN TIẾN ĐỘ

Đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (tên dự án)....., đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh mã số/số, do (tên cơ quan cấp) cấp ngày..... với nội dung như sau:

1. Nội dung cụ thể giãn tiến độ (ghi cụ thể nội dung đề xuất giãn tiến độ như tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động; tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư...)

2. Thời hạn giãn tiến độ:

3. Giải trình lý do giãn tiến độ:

4. Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án:

- Kế hoạch góp vốn:
- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động:

V. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Về việc tiếp tục thực hiện dự án
3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.
2. Quyết định của nhà đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

....., ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

21. Thủ tục: Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong Hợp đồng BCC.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành (theo mẫu-bản chính). - Quyết định của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC về việc thành lập văn phòng điều hành (bản chính); - Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng điều hành (bản sao). - Hợp đồng BCC (bản sao). - Văn bản chứng minh quyền sử dụng địa điểm của nhà đầu tư (hợp đồng hoặc thỏa thuận thuê địa điểm...) <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư nước ngoài (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành hoặc văn bản thông báo từ chối.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành (Mẫu I.5- Phụ lục I - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 và Điều 10 Nghị định 118/2015/NĐ-CP, gồm: + Điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế;

	<ul style="list-style-type: none"> + Điều kiện về hình thức đầu tư; + Điều kiện về phạm vi hoạt động đầu tư; + Điều kiện về đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư; + Điều kiện khác theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư. <p>- Nhà đầu tư nước ngoài là một bên trong hợp đồng BBC.</p>
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư năm 2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.5

Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành

(Điểm a Khoản 4 Điều 49 Luật đầu tư năm 2014)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ

THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Nhà đầu tư đăng ký thành lập Văn phòng điều hành dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Tên văn phòng đại diện tại Việt Nam*(nếu có)*:

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam*(nếu có)*:

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án:

2. Mã số dự án/số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh:

3. Ngày cấp *(lần đầu)*:

4. Cơ quan cấp:

5. Địa điểm thực hiện dự án:

6. Mục tiêu dự án:

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên văn phòng điều hành:

Tên bằng tiếng Việt:

Tên bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

Tên viết tắt *(nếu có)*:

2. Địa chỉ văn phòng *(ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)*:
.....

3. Nội dung, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành *(ghi cụ thể theo từng nội dung và phạm vi hoạt động của Văn phòng điều hành)*:

4. Thời hạn hoạt động *(ghi số năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành)*:

5. Thông tin người đứng đầu văn phòng điều hành:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng điều hành.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điểm b, c, d Khoản 4 Điều 49 Luật đầu tư (*liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo*):

2. Văn bản chứng minh quyền sử dụng địa điểm của nhà đầu tư (*hợp đồng hoặc thỏa thuận thuê địa điểm,*).

....., ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

22. Thủ tục: Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30' đến 10giờ30'; Chiều: từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p><i>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành trong trường hợp văn phòng điều hành chấm dứt hoạt động trước thời hạn <i>(bản chính)</i>. - Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán <i>(bản sao)</i>; - Danh sách người lao động và quyền lợi người lao động đã được giải quyết <i>(bản sao)</i>. - Xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế <i>(bản sao)</i>. - Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội <i>(bản sao)</i>. - Xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu <i>(bản chính)</i>. - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành <i>(bản chính)</i>. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư <i>(bản chính)</i>. - Bản sao hợp đồng BCC <i>(bản sao)</i>. <p><i>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</i></p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân và tổ chức) có văn phòng điều hành trong hợp đồng BCC.
Cơ quan thực hiện	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum
Kết quả	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành.
Lệ phí	Không.

Tên mẫu đơn, tờ khai	Không.
Yêu cầu, điều kiện	Không.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư năm 2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

23. Thủ tục: *Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30' đến 10giờ30'; Chiều: từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (<i>đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</i>); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (<i>đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</i>). <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích. Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (<i>bản chính - theo mẫu I.12</i>). - Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (<i>bản sao</i>). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân)
Cơ quan thực hiện	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (<i>Mẫu I.12 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Không.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu I.12

Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
(Điều 61 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh/... sang Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày://..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:
Địa chỉ trụ sở:
Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ ĐỔI SANG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

1. Các Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh và các giấy điều chỉnh đã được cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)
-----	----------	---------------------	----------	-------------	------------------------------------

2. Các thông tin đề nghị ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*ghi đầy đủ các thông tin theo mẫu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại Thông tư này trên cơ sở các Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh/... đã cấp*):

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

Bản sao các Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh đã cấp.

....., ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

II. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG: 06 thủ tục.

01. Thủ tục: Đăng ký nội quy lao động của Doanh nghiệp

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Người đại diện doanh nghiệp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30' đến 10giờ30'; Chiều: từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (<i>đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho người đại diện doanh nghiệp nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</i>); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho người đại diện doanh nghiệp nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (<i>đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho người đại diện doanh nghiệp nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</i>). <p>Bước 3. Người đại diện doanh nghiệp nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p><i>a. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị đăng ký nội quy lao động (<i>bản chính</i>). - Các văn bản của người sử dụng lao động có quy định liên quan đến kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất (<i>bản chính</i>). - Biên bản góp ý kiến của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở (<i>bản sao</i>). - Nội quy lao động (<i>bản chính</i>). <p>* Doanh nghiệp có chi nhánh, đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh đặt ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm gửi nội quy lao động sau khi có hiệu lực đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh (<i>bản chính</i>).</p> <p><i>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</i></p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Doanh nghiệp sử dụng từ 10 lao động trở lên
Cơ quan thực hiện	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy xác nhận đã nhận hồ sơ đăng ký nội quy lao động (<i>trường hợp nội quy lao động phù hợp quy định pháp luật</i>). - Văn bản thông báo và hướng dẫn người sử dụng lao động sửa đổi, bổ sung và đăng ký lại nội quy lao động (<i>trường hợp nội quy lao động của doanh nghiệp có nội dung không phù hợp với quy định pháp luật</i>).
Lệ phí	Không.

Tên mẫu đơn, tờ khai	Không.
Yêu cầu, điều kiện	Các quy định của nội quy lao động không trái với pháp luật lao động.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012. - Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/06/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 636/QĐ-LĐTBXH ngày 5/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

02. Thủ tục: *Tiếp nhận thỏa ước lao động tập thể của Doanh nghiệp*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Người đại diện doanh nghiệp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho người đại diện doanh nghiệp nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho người đại diện doanh nghiệp nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho người đại diện doanh nghiệp nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>. <p>Bước 3. Người đại diện doanh nghiệp nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản lấy ý kiến tập thể của doanh nghiệp (<i>bản sao</i>) - Bản thoả ước lao động tập thể của doanh nghiệp (<i>bản chính</i>) <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Doanh nghiệp.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan.
Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn xác nhận việc nhận thỏa ước lao động tập thể <i>(trường hợp phù hợp với quy định của pháp luật)</i>. - Văn bản đề nghị Tòa án nhân dân tuyên bố thỏa ước lao động tập thể vô hiệu, đồng thời gửi cho hai bên ký kết thỏa ước lao động tập thể biết <i>(trường hợp thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp đã có hiệu lực thi hành và có nội dung trái pháp luật hoặc ký kết không đúng thẩm quyền)</i>. - Văn bản yêu cầu hai bên ký kết Thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp tiến hành thương lượng sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể và đăng ký lại theo quy định <i>(trường hợp thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp chưa có hiệu lực thi hành và có nội dung trái pháp luật hoặc ký kết không đúng thẩm quyền)</i>.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không.
Yêu cầu, điều kiện	Nội dung Thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp phù hợp với quy

	định pháp luật, người ký kết đúng thẩm quyền.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13, ngày 18/6/2012. - Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/06/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội. - Thông tư số 29/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

03. Thủ tục: Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Người đại diện doanh nghiệp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30' đến 10giờ30'; Chiều: từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho người đại diện doanh nghiệp nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho người đại diện doanh nghiệp nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho người đại diện doanh nghiệp nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>. <p>Bước 3. Người đại diện doanh nghiệp nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đăng ký Hợp đồng nhận lao động thực tập <i>(theo mẫu - bản chính)</i>. - Hợp đồng nhận lao động thực tập, có bản dịch bằng tiếng Việt <i>(bản sao)</i>; - Tài liệu chứng minh việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận người lao động thực tập <i>(bản chính)</i>. - Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh <i>(bản sao)</i>. - Giấy xác nhận ký quỹ của doanh nghiệp do ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp ký quỹ cấp <i>(bản chính)</i>. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan.
Kết quả	Văn bản xác nhận hoặc văn bản thông báo từ chối, lý do.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đăng ký Hợp đồng nhận lao động thực tập <i>(Phụ lục số 06, Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH)</i> .
Yêu cầu, điều kiện	<p>Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 34- Luật người Lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, cụ thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hợp đồng với cơ sở thực tập ở nước ngoài để đưa người lao động đi

	<p>làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề (sau đây gọi là Hợp đồng nhận lao động thực tập) và đã được đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề (sau đây gọi là Hợp đồng đưa người lao động đi thực tập); người lao động được doanh nghiệp đưa đi thực tập nâng cao tay nghề phải có Hợp đồng lao động với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động. - Ngành, nghề người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề phải phù hợp với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. - Có tiền ký quỹ thực hiện Hợp đồng nhận lao động thực tập theo quy định của Chính phủ (Giấy chứng nhận ký quỹ tại Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính với mức tiền bằng 10% tiền vé máy bay một lượt từ nước mà người lao động đến làm việc về Việt Nam tính theo số lượng người lao động đi làm việc ở nước ngoài trong Hợp đồng nhận lao động thực tập).
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 72/2006/QH11 về người Lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. - Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 08/10/2007 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. - Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BLĐTBXH-NHNNVN ngày 04/09/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội- Ngân hàng Nhà nước.

Phụ lục số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH, ngày 08 tháng 10 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Tên doanh nghiệp Số:	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> , ngày ... tháng ... năm ...
--------------------------------------	---

ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG NHẬN LAO ĐỘNG THỰC TẬP

Kính gửi: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum.

1. Tên doanh nghiệp:
 - Tên giao dịch:
 - Địa chỉ trụ sở chính:
 - Điện thoại:; Fax:; E-mail:
 - Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:
 2. Doanh nghiệp đăng ký Hợp đồng nhận lao động thực tập làm việc tại..... đã ký ngày tháng năm với đối tác
 - Địa chỉ của tổ chức tiếp nhận lao động thực tập:
 - Điện thoại:; Fax:
 - Người đại diện:
 - Chức vụ:
 3. Những nội dung chính trong Hợp đồng nhận lao động thực tập:
 - Số lượng:, trong đó nữ:
 - Ngành nghề:, trong đó: số có nghề:, số không nghề:
 - Nơi thực tập (*Tên nhà máy, công trường, viện điều dưỡng, trường học, tàu vận tải, tàu cá,*):
 - Địa chỉ nơi thực tập:
 - Thời hạn hợp đồng:
 - Thời hạn thực tập (*giờ/ngày*);; số ngày thực tập trong tuần:
 - Mức lương cơ bản:
 - Các phụ cấp khác (*nếu có*):
 - Chế độ làm thêm giờ, làm thêm vào ngày nghỉ, ngày lễ:
 - Điều kiện ăn, ở:
 - Các chế độ bảo hiểm người lao động được hưởng tại nước đến thực tập:
 - Bảo hộ lao động tại nơi thực tập:
 - Các chi phí do đối tác đài thọ:
 - Vé máy bay:
 4. Chi phí người lao động phải trả trước khi đi (*nếu có*):
 - Vé máy bay:
 - Học phí bồi dưỡng kiến thức cần thiết:
 - Bảo hiểm xã hội (*Đóng cho cơ quan BHXH Việt Nam*):
 - Vé máy bay lượt đi:
 - Visa:
 - Thu khác (*nếu có, ghi cụ thể các khoản*):
 5. Các khoản thu từ tiền lương của người lao động trong thời hạn thực tập ở nước ngoài (*thuế hoặc các loại phí theo quy định của nước đến thực tập, ...*):
 6. Dự kiến thời hạn xuất cảnh:
- Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp

luật về đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài./.

<p><i>Nơi nhận:</i> - Như trên; - Lưu đơn vị</p>	<p>TỔNG GIÁM ĐỐC HOẶC GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP <i>(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)</i></p>
---	--

04. Thủ tục: *Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam*

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Người sử dụng lao động trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho người sử dụng lao động nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho người sử dụng lao động nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho người sử dụng lao động nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>. <p>Bước 3. Người sử dụng lao động nộp phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p><i>a. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động <i>(theo mẫu-bản chính)</i>. - Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký kết luận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ <i>(bản chính)</i>; - Phiếu Lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài cấp. Trường hợp người lao động nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam thì chỉ cần phiếu lý lịch tư pháp do Việt Nam cấp - Phiếu Lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự được cấp không quá 06 tháng, kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ <i>(bản sao)</i>. - Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật. Đối với một số nghề, công việc, văn bản chứng minh trình độ chuyên môn, kỹ thuật của người lao động nước ngoài được thay thế bằng một trong các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy công nhận là nghệ nhân những ngành nghề truyền thống do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp; + Văn bản chứng minh kinh nghiệm của cầu thủ bóng đá nước ngoài; + Bảng lái máy bay vận tải hàng không do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với phi công nước ngoài;

+ Giấy phép bảo dưỡng tàu bay do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với người lao động nước ngoài làm công việc bảo dưỡng tàu bay.

Các giấy tờ nêu trên là 01 bản chụp kèm theo bản gốc để đối chiếu hoặc 01 bản sao có chứng thực. Nếu của nước ngoài thì phải được hợp thức hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật, dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- 02 ảnh màu (kích thước 4cm x 6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu), ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị theo quy định của pháp luật.

- Các giấy tờ liên quan đến người lao động nước ngoài:

+ Đối với người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp phải có văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử sang làm việc tại hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài đó trên lãnh thổ Việt Nam và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã được doanh nghiệp nước ngoài đó tuyển dụng trước khi làm việc tại Việt Nam ít nhất 12 tháng;

+ Đối với người lao động nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và y tế phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận ký kết giữa đối tác phía Việt Nam và phía nước ngoài, trong đó phải có thỏa thuận về việc người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

+ Đối với người lao động nước ngoài là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng phải có hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác phía Việt Nam và phía nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 02 năm;

+ Đối với người lao động nước ngoài vào Việt Nam để chào bán dịch vụ phải có văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ;

+ Đối với người lao động nước ngoài làm việc cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam được phép hoạt động theo pháp luật Việt Nam phải có giấy chứng nhận của tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế được phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;

+ Đối với người lao động nước ngoài là người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại phải có văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để thành lập hiện diện thương mại của nhà cung cấp dịch vụ đó;

+ Đối với người lao động nước ngoài là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật mà tham gia vào hoạt động của doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam thì phải có văn bản chứng minh người lao động nước ngoài được tham gia vào hoạt động của doanh nghiệp nước ngoài đó.

Các giấy tờ theo quy định tại Khoản này là 01 bản chụp kèm theo bản gốc để đối chiếu hoặc 01 bản sao có chứng thực, nếu của nước ngoài thì miễn hợp pháp hóa lãnh sự, nhưng phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

	<i>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</i>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Người sử dụng lao động người lao động nước ngoài thuộc diện cấp Giấy phép lao động và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc.
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan.
Kết quả	Giấy phép lao động được cấp cho người lao động nước ngoài hoặc văn bản từ chối.
Lệ phí	Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Kon Tum (cấp mới). Mức thu: 600.000 đồng/1 giấy phép
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài (<i>mẫu số 7 Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện	* Đáp ứng các điều kiện theo quy định như sau: - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. - Có sức khỏe phù hợp với yêu cầu công việc. - Là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật. - Không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài. - Được chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sử dụng người lao động nước ngoài.
Căn cứ pháp lý	- Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13. - Nghị định số 11/2016/NĐ-CP, ngày 03/02/2016 của Chính phủ. - Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Nghị quyết 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Mẫu số 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 11/2016/NĐ-CP)

**TÊN DOANH NGHIỆP/TỔ
CHỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

V/v cấp/cấp lại giấy phép lao
động cho người lao động nước
ngoài

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức:
2. Loại hình doanh nghiệp/tổ chức (*doanh nghiệp trong nước/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài/cơ quan, tổ chức/nhà thầu*)
3. Tổng số lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức: người
Trong đó số lao động nước ngoài là: người
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại: 6. Email (*nếu có*)
7. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số:
Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày:
- Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động):
8. Người nộp hồ sơ của doanh nghiệp/tổ chức để liên hệ khi cần thiết (*số điện thoại, email*):
- Căn cứ văn bản thông báo chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước ngoài số... (*ngày/tháng/năm*) của....., (*tên doanh nghiệp/tổ chức*) đề nghị cấp/cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài, cụ thể như sau:
9. Họ và tên (chữ in hoa):
10. Ngày, tháng, năm sinh: 11. Giới tính (Nam/Nữ)
12. Quốc tịch:
13. Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số:
Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày:
14. Trình độ chuyên môn (tay nghề) (*nếu có*):
15. Làm việc tại doanh nghiệp/tổ chức:
16. Địa điểm làm việc:
17. Vị trí công việc: (*Nhà quản lý; Giám đốc điều hành; Chuyên gia; Lao động kỹ thuật*)
18. Chức danh công việc:
19. Hình thức làm việc (*nêu cụ thể theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016*):

20. Mức lương: VNĐ

21. Thời hạn làm việc từ (ngày/tháng/năm) đến (ngày/tháng/năm)

22. Nơi đăng ký nhận giấy phép lao động:

23. Lý do đề nghị (chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép lao động):

I. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO (2)

.....

II. QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC (3)

24. Nơi làm việc

- Nơi làm việc lần 1:

+ Địa điểm làm việc:

+ Vị trí công việc:

+ Chức danh công việc:

+ Thời hạn làm việc từ (ngày/tháng/năm) đến (ngày/tháng/năm).....

- Nơi làm việc lần 2:

+ Địa điểm làm việc:

+ Vị trí công việc:

+ Chức danh công việc:

+ Thời hạn làm việc từ (ngày/tháng/năm) đến (ngày/tháng/năm).....

- Nơi làm việc cuối cùng hoặc hiện tại:

+ Địa điểm làm việc:

+ Vị trí công việc:

+ Chức danh công việc:

+ Thời hạn làm việc từ (ngày/tháng/năm) đến (ngày/tháng/năm).....

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu đơn vị

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (2), (3): Không áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép lao động.

05. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Người sử dụng lao động trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho người sử dụng lao động nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho người sử dụng lao động nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho người sử dụng lao động nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Người sử dụng lao động nộp phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p><i>a. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép lao động (theo mẫu-bản chính). - 02 ảnh màu (kích thước 4cm x 6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu), ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ. - Giấy phép lao động đã được cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp giấy phép lao động bị mất thì phải có xác nhận của cơ quan Công an cấp phường của Việt Nam hoặc cơ quan Công an của nước ngoài theo quy định của pháp luật. + Trường hợp thay đổi nội dung ghi trên giấy phép lao động thì phải có các giấy tờ chứng minh. + Trường hợp giấy phép lao động động còn thời hạn ít nhất 05 ngày nhưng không quá 45 ngày phải có giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký kết luận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ và có một trong các giấy tờ liên quan đến người lao động nước ngoài như sau: <ul style="list-style-type: none"> • Đối với người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp phải có văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử sang làm việc tại hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài đó trên lãnh thổ Việt Nam và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã được doanh nghiệp nước ngoài đó tuyển dụng trước khi làm việc tại Việt

	<p>Nam ít nhất 12 tháng.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với người lao động nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và y tế phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận ký kết gửi đối tác phía Việt Nam và phía nước ngoài, trong đó phải có thỏa thuận về việc người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. • Đối với người lao động nước ngoài nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng phải có hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác phía Việt Nam và phía nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 02 năm. • Đối với người lao động nước ngoài chào bán dịch vụ phải có văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ. • Đối với người lao động nước ngoài làm việc cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam phải có giấy chứng nhận của tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế được phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. <p>. Đối với người lao động nước ngoài là người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại phải có văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để thành lập hiện diện thương mại của nhà cung cấp dịch vụ đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với người lao động nước ngoài là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật mà tham gia vào hoạt động của doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam thì phải có văn bản chứng minh người lao động nước ngoài được tham gia vào hoạt động của doanh nghiệp nước ngoài đó. <p><i>Các giấy tờ này là 01 bản chụp kèm theo bản gốc để đối chiếu hoặc 01 bản sao có chứng thực, nếu của nước ngoài thì miễn hợp pháp hóa lãnh sự, nhưng phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Trường hợp người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động theo quy định tại Nghị định 102/2013/NĐ-CP ngày 05/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam thì phải có văn bản chứng minh đáp ứng yêu cầu là chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật. <p><i>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</i></p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Người sử dụng lao động người lao động nước ngoài đã được Giấy phép lao động và thuộc trường hợp quy định tại phần yêu cầu, điều kiện tại thủ tục này.
Cơ quan thực hiện	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
Kết quả	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài hoặc văn bản từ chối.
Lệ phí	Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Kon Tum (cấp lại). Mức thu 450.000 đồng/1 giấy phép
Tên mẫu đơn, tờ khai	Tờ khai đề nghị cấp lại giấy phép lao động (<i>mẫu số 7 Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động đáp ứng một trong các điều kiện sau: - Giấy phép lao động còn thời hạn bị mất, bị hỏng hoặc thay đổi nội dung ghi trong giấy phép lao động.

	- Giấy phép lao động còn thời hạn ít nhất 05 ngày nhưng không quá 45 ngày.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13. - Nghị định số 11/2016/NĐ-CP, ngày 03/02/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ. - Nghị định 102/2013/NĐ-CP ngày 05/9/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Mẫu số 7

Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 11/2016/NĐ-CP.

**TÊN DOANH NGHIỆP/TỔ
CHỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

V/v cấp/cấp lại giấy phép lao
động cho người lao động nước
ngoài

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức:
2. Loại hình doanh nghiệp/tổ chức (*doanh nghiệp trong nước/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài/cơ quan, tổ chức/nhà thầu*)
3. Tổng số lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức:người
Trong đó số lao động nước ngoài là: người
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại: 6. Email (*nếu có*)
7. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số:
Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày:
- Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động):
8. Người nộp hồ sơ của doanh nghiệp/tổ chức để liên hệ khi cần thiết (*số điện thoại, email*):
- Căn cứ văn bản thông báo chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước ngoài số... (*ngày/tháng/năm*) của....., (*tên doanh nghiệp/tổ chức*) đề nghị cấp/cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài, cụ thể như sau:
9. Họ và tên (chữ in hoa):
10. Ngày, tháng, năm sinh: 11. Giới tính (Nam/Nữ)
12. Quốc tịch:
13. Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số:
Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày:
14. Trình độ chuyên môn (tay nghề) (*nếu có*):
15. Làm việc tại doanh nghiệp/tổ chức:
16. Địa điểm làm việc:
17. Vị trí công việc: (*Nhà quản lý; Giám đốc điều hành; Chuyên gia; Lao động kỹ thuật*)
18. Chức danh công việc:
19. Hình thức làm việc (*nêu cụ thể theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016*):
20. Mức lương: VNĐ

21. Thời hạn làm việc từ (ngày/tháng/năm) đến (ngày/tháng/năm)
22. Nơi đăng ký nhận giấy phép lao động:
23. Lý do đề nghị (chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép lao động):

I. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO (2)

.....

II. QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC (3)

24. Nơi làm việc

- Nơi làm việc lần 1:

+ Địa điểm làm việc:

+ Vị trí công việc:

+ Chức danh công việc:

+ Thời hạn làm việc từ (ngày/tháng/năm) đến (ngày/tháng/năm).....

- Nơi làm việc lần 2:

+ Địa điểm làm việc:

+ Vị trí công việc:

+ Chức danh công việc:

+ Thời hạn làm việc từ (ngày/tháng/năm) đến (ngày/tháng/năm).....

- Nơi làm việc cuối cùng hoặc hiện tại:

+ Địa điểm làm việc:

+ Vị trí công việc:

+ Chức danh công việc:

+ Thời hạn làm việc từ (ngày/tháng/năm) đến (ngày/tháng/năm).....

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu đơn vị

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (2), (3): Không áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép lao động

06. Thủ tục: Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp Giấy phép lao động tại Việt Nam

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Người sử dụng lao động trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho người sử dụng lao động nộp hồ sơ, 01 liên chuyên kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho người sử dụng lao động nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho người sử dụng lao động nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Người sử dụng lao động nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (theo mẫu-bản chính). - Các giấy tờ để chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động. - Các giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là 01 bản chụp kèm theo bản gốc để đối chiếu hoặc 01 bản sao có chứng thực, nếu của nước ngoài thì miễn hợp pháp hóa lãnh sự, nhưng phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân (Là người sử dụng lao động người lao động nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại phần yêu cầu, điều kiện tại thủ tục này).
Cơ quan thực hiện	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
Kết quả	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Văn bản đề nghị xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (Mẫu số 05 Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH).
Yêu cầu, điều kiện	<p>Người lao động nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là thành viên góp vốn hoặc chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn. - Là thành viên hội đồng quản trị của công ty cổ phần.

	<ul style="list-style-type: none"> - Là Trưởng văn phòng đại diện, dự án của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam. - Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để thực hiện chào bán dịch vụ. - Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để xử lý những sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp nảy sinh làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được. - Là luật sư nước ngoài đã được cấp giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của Luật Luật sư; - Theo quy định của Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. - Là học sinh, sinh viên hoặc thực tập tại Việt Nam nhưng người sử dụng lao động phải báo trước 07 ngày với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh. - Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi 11 ngành dịch vụ trong biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới, bao gồm: kinh doanh; thông tin; xây dựng; phân phối; giáo dục; môi trường; tài chính; y tế; du lịch; văn hóa giải trí và vận tải. - Vào Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyên môn và kỹ thuật hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, theo dõi đánh giá, quản lý và thực hiện chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) theo quy định hay thỏa thuận trong các điều ước quốc tế về ODA đã ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và nước ngoài. - Được Bộ Ngoại giao cấp giấy phép hoạt động thông tin, báo chí tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. - Được cơ quan, tổ chức của nước ngoài cử sang Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu tại trường quốc tế thuộc phạm vi quản lý của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam hoặc được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận vào giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục, đào tạo tại Việt Nam. - Tình nguyện viên có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam. - Vào Việt Nam thực hiện thỏa thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức ở Trung ương, cấp tỉnh ký kết theo quy định của pháp luật. - Học sinh, sinh viên đang học tập tại các trường, cơ sở đào tạo ở nước ngoài có thỏa thuận thực tập trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam. - Thân nhân thành viên cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam làm việc sau khi được Bộ Ngoại giao cấp phép, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. - Có hộ chiếu công vụ vào làm việc cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội. - Các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13. - Nghị định số 11/2016/NĐ-CP, ngày 03/02/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Mẫu số 5

Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
TÊN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
....., ngày tháng năm
V/v xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Kính gửi:(1)

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức:.....
2. Loại hình doanh nghiệp/tổ chức (*doanh nghiệp trong nước/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài/cơ quan, tổ chức/nhà thầu*):.....
3. Tổng số lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức:người
Trong đó số lao động nước ngoài là:người
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại: 6. Email (*nếu có*):.....
7. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số:.....
Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày:.....
Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động):.....
8. Người nộp hồ sơ của doanh nghiệp/tổ chức để liên hệ khi cần thiết (số điện thoại, email): ...
Căn cứ văn bản số...(ngày/tháng/năm) của...về việc chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài, (*tên doanh nghiệp/tổ chức*) đề nghị..... (2) xác nhận những người lao động nước ngoài sau đây không thuộc diện cấp giấy phép lao động:
9. Họ và tên:
10. Ngày, tháng, năm sinh: 11. Giới tính (Nam/Nữ):.....
12. Quốc tịch: 13. Số hộ chiếu:.....
14. Cơ quan cấp: 15. Có giá trị đến ngày:.....
16. Vị trí công việc:
17. Chức danh công việc:.....
18. Hình thức làm việc:.....
19. Trình độ chuyên môn (tay nghề) (*nếu có*):.....
20. Làm việc tại doanh nghiệp/tổ chức:.....
21. Địa điểm làm việc:.....
22. Thời hạn làm việc:
Từ (ngày/tháng/năm)đến (ngày/tháng/năm).....
23. Trường hợp lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (*nêu rõ thuộc đối tượng nào quy định tại Điều 7 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016*):.....
24. Các giấy tờ chứng minh kèm theo (*liệt kê tên các giấy tờ*):
.....

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu đơn vị

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) (2) Cục Việc làm - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội/Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố.....

III. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI: 06 thủ tục.

01. Thủ tục: *Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Thương nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum;- Thời gian: Sáng: từ 07giờ30' đến 10giờ30'; Chiều: từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ, 01 liên chuyên kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum);</i>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn thương nhân nước ngoài hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ;- Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum).</i> <p>Bước 3. Thương nhân nước ngoài nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện <i>(theo mẫu)</i>, do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký <i>(bản chính)</i>;- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;- Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện;- Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;- Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện;- Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm: + Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản

	<p>sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;</p> <p>+ Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định 07/2016/NĐ-CP (<i>Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật; Văn phòng đại diện, Chi nhánh không được cho mượn, cho thuê lại trụ sở</i>) và quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>- Thành phần hồ sơ quy định tại Khoản 2,3,4,5 (đối với trường hợp bản sao hộ chiếu của người đứng đầu Văn phòng đại diện là người nước ngoài) phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p><i>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</i></p>
Thời gian giải quyết	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân (Thương nhân nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại phần yêu cầu, điều kiện của thủ tục hành chính này).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan.
Kết quả	Giấy phép thành lập văn phòng đại diện
Lệ phí	Lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Mức thu: 3.000.000 (ba triệu) đồng/giấy phép;
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện (<i>Mẫu MĐ-1 Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016</i>)
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thương nhân nước ngoài được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc được pháp luật các quốc gia, vùng lãnh thổ này công nhận; - Thương nhân nước ngoài đã hoạt động ít nhất 01 năm, kể từ ngày được thành lập hoặc đăng ký; - Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ; - Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phải phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; - Trường hợp nội dung hoạt động của Chi nhánh không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý chuyên ngành (sau đây gọi chung là Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành).
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ</i> - <i>Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương;</i> - <i>Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài Chính</i>

Mẫu MĐ-1

Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).....
Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)
Tên thương nhân viết tắt
Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....
Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:.....
Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).....
Số tài Khoản:..... tại Ngân hàng:
Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:
Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):
Văn phòng đại diện số 1:
Tên Văn phòng đại diện:
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp: .
Mã số thuế:
Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:
Văn phòng đại diện số ...:.....(khai báo tương tự như trên)
Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả chấm dứt hoạt động theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):
Văn phòng đại diện số ...:
Tên Văn phòng đại diện:
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp: .
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:
Thời Điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động:
Văn phòng đại diện số ...:.....(khai báo tương tự như trên)
Đề nghị cấp (cấp lại)1 Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số ... 2 như sau:
Tên Văn phòng đại diện:
Tên giao dịch bằng tiếng Anh:
Tên viết tắt (nếu có):
Địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)
.....
.....
Thời hạn của Giấy phép thành lập:
Người đứng đầu Văn phòng đại diện³:
Họ và tên:..... Giới tính:
Quốc tịch:
Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:
Ngày cấp .../.../... Nơi cấp:

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):

.....
Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

-
- 1 Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).
 - 2 Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.
 - 3 Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân.

02. Thủ tục: Điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Thương nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum);</i> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn thương nhân nước ngoài hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum).</i> <p>Bước 3. Thương nhân nước ngoài nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p><i>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh <i>(theo mẫu)</i> do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký <i>(bản chính)</i>; - Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ trụ sở của thương nhân nước ngoài: Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài. + Trường hợp thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện: Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện, bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện/Chi nhánh; giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi; + Trường hợp thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa

	<p>thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện, bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện.</p> <p>- Bản chính Giấy phép văn phòng đại diện.</p> <p>+ Các tài liệu chứng minh nội dung thay đổi (đối với trường hợp văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bỏ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện, Chi nhánh bằng tiếng nước ngoài và bản sao hộ chiếu của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện/Chi nhánh là người nước ngoài) theo Điều 15 Nghị định 07/2016/NĐ-CP sau đây phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài. • Thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài có liên quan trực tiếp đến nội dung hoạt động của Chi nhánh tại Việt Nam. • Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện, Chi nhánh. • Thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện, Chi nhánh. • Thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh. • Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý. • Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Chi nhánh. <p>+ Các tài liệu chứng minh nội dung thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p><i>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</i></p>
Thời gian giải quyết	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân (Thương nhân nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại phần yêu cầu, điều kiện của thủ tục hành chính này)
Cơ quan thực hiện	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.
Kết quả	Giấy phép thành lập văn phòng đại diện.
Lệ phí	Lệ phí cấp lại, điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Mức thu: 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (<i>Mẫu MĐ-3 Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài. - Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện, Chi nhánh. - Thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện. - Thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện. - Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ.</i> - <i>Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương.</i> - <i>Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài Chính.</i>

Mẫu MĐ-3.

Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt:.....

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: Ngày cấp .../.../.....

6Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Mã số thuế:

Nội dung Điều chỉnh:

Lý do Điều chỉnh:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

03. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Thương nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum);</i> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn thương nhân nước ngoài hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum).</i> <p>Bước 3. Thương nhân nước ngoài nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p><i>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> * Trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác, hồ sơ bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký <i>(theo mẫu-bản chính);</i> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi <i>(theo mẫu)</i>, do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký, trừ trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh (Đối với các trường hợp: Không hoạt động trong 01 năm và không phát sinh các giao dịch với Cơ quan cấp giấy phép; Không báo cáo về hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong 02 năm liên tiếp; Không gửi báo cáo <i>(báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của mình theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền)</i> tới Cơ quan cấp Giấy phép trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản; Trường hợp khác theo quy định pháp luật);

	<p>- Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp;</p> <p>- Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện nơi chuyển đến (Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện (<i>Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật; Văn phòng đại diện, Chi nhánh không được cho mượn, cho thuê lại trụ sở</i>) và quy định pháp luật có liên quan).</p> <p>* Trường hợp bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức, hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh (<i>theo mẫu</i>) do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký</p> <p><i>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</i></p>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân (Thương nhân nước ngoài đã được cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và thuộc trường hợp quy định tại phần yêu cầu, điều kiện của thủ tục hành chính này).
Cơ quan thực hiện:	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
Kết quả:	Giấy phép thành lập văn phòng đại diện
Lệ phí:	Lệ phí cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Mức thu: 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, đối với trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở (<i>Mẫu MĐ-1 Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016</i>)</p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh, đối với trường hợp bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức (<i>Mẫu MĐ-2 Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016</i>)</p> <p>- Thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh (<i>Mẫu TB, Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016</i>)</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<p>Thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện trong những trường hợp sau:</p> <p>- Chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác.</p> <p>- Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức.</p>
Căn cứ pháp lý:	<p>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương.</p> <p>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài Chính.</p>

Mẫu MĐ-1

Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).....
Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)
Tên thương nhân viết tắt
Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....
Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:.....
Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp).....
Số tài Khoản:..... tại Ngân hàng:
Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:
Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):
Văn phòng đại diện số 1:
Tên Văn phòng đại diện:
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp: .
Mã số thuế:
Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:
Văn phòng đại diện số ...:.....(khai báo tương tự như trên)
Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả chấm dứt hoạt động theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):
Văn phòng đại diện số ...:
Tên Văn phòng đại diện:
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp: .
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:
Thời Điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động:
Văn phòng đại diện số ...:.....(khai báo tương tự như trên)
Đề nghị cấp (cấp lại)1 Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số ... 2 như sau:
Tên Văn phòng đại diện:
Tên giao dịch bằng tiếng Anh:
Tên viết tắt (nếu có):
Địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....
Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)
.....
.....
Thời hạn của Giấy phép thành lập:
Người đứng đầu Văn phòng đại diện³:
Họ và tên:..... Giới tính:
Quốc tịch:
Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:
Ngày cấp .../.../... Nơi cấp:

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):

.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

-
- 1 Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).
 - 2 Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.
 - 3 Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân.

Mẫu MĐ-2

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Đề nghị cấp lại 4 Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../

5Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Mã số thuế:

Lý do cấp lại:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

4 Áp dụng cho trường hợp cấp lại theo Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN.../CHI NHÁNH ... TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: ... (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân bằng tiếng Anh).....

Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam: (ghi bằng chữ in hoa tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh trong Giấy phép thành lập):

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh số.....Ngày cấp: ... /.../....

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh theo Giấy phép thành lập)

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Thời hạn hoạt động: từ ngày.... tháng... năm.... đến ngày... tháng... năm.....

¹¹ Thông báo việc thanh toán (hoặc chưa thanh toán) các Khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.../Chi nhánh...:

1. Thuế:

2. Bảo hiểm xã hội:.....

3. Các Khoản khác:.....

4. Các nghĩa vụ khác (nếu có):

Đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện.../Chi nhánh tại Việt Nam:

Từ ngày... tháng... năm...

Lý do chấm dứt hoạt động:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Thông báo này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP pháp luật Việt Nam liên quan đến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam./

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

—

¹¹ Trong trường hợp chấm dứt hoạt động do chuyển địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP không phải kê khai nội dung này.

04. Thủ tục: Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Thương nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum);</i> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn thương nhân nước ngoài hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum).</i> <p>Bước 3. Thương nhân nước ngoài nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p><i>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký <i>(theo mẫu-bản chính);</i> - Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài; - Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất; - Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp. <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tài liệu quy định tại khoản thứ nhất <i>(Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện)</i> phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. + Tài liệu quy định tại khoản thứ ba <i>(Bản sao báo cáo tài chính)</i> phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định pháp luật Việt Nam. <p><i>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</i></p>

Thời gian giải quyết	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân (Thương nhân nước ngoài đã được cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và thuộc trường hợp quy định tại phần yêu cầu, điều kiện của thủ tục hành chính này).
Cơ quan thực hiện:	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.
Kết quả	Giấy phép thành lập văn phòng đại diện
Lệ phí	Lệ phí cấp gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Mức thu: 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (<i>Mẫu MĐ-4 Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016</i>)
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thương nhân nước ngoài được gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện khi hết thời hạn ghi trong giấy phép trừ trường hợp có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp bị thu hồi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Không hoạt động trong 01 năm và không phát sinh các giao dịch với Cơ quan cấp giấy phép. + Không báo cáo về hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong 02 năm liên tiếp. + Không gửi báo cáo (<i>báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của mình theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền</i>) tới Cơ quan cấp Giấy phép trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản. + Trường hợp khác theo quy định pháp luật.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương;</i> - <i>Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài Chính.</i>

Mẫu MĐ-4.

Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)
Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....
Tên thương nhân viết tắt
Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....
Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh:
Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....
Đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:
Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../.....
7Thứ tự của Văn phòng đại diện:
Mã số thuế:
Số lao động làm việc tại Văn phòng đại diện tại thời Điểm gia hạn:... người; trong đó:
- Số lao động nước ngoài:... người;
- Số lao động Việt Nam: ... người.
Thời hạn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập:.....
Chúng tôi cam kết:
1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

7 Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

05. Thủ tục: Chăm dứt hoạt động văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Thương nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum);</i> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho thương nhân nước ngoài nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum).</i> <p>Bước 3. Thương nhân nước ngoài nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p><i>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, chi nhánh <i>(theo mẫu-bản chính);</i> - Bản sao văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (đối với trường hợp: Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh mà không được Cơ quan cấp Giấy phép đồng ý gia hạn) hoặc bản sao Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Cơ quan cấp Giấy phép (đối với trường hợp: Bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh đối với các trường hợp: Không hoạt động trong 01 năm và không phát sinh các giao dịch với Cơ quan cấp giấy phép; Không báo cáo về hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong 02 năm liên tiếp; Không gửi báo cáo <i>(báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của mình theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền)</i> tới Cơ quan cấp Giấy phép trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản; Trường hợp khác theo quy định pháp luật). - Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội <i>(bản sao);</i> - Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động <i>(bản sao);</i>

	- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. <i>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</i>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân (Thương nhân nước ngoài đã được cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và thuộc trường hợp quy định tại phần yêu cầu, điều kiện của thủ tục hành chính này).
Cơ quan thực hiện:	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.
Kết quả:	Thông báo chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (<i>Mẫu TB Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Theo đề nghị của thương nhân nước ngoài. - Khi thương nhân nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi thương nhân đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh. - Hết thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh mà thương nhân nước ngoài không đề nghị gia hạn. - Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, mà không được Cơ quan cấp Giấy phép đồng ý gia hạn. - Bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện: Đối với các trường hợp: Không hoạt động trong 01 năm và không phát sinh các giao dịch với Cơ quan cấp giấy phép; Không báo cáo về hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong 02 năm liên tiếp; Không gửi báo cáo (<i>báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của mình theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền</i>) tới Cơ quan cấp Giấy phép trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản; Trường hợp khác theo quy định pháp luật. - Thương nhân nước ngoài, Văn phòng đại diện không còn đáp ứng một trong những điều kiện sau: Thương nhân nước ngoài được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc được pháp luật các quốc gia, vùng lãnh thổ này công nhận; Thương nhân nước ngoài đã hoạt động ít nhất 01 năm, kể từ ngày được thành lập hoặc đăng ký; Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ; Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phải phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập Văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành (sau đây gọi chung là Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành).
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương;</i> - <i>Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài Chính.</i>

Mẫu Thông báo

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

**THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN.../CHI NHÁNH ... TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: ... (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân bằng tiếng Anh).....
Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam: (ghi bằng chữ in hoa tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh trong Giấy phép thành lập):
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh số..... Ngày cấp: ... /.../..
Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh theo Giấy phép thành lập)
Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)
Thời hạn hoạt động: từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm.....
11 Thông báo việc thanh toán (hoặc chưa thanh toán) các Khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.../Chi nhánh...:
1. Thuế:
2. Bảo hiểm xã hội:.....
3. Các Khoản khác:.....
4. Các nghĩa vụ khác (nếu có):
Đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện.../Chi nhánh tại Việt Nam:
Từ ngày... tháng... năm...
Lý do chấm dứt hoạt động:
Chúng tôi cam kết:
1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Thông báo này.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP pháp luật Việt Nam liên quan đến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

1 Trong trường hợp chấm dứt hoạt động do chuyển địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP không phải kê khai nội dung này.

Mẫu MĐ-3.

Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)
Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....
Tên thương nhân viết tắt:.....
Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....
Đề nghị Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:
Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)
Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: Ngày cấp .../.../.....
Số Thứ tự của Văn phòng đại diện:
Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)
Mã số thuế:
Nội dung Điều chỉnh:
Lý do Điều chỉnh:
Chúng tôi cam kết:
1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

6 Chỉ áp dụng đối với thương nhân nước ngoài có nhiều hơn một Văn phòng đại diện tại Việt Nam và đã được cấp phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực. Thương nhân nước ngoài tự xác định thứ tự của Văn phòng đại diện theo thời gian thành lập.

06. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa Mẫu D (Áp dụng trường hợp đã đăng ký thương nhân tại KCN, KKT tỉnh Kon Tum)

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Thương nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho thương nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum);</i> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho thương nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho thương nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum).</i> <p>Bước 3. Thương nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p><i>a. Thành phần hồ sơ, gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ <i>(theo mẫu-bản chính);</i> - Mẫu C/O mẫu D <i>(theo mẫu)</i> đã được khai hoàn chỉnh <i>(bản chính);</i> - Bản sao có chứng thực Tờ khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan. Các trường hợp hàng xuất khẩu không phải khai báo Tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật sẽ không phải nộp Tờ khai hải quan; - Bản sao có chứng thực Hoá đơn thương mại; - Bản sao có chứng thực Vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải tương đương trong trường hợp thương nhân không có vận tải đơn. Trường hợp cấp C/O giáp lưng cho cả lô hàng hoặc một phần lô hàng từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước, chứng từ này có thể không bắt buộc phải nộp nếu trên thực tế thương nhân không có <i>(Trong trường hợp chưa có Tờ khai hải quan xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan và vận tải đơn (hoặc chứng từ tương đương vận tải đơn), người đề nghị cấp C/O Mẫu D có thể nộp các chứng từ này nhưng không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày được cấp C/O).</i> <p><i>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</i></p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp nhận thấy khi kiểm tra trên hồ sơ là chưa đủ căn cứ để cấp C/O hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật đối với các loại C/O đã cấp trước đó, thì việc kiểm tra được thực hiện theo quy định của Thông tư số 39/2018/TT-BCT.

Đối tượng thực hiện	Thương nhân (tổ chức, cá nhân) phù hợp với yêu cầu, điều kiện tại thủ tục này).
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan.
Kết quả	Giấy chứng nhận
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Đơn đề nghị cấp C/O mẫu D (<i>mẫu theo quy chế cấp C/O mẫu D</i>). - Mẫu C/O mẫu D (<i>Phụ lục VIII, Thông tư số 22/2016/TT-BCT</i>) - Hướng dẫn ghi (<i>phụ lục IX Thông tư số 22/2016/TT-BCT</i>)
Yêu cầu, điều kiện	Từ chối cấp C/O nếu phát hiện một trong những trường hợp sau: - Người đề nghị cấp C/O chưa đăng ký hồ sơ thương nhân với tổ chức cấp C/O. - Hồ sơ đề nghị cấp C/O không chính xác, không đầy đủ, chưa nộp chứng từ nợ theo quy định tại mục thành phần và số lượng hồ sơ. - Hồ sơ có mâu thuẫn về nội dung; - Mẫu C/O khai bằng chữ viết tay, hoặc bị tẩy xóa, hoặc mờ không đọc được, hoặc được in bằng nhiều màu mực; - Có căn cứ hợp pháp chứng minh hàng hoá không có xuất xứ theo quy định hoặc người đề nghị cấp C/O có hành vi gian dối, thiếu trung thực trong việc chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá.
Căn cứ pháp lý	- <i>Luật Thương mại số 36/2005/QH11.</i> - <i>Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN ký ngày 26/02/2009.</i> - <i>Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 8/3/2018 của Chính phủ.</i> - <i>Thông Tư 22/2016/TT-BCT ngày 3/10/2016 của Bộ Công thương.</i> - <i>Thông Tư 05/2018/TT-BCT ngày 3/4/2018 của Bộ Công thương.</i> - <i>Thông tư 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ Công thương.</i>

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O
(Ban hành kèm theo Quy chế cấp C/O Mẫu D)

1. Mã số thuế của doanh nghiệp		Số C/O:		
2. Kính gửi: (Tổ chức cấp C/O).....		ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O Mẫu Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tạivào ngày.....		
3. Hình thức cấp (đánh (√) vào ô thích hợp) Cấp C/O Cấp lại C/O (do mất, rách, hỏng)		Hàng tham dự hội chợ, triển lãm <input type="checkbox"/> C/O giáp lưng <input type="checkbox"/> Hoá đơn do nước thứ ba phát hành		
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O: - Đơn đề nghị cấp C/O - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh - Tờ khai hải quan xuất khẩu - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu - Giấy phép xuất khẩu - Hợp đồng mua bán		- Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước - Vận tải đơn - Bảng kê chi tiết tính toán hàm lượng giá trị khu vực - Các chứng từ khác.....		
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt):..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....		6. Người sản xuất (tên tiếng Việt):..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....		
7. Người nhập khẩu/ Người mua (tên tiếng Việt): - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....				
8. Tên hàng (tiếng Việt và tiếng Anh)	9. Mã HS (8 số)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá (USD)*
		a) WO b) Tiêu chí chung: - <input type="checkbox"/> RVC <input type="checkbox"/> CTH c) PSR: - RVC		

		- CC <input type="checkbox"/> CTH <input type="checkbox"/> CTSH - Specific Processes d) Các yếu tố khác: <input type="checkbox"/> Cộng gộp đầy đủ <input type="checkbox"/> Cộng gộp từng phần% <input type="checkbox"/> <i>De Minimis</i>%		
13. Số Invoice:..... Ngày:/...../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn:..... Ngày:/...../.....	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra: - Người nhập dữ liệu: - Người ký: - Người trả: - Đề nghị đóng..... § Đóng dấu (đồng ý cấp) § Đóng dấu “Issued retroactively” § Đóng dấu “Certified true copy”			18. Doanh nghiệp chúng tôi xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tại.....ngày.....tháng.....năm..... <i>(Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)</i>	

**PHỤ LỤC VIII
MẪU C/O MẪU D**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 3 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
Original (Duplicate/Triplicate)*

<p>1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country)</p>	<p>Reference No.</p> <p align="center">ASEAN TRADE IN GOODS AGREEMENT/ ASEAN INDUSTRIAL COOPERATION SCHEME CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate)</p> <p align="center">FORM D Issued in _____ (Country) See Overleaf Notes</p>
<p>2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)</p>	
<p>3. Means of transport and route (as far as known)</p> <p>Departure date</p> <p>Vessel's name/Aircraft etc.</p> <p>Port of Discharge</p>	<p>4. For Official Use</p> <p><input type="checkbox"/> Preferential Treatment Given Under ASEAN Trade in Goods Agreement</p> <hr/> <p><input type="checkbox"/> Preferential Treatment Given Under ASEAN Industrial Cooperation Scheme</p> <hr/> <p><input type="checkbox"/> Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)</p> <p>.....</p>

			Signature of Authorised Signatory of the Importing Country		
5. Item number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of goods (including quantity where appropriate and HS number of the importing country)	8. Origin criterion (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or other quantity and value (FOB)	10. Number and date of invoices
<p>11. Declaration by the exporter</p> <p>The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the goods were produced in</p> <p>..... (Country)</p>			<p>12. Certification</p> <p>It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.</p>		

and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the ASEAN Trade in Goods Agreement for the goods exported to

.....
(Importing
Country)

.....
Place and date,
signature of
authorised
signatory

.....
Place and date, signature and stamp of
certifying authority

13

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Third Country Invoicing | <input type="checkbox"/> Exhibition |
| <input type="checkbox"/> Accumulation | <input type="checkbox"/> De
Minimis |
| <input type="checkbox"/> Back-to-Back CO | <input type="checkbox"/> Issued
Retroactively |
| <input type="checkbox"/> Partial Cumulation | |

OVERLEAF NOTES

1. Member States which accept this form for the purpose of preferential treatment under the ASEAN Trade in Goods Agreement (ATIGA) or the ASEAN Industrial Cooperation (AICO) Scheme:

BRUNEI DARUSSALAM
LAO PDR
PHILIPPINES
VIETNAM

CAMBODIA
MALAYSIA
SINGAPORE

INDONESIA
MYANMAR
THAILAND

2. **CONDITIONS:** The main conditions for admission to the preferential treatment under the ATIGA or the AICO Scheme are that goods sent to any Member States listed above must:
- (i) fall within a description of products eligible for concessions in the country of destination;
 - (ii) comply with the consignment conditions in accordance with Article 32 (Direct Consignment) of Chapter 3 of the ATIGA; and
 - (iii) comply with the origin criteria set out in Chapter 3 of the ATIGA.
3. **ORIGIN CRITERIA:** For goods that meet the origin criteria, the exporter and/or producer must indicate in Box 8 of this Form, the origin criteria met, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods wholly obtained or produced in the exporting Member State satisfying Article 27 (Wholly Obtained) of the ATIGA	“WO”
(b) Goods satisfying Article 28 (Non-wholly obtained) of the ATIGA <ul style="list-style-type: none"> • Regional Value Content • Change in Tariff Classification • Specific Processes • Combination Criteria 	Percentage of Regional Value Content, example “40%” The actual CTC rule, example “CC” or “CTH” or “CTSH” “SP” The actual combination criterion, example “CTSH + 35%”
(c) Goods satisfying paragraph 2 of Article 30 (Partial Cumulation) of the ATIGA	“PC x%”, where x would be the percentage of Regional Value Content of less than 40%, example “PC 25%”

4. **EACH ARTICLE MUST QUALIFY:** It should be noted that all the goods in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. **DESCRIPTION OF PRODUCTS:** The description of products must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them. Name of manufacturer and any trade mark shall also be specified.
6. **HARMONISED SYSTEM NUMBER:** The Harmonised System number shall be that of in ASEAN Harmonised Tariff Nomenclature (AHTN) Code of the importing Member State.
7. **EXPORTER:** The term “Exporter” in Box 11 may include the manufacturer or the producer.

8. **FOR OFFICIAL USE:** The Customs Authority of the importing Member State must indicate (√) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. **MULTIPLE ITEMS:** For multiple items declared in the same Form D, if preferential treatment is not granted to any of the items, this is also to be indicated accordingly in box 4 and the item number circled or marked appropriately in box 5.
10. **THIRD COUNTRY INVOICING:** In cases where invoices are issued by a third country, “the Third Country Invoicing” box should be ticked (√) and such information as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in box 7.
11. **BACK-TO-BACK CERTIFICATE OF ORIGIN:** In cases of Back-to-Back CO, in accordance with Rule 11 (Back-to-back CO) of Annex 8 of the ATIGA, the “Back-to-Back CO” box should be ticked (√).
12. **EXHIBITIONS:** In cases where goods are sent from the exporting Member State for exhibition in another country and sold during or after the exhibition for importation into a Member State, in accordance with Rule 22 of Annex 8 of the ATIGA, the “Exhibitions” box should be ticked (√) and the name and address of the exhibition indicated in box 2.
13. **ISSUED RETROACTIVELY:** In exceptional cases, due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form D) may be issued retroactively, in accordance with paragraph 2 of Rule 10 of Annex 8 of the ATIGA, the “Issued Retroactively” box should be ticked (√).
14. **ACCUMULATION:** In cases where goods originating in a Member State are used in another Member State as materials for finished goods, in accordance with paragraph 1 of Article 30 of the ATIGA, the “Accumulation” box should be ticked (√).
15. **PARTIAL CUMULATION (PC):** If the Regional Value Content of the material is less than forty percent (40%), the Certificate of Origin (Form D) may be issued for cumulation purposes, in accordance with paragraph 2 of Article 30 of the ATIGA, the “Partial Cumulation” box should be ticked (√).
16. **DE MINIMIS:** If a good that does not undergo the required change in tariff classification does not exceed ten percent (10%) of the FOB value, in accordance with Article 33 of the ATIGA, the “De Minimis” box should be ticked (√).

Phụ lục IX
HƯỚNG DẪN KÊ KHAI C/O

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

C/O phải được khai bằng tiếng Anh và đánh máy (trừ trường hợp hướng dẫn ở khoản 15 dưới đây). Nội dung khai phải phù hợp với các chứng từ quy định tại Điều 2 của Thông tư này. Nội dung kê khai C/O cụ thể như sau:

1. Ô số 1: tên giao dịch của người xuất khẩu, địa chỉ, tên quốc gia xuất khẩu (Việt Nam).
2. Ô số 2: Tên người nhận hàng, địa chỉ, tên nước.
3. Ô trên cùng bên phải về việc ghi số tham chiếu (do Tổ chức cấp C/O ghi). Số tham chiếu gồm 13 ký tự, chia làm 5 nhóm, với cách ghi cụ thể như sau:
 - a) Nhóm 1: tên nước thành viên xuất khẩu là Việt Nam, gồm 02 ký tự là “VN”;
 - b) Nhóm 2: tên nước thành viên nhập khẩu là các nước thành viên thuộc khối ASEAN, gồm 02 ký tự như sau:

BN: Bru-nây	MM: Mi-an-ma
KH: Cam-pu-chia	PH: Phi-lip-pin
ID: In-đô-nê-xi-a	SG: Xinh-ga-po
LA: Lào	TH: Thái Lan
MY: Ma-lai-xi-a;	

- c) Nhóm 3: năm cấp C/O, gồm 02 ký tự. Ví dụ: cấp năm 2009 sẽ ghi là “09”;
- d) Nhóm 4: tên Tổ chức cấp C/O, gồm 02 ký tự. Danh sách các Tổ chức cấp C/O được quy định cụ thể tại Phụ lục XIII. Danh sách này được Bộ Công Thương cập nhật thường xuyên khi có sự thay đổi về các Tổ chức cấp C/O;
- đ) Nhóm 5: số thứ tự của C/O, gồm 05 ký tự;
- e) Giữa nhóm 1 và nhóm 2 có gạch ngang “-”. Giữa nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 có dấu gạch chéo “/”.

Ví dụ: Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực thành phố Hồ Chí Minh cấp C/O mang số thứ 6 cho một lô hàng xuất khẩu sang Thái Lan trong năm 2009 thì cách ghi số tham chiếu của C/O này sẽ là: VN-TH 09/02/00006.

4. Ô số 3: ngày khởi hành, tên phương tiện vận tải (nếu gửi bằng máy bay thì đánh “By air”, nếu gửi bằng đường biển thì đánh tên tàu và tên cảng dỡ hàng).
5. Ô số 4: cơ quan Hải quan tại cảng hoặc địa điểm nhập khẩu sẽ đánh dấu √ vào ô thích hợp.
6. Ô số 5: số thứ tự các mặt hàng (nhiều mặt hàng ghi trên 1 C/O, mỗi mặt hàng có một số thứ tự riêng).
7. Ô số 6: ký hiệu và số hiệu của kiện hàng.
8. Ô số 7: số kiện hàng, loại kiện hàng, mô tả hàng hoá (bao gồm số lượng và mã HS của nước nhập khẩu).
9. Ô số 8: ghi tiêu chí xuất xứ của hàng hóa:

a) Hàng hoá có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại nước xuất khẩu theo Điều 3 của Phụ lục I	“WO”
b) Hàng hoá có xuất xứ không thuần túy theo Điều 4 của Phụ lục I	
- Hàm lượng giá trị khu vực	Ghi hàm lượng thực tế, ví dụ “40%”
- Thay đổi mã số hàng hóa	Ghi tiêu chí cụ thể, ví dụ “CC” hoặc “CTH” hoặc “CTSH”
- Công đoạn gia công chế biến cụ thể	“SP”
- Tiêu chí kết hợp	Ghi tiêu chí kết hợp cụ thể, ví dụ: “CTSH + 35%”
c) Hàng hóa đáp ứng khoản 2 Điều 6 của Phụ lục I (cộng gộp từng phần)	“PC x%” trong đó “x” là tỉ lệ phần trăm của hàm lượng giá trị khu vực lớn hơn 20% nhưng nhỏ hơn 40%, ví dụ “PC 25%”

10. Ô số 9: trọng lượng cả bì của hàng hoá (hoặc số lượng khác) và trị giá FOB trong trường hợp sử dụng tiêu chí RVC để xác định xuất xứ hàng hoá.

11. Ô số 10: số và ngày của hoá đơn thương mại.

12. Ô số 11: - Dòng thứ nhất ghi chữ “VIET NAM”. - Dòng thứ hai ghi đầy đủ tên nước nhập khẩu bằng chữ in hoa. - Dòng thứ ba ghi địa điểm, ngày tháng năm đề nghị cấp C/O, chữ ký của người đề nghị cấp C/O.

13. Ô số 12: dành cho cán bộ Tổ chức cấp C/O ghi: ngày tháng năm cấp C/O, chữ ký của cán bộ cấp C/O, con dấu của Tổ chức cấp C/O.

14. Ô số 13:

- Đánh dấu vào ô “Third Country Invoicing” trong trường hợp hóa đơn thương mại được phát hành bởi một công ty có trụ sở tại một nước thứ ba không phải là nước thành viên, hoặc bởi một công ty có trụ sở tại một nước ASEAN đối với lô hàng của công ty được chỉ định giao hàng. Các thông tin như tên và nước của công ty phát hành hóa đơn nêu trên cần ghi vào ô số 7.

- Đánh dấu vào ô “Back-to-Back CO” trong trường hợp tổ chức cấp C/O của nước trung gian cấp C/O giáp lưng theo Điều 11 của Phụ lục VII.

- Đánh dấu vào ô “Exhibitions” trong trường hợp hàng hóa gửi từ nước thành viên xuất khẩu để tham gia triển lãm tại một nước khác và được bán trong quá trình hoặc sau triển lãm để nhập khẩu vào một nước thành viên theo Điều 22 của Phụ lục VII, đồng thời ghi tên và địa chỉ của nơi triển lãm vào ô số 2.

- Đánh dấu vào ô “Issued Retroactively” trong trường hợp cấp C/O được cấp sau do sai sót hoặc vì lý do chính đáng khác theo khoản 2 Điều 10 của Phụ lục VII.

- Đánh dấu vào ô “Accumulation” trong trường hợp hàng hoá có xuất xứ của một nước thành viên được sử dụng làm nguyên liệu tại lãnh thổ của một nước thành viên khác để sản xuất ra một sản phẩm hoàn chỉnh.

- Đánh dấu vào ô “Partial Accumulation” trong trường hợp hàm lượng giá trị khu vực của nguyên liệu nhỏ hơn 40% nhưng lớn hơn 20% và C/O được cấp nhằm mục đích cộng gộp theo khoản 2 Điều 6 của Phụ lục I.

- Đánh dấu vào ô “De Minimis” nếu hàng hóa không thoả mãn tiêu chí chuyển đổi mã số hàng hóa vì lý do có một số nguyên liệu có mã số HS trùng với mã số HS của sản phẩm nhưng tỉ lệ trùng này không vượt quá 10% giá trị FOB của sản phẩm theo như quy định tại Điều 9 của Phụ lục I.

15. Các hướng dẫn khác:

- Trong trường hợp có nhiều mặt hàng khai trên cùng một C/O, nếu mặt hàng nào không được hưởng ưu đãi thuế quan, cơ quan Hải quan đánh dấu thích hợp vào ô số 4 và mặt hàng đó cần được khoanh tròn hoặc đánh dấu thích hợp tại ô số 5.

- Ô số 13 có thể được đánh dấu bằng tay hoặc in bằng máy vi tính./.

IV. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI: 01 thủ tục.

1. Thủ tục: *Giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất* (đối với quỹ đất đã được UBND tỉnh Kon Tum giao Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum).

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Từ 07giờ30 đến 10giờ30 và từ 13giờ30 đến 16giờ30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích. Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>* Trường hợp 1: Giao đất, cho thuê đất thuộc trường hợp dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin giao lại đất, cho thuê đất (theo mẫu-bản chính). - Giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư kèm theo bản thuyết minh dự án đầu tư (bản sao); + Trường hợp xin giao đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh thì không phải nộp kèm bản sao thuyết minh dự án đầu tư nhưng phải nộp bản sao quyết định đầu tư xây dựng công trình quốc phòng, an ninh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền các nội dung liên quan đến việc sử dụng đất hoặc quyết định phê duyệt quy hoạch vị trí đóng quân của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. + Trường hợp dự án cho hoạt động khoáng sản thì phải có giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; - Trích đo, trích lục bản đồ địa chính (do cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường thuộc Ban quản lý Khu kinh tế thực hiện); - Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất theo khoản 3 điều 58 Luật đất đai 2013 và điều 14 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (theo phụ lục kèm theo) đã lập khi cấp giấy

	<p>chứng nhận đầu tư hoặc thẩm định dự án đầu tư hoặc xét duyệt dự án (<i>bản sao có chứng thực</i>);</p> <p>* Trường hợp 2: Giao đất, cho thuê đất thuộc trường hợp dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình.</p> <p>- Đơn xin giao lại đất, cho thuê đất (<i>theo mẫu - bản chính</i>);</p> <p>- Bản thuyết minh dự án đầu tư đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư (<i>bản sao có chứng thực</i>);</p> <p>- Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình (<i>trường hợp xin giao đất cho cơ sở tôn giáo thì phải có báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tôn giáo (bản chính)</i>);</p> <p>- Trích đo, trích lục bản đồ địa chính (<i>do cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường thuộc Ban quản lý Khu kinh tế thực hiện</i>).</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức phù hợp với yêu cầu, điều kiện tại thủ tục này.
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan.
Kết quả	Quyết định giao lại đất hoặc quyết định cho thuê đất.
Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn xin giao lại đất, xin thuê đất (<i>Mẫu số 01, Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Đáp ứng các điều kiện về giao đất, cho thuê đất được quy định tại Khoản 3 Điều 58 - Luật Đất đai số 45/2013/QH13; Điều 42 – Luật Đầu tư số 67/2014/QH13; Điều 14 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014; Điều 27 - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 (<i>Có phụ lục kèm theo</i>).
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 45/2013/QH13. - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT, ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....
..., ngày..... thángnăm

ĐƠN¹

Kính gửi: Ủy ban nhân dân²

1. Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất
.....³
2. Địa chỉ/trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ liên hệ:.....
4. Địa điểm khu đất:.....
5. Diện tích (m²):.....
6. Để sử dụng vào mục đích: ⁴.....
7. Thời hạn sử dụng:.....
8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
Các cam kết khác (nếu có).....

Người làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất.
2. Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.
3. Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...).
4. Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư./.

PHỤ LỤC

(kèm theo Thủ tục: Giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với quỹ đất đã được UBND tỉnh giao Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh).

* Khoản 3, Điều 58 Luật Đất đai số 45/2013/QH13:

3. Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phải có các điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư;
- b) Ký quỹ theo quy định của pháp luật về đầu tư;
- c) Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư khác.

* Điều 42, Luật Đầu tư số 67/2014/QH13:

1. Nhà đầu tư phải ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.
2. Mức ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án từ 1% đến 3% vốn đầu tư của dự án căn cứ vào quy mô, tính chất và tiến độ thực hiện của từng dự án cụ thể.
3. Khoản ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư được hoàn trả cho nhà đầu tư theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, trừ trường hợp không được hoàn trả.
4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

* Điều 14, Nghị định 43/2014/NĐ-CP:

1. Dự án có sử dụng đất phải áp dụng điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai gồm:

- a) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để cho thuê hoặc để bán kết hợp cho thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở;
- b) Dự án đầu tư kinh doanh bất động sản gắn với quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản;
- c) Dự án sản xuất, kinh doanh không sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước.

2. Điều kiện về năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư được quy định như sau:

- a) Có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên;
- b) Có khả năng huy động vốn để thực hiện dự án từ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân khác.

3. Việc xác định người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư khác xác định theo các căn cứ sau đây:

- a) Kết quả xử lý vi phạm pháp luật về đất đai đối với các dự án tại địa phương được lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường;
- b) Nội dung công bố về tình trạng vi phạm pháp luật đất đai và kết quả xử lý vi phạm pháp luật đất đai trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Quản lý đất đai đối với các dự án thuộc địa phương khác.

4. Thời điểm thẩm định các điều kiện quy định tại Điều này được thực hiện đồng thời với việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất của chủ đầu tư khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc chấp thuận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thì thời điểm thẩm định được thực hiện trước khi tổ chức phiên đấu giá quyền sử dụng đất.

* Điều 27, Nghị định 118/2015/NĐ-CP:

1. Nhà đầu tư phải ký quỹ trong trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép

chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, trừ các trường hợp sau:

a) Nhà đầu tư trúng đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;

b) Nhà đầu tư trúng đấu thầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

c) Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên cơ sở nhận chuyển nhượng dự án đầu tư đã thực hiện ký quỹ hoặc đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn theo tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư;

d) Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất khác;

đ) Nhà đầu tư là đơn vị sự nghiệp có thu, công ty phát triển khu công nghệ cao được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng trong khu kinh tế.

2. Việc ký quỹ theo quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư sau khi dự án đầu tư được quyết định chủ trương đầu tư nhưng phải trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư thì thời điểm ký quỹ là thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

3. Mức ký quỹ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên vốn đầu tư của dự án đầu tư quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo nguyên tắc lũy tiến từng phần như sau:

a) Đối với phần vốn đến 300 tỷ đồng, mức ký quỹ là 3%;

b) Đối với phần vốn trên 300 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng, mức ký quỹ là 2%;

c) Đối với phần vốn trên 1.000 tỷ đồng, mức ký quỹ là 1%.

4. Vốn đầu tư của dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều này không bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp cho nhà nước và chi phí xây dựng các công trình công cộng thuộc dự án đầu tư. Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trong từng giai đoạn, mức ký quỹ được tính theo vốn đầu tư của dự án tương ứng với từng giai đoạn giao đất, cho thuê đất.

5. Tiền ký quỹ được nộp vào tài khoản của Cơ quan đăng ký đầu tư mở tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam theo lựa chọn của nhà đầu tư. Nhà đầu tư chịu chi phí liên quan đến việc mở, duy trì tài khoản ký quỹ và thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản ký quỹ.

6. Nhà đầu tư được giảm tiền ký quỹ trong các trường hợp sau:

a) Giảm 25% số tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, kể cả dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất;

b) Giảm 50% số tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghệ cao, khu kinh tế, kể cả dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, khu kinh tế.

7. Nhà đầu tư đã tạm ứng tiền giải phóng mặt bằng, tái định cư được hoãn thực hiện nghĩa vụ ký quỹ tương ứng với số tiền giải phóng mặt bằng, tái định cư đã tạm ứng.

8. Nhà đầu tư được hoàn trả tiền ký quỹ theo nguyên tắc sau:

a) Hoàn trả 50% số tiền ký quỹ tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và được cấp các giấy phép, chấp thuận khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động xây dựng (nếu có) không chậm hơn tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư;

b) Hoàn trả số tiền ký quỹ còn lại và tiền lãi phát sinh từ khoản ký quỹ (nếu có) tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành việc nghiệm thu công trình xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị để dự án đầu tư hoạt động không chậm hơn tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư;

c) Trường hợp giảm vốn đầu tư của dự án, nhà đầu tư được hoàn trả số tiền ký quỹ tương

ứng với số vốn đầu tư giảm theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) hoặc văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;

d) Trường hợp dự án đầu tư không thể tiếp tục thực hiện vì lý do bất khả kháng hoặc do lỗi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, nhà đầu tư được xem xét hoàn trả khoản tiền ký quỹ theo thỏa thuận với Cơ quan đăng ký đầu tư.

9. Tiền ký quỹ nộp vào ngân sách nhà nước trừ các trường hợp quy định tại Khoản 8 Điều này.

10. Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi các điều kiện ký quỹ, Cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư thỏa thuận điều chỉnh việc ký quỹ theo quy định tại Điều này.

V. LĨNH VỰC XÂY DỰNG: 11 thủ tục.

1. Tên thủ tục: Thẩm định thiết kế cơ sở (theo ủy quyền của UBND tỉnh tại điểm d, khoản 4, Điều 2, Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND).

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở (theo mẫu-bản chính). - Các văn bản pháp lý: <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác) (bản sao). + Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có) (bản sao). + Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án (bản sao). + Các tài liệu liên quan đến quy hoạch chi tiết xây dựng của dự án; quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng; giấy phép quy hoạch xây dựng, văn bản chấp thuận về hướng tuyến của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp thay đổi so với đồ án quy hoạch; các số liệu hạ tầng kỹ thuật và các văn bản liên quan khác (bản sao). + Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) (bản sao). + Hồ sơ pháp lý về lô đất xây dựng: Các hồ sơ liên quan đến quyền sử dụng đất hợp pháp của chủ đầu tư (nếu có) hoặc văn bản giới thiệu địa

	<p>điểm lô đất xây dựng công trình (<i>bản sao</i>).</p> <p>+ Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (<i>nếu có</i>).</p> <p>+ Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị; thông tin đến nguồn cấp điện, thông tin liên lạc, nguồn cấp nước, hướng thoát nước (<i>nếu có</i>).</p> <p>+ Các văn bản pháp lý khác có liên quan (<i>nếu có</i>).</p> <p>- Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (<i>dự toán</i>):</p> <p>+ Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án (<i>bản sao</i>).</p> <p>+ Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (<i>bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán</i>), (<i>bản sao</i>).</p> <p>+ Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh (<i>bản sao</i>).</p> <p>- Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:</p> <p>+ Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở (<i>bản sao</i>). Đồng thời bổ sung mã số chứng chỉ hành nghề đối với các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế theo quy định.</p> <p>- Báo cáo thẩm tra toàn bộ thiết kế cơ sở - tổng mức đầu tư dự án, công trình đề nghị thẩm định đã được tổ chức tư vấn đủ điều kiện năng lực thẩm tra (<i>đối với các dự án, công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách</i>), (<i>bản chính hoặc bản sao có chứng thực</i>).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
Thời hạn giải quyết	<p>- Đối với dự án nhóm B: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Đối với dự án nhóm C: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>
Đối tượng thực hiện	Chủ đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.
Kết quả	Văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở.
Phí, Lệ phí	Phí thẩm định thiết kế cơ sở của dự án (<i>như phụ lục kèm theo</i>).
Tên mẫu đơn, tờ khai	Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở (<i>mẫu số 01, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Không.
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</p> <p>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 15/4/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.</p> <p>- Quyết định 32/2018/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của UBND tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Nghị Quyết số 101/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ.</p>

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định thiết kế cơ sở

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình:
4. Người quyết định đầu tư:
5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
.....
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);
- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);
- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;
- Các tài liệu liên quan đến quy hoạch chi tiết xây dựng của dự án; quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng; giấy phép quy hoạch xây dựng, văn bản chấp thuận về hướng tuyến của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp thay đổi so với đồ án quy hoạch; các số liệu hạ tầng kỹ thuật và các văn bản liên quan khác;
- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Hồ sơ pháp lý về lô đất xây dựng: Các hồ sơ liên quan đến quyền sử dụng đất hợp pháp của chủ đầu tư (nếu có) hoặc văn bản giới thiệu địa điểm lô đất xây dựng công trình.
- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);
- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị; thông tin đến nguồn cấp điện, thông tin liên lạc, nguồn cấp nước, hướng thoát nước (nếu có);
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;

- Mã số chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Phụ lục:
BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, PHÍ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ

(Ban hành kèm theo thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Biểu xác định tỷ lệ mức thu phí thẩm định thiết kế cơ sở

Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥10.000
Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010

Trường hợp nhóm công trình có giá trị nằm trong khoảng giữa các tổng mức đầu tư ghi trên Biểu mức thu thì phí thẩm định thiết kế cơ sở phải thu được tính theo phương pháp nội suy như sau:

$$N_{it} = N_{ib} - \left\{ \frac{N_{ib} - N_{ia}}{G_{ia} - G_{ib}} \times (G_{it} - G_{ib}) \right\}$$

Trong đó:

- + N_{it} là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i theo quy mô giá trị cần tính (đơn vị tính: %).
 - + G_{it} là quy mô giá trị của nhóm dự án thứ i cần tính phí thẩm định đầu tư (đơn vị tính: giá trị công trình).
 - + G_{ia} là quy mô giá trị cận trên quy mô giá trị cần tính phí thẩm định (đơn vị tính: giá trị công trình).
 - + G_{ib} là quy mô giá trị cận dưới quy mô giá trị cần tính phí thẩm định (đơn vị tính: giá trị công trình).
 - + N_{ia} là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i tương ứng G_{ia} (đơn vị tính: %).
 - + N_{ib} là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i tương ứng G_{ib} (đơn vị tính: %).
- Trong đó mức thu theo tổng vốn đầu tư dự án được quy định tại Bảng trên.

2. Phí thẩm định thiết kế cơ sở: Phí thẩm định thiết kế cơ sở (đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP và dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác): Mức phí thẩm định thiết kế cơ sở bằng 50% mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại điểm 1 Biểu mức thu.

$$\text{Phí thẩm định thiết kế cơ sở} = \frac{\text{Tổng mức đầu tư được phê duyệt}}{\text{Mức thu}} \times 50\%$$

Trong đó: Mức thu được xác định như tại mục 1.

02. Thủ tục: Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình thuộc báo cáo kinh tế-kỹ thuật (theo ủy quyền của UBND tỉnh tại điểm d, khoản 4, Điều 2 Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND)

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum). <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình thuộc báo cáo kinh tế-kỹ thuật (theo mẫu-bản chính). - Các văn bản pháp lý: <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, (bản sao). + Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng, (bản sao). + Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có), (bản sao). + Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có), (bản sao). + Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư, (bản sao). + Các văn bản khác có liên quan. - Tài liệu khảo sát, thiết kế, dự toán: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ khảo sát xây dựng, (bản sao). + Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ, (bản sao). + Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, (bản sao). - Hồ sơ năng lực của các nhà thầu: <ul style="list-style-type: none"> + Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, (bản sao); đồng thời bổ sung mã số chứng chỉ hành nghề đối với các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì

	<p>thiết kế của nhà thầu thiết kế theo quy định.</p> <p>+ Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có), (bản sao).</p> <p>- Báo cáo thẩm tra toàn bộ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán dự án, công trình đề nghị thẩm định đã được tổ chức tư vấn đủ điều kiện năng lực thẩm tra (đối với các dự án, công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách), (bản sao có chứng thực).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
Thời hạn giải quyết:	<p>- Đối với dự án nhóm B: Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Đối với dự án nhóm C: Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Riêng đối với công trình có nhu cầu đồng thời thẩm định thiết kế và cấp giấy phép xây dựng, thời gian cấp Giấy phép xây dựng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư bổ sung đủ hồ sơ hợp lệ và bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau khi có kết quả thẩm định) theo quy định của Luật Xây dựng.</p>
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện:	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.
Kết quả:	Văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình thuộc báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
Phí, Lệ phí:	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình (như phụ lục kèm theo).
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình thuộc báo cáo kinh tế-kỹ thuật (mẫu số 06 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015).
Yêu cầu, điều kiện:	Không.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 15/4/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 209/2016/TT- BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của UBND tỉnh Kon Tum. - Nghị Quyết số 101/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ.

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ).

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng năm

TỜ TRÌNH

**Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình
thuộc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;
- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
- Các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);
- Mã số Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

BIỂU MỨC THU PHÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục số 1: Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng (Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán xây dựng đối với trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công, thẩm định dự toán công trình đối với trường hợp thiết kế hai bước)

1. Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật

Đơn vị tính: Tỷ lệ%

Số TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)								
		≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	8.000
1	Công trình dân dụng	0,165	0,110	0,085	0,065	0,050	0,041	0,029	0,022	0,019
2	Công trình công nghiệp	0,190	0,126	0,097	0,075	0,058	0,044	0,035	0,026	0,022
3	Công trình giao thông	0,109	0,072	0,055	0,043	0,033	0,025	0,021	0,016	0,014
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,121	0,080	0,061	0,048	0,037	0,028	0,023	0,017	0,014
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,126	0,085	0,065	0,050	0,039	0,030	0,026	0,019	0,017

2. Phí thẩm định dự toán xây dựng

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Số TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)								
		≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	8.000
1	Công trình dân dụng	0,160	0,106	0,083	0,062	0,046	0,038	0,028	0,021	0,018
2	Công trình công nghiệp	0,185	0,121	0,094	0,072	0,055	0,041	0,033	0,023	0,020
3	Công trình giao thông	0,106	0,068	0,054	0,041	0,031	0,024	0,020	0,014	0,012
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,117	0,076	0,060	0,046	0,035	0,026	0,022	0,016	0,014
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,122	0,082	0,062	0,047	0,037	0,029	0,024	0,017	0,014

Phụ lục số 2: Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng khi cơ quan chuyên môn về xây dựng mời tổ chức tư vấn, cá nhân cùng thẩm định (Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán xây dựng đối với trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình đối với trường hợp thiết kế hai bước)

1. Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Số TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)								
		≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	8.000
1	Công trình dân dụng	0,0495	0,0330	0,0255	0,0195	0,0150	0,0123	0,0087	0,0066	0,0057
2	Công trình công nghiệp	0,0570	0,0378	0,0291	0,0225	0,0174	0,0132	0,0105	0,0078	0,0066
3	Công trình giao thông	0,0327	0,0216	0,0165	0,0129	0,0099	0,0075	0,0063	0,0048	0,0042
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,0363	0,0240	0,0183	0,0144	0,0111	0,0084	0,0069	0,0051	0,0042
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,0378	0,0255	0,0195	0,015	0,0117	0,0090	0,0780	0,0057	0,0051

2. Phí thẩm định dự toán xây dựng

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Số TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)								
		≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	8.000
1	Công trình dân dụng	0,0480	0,0318	0,0249	0,0186	0,0138	0,0114	0,0084	0,0063	0,0054
2	Công trình công nghiệp	0,0555	0,0363	0,0282	0,0216	0,0165	0,0123	0,0099	0,0069	0,006
3	Công trình giao thông	0,0318	0,0204	0,0162	0,0123	0,0093	0,0072	0,006	0,0042	0,0036
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,0351	0,0228	0,0180	0,0138	0,0105	0,0078	0,0066	0,0048	0,0042
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,0366	0,0246	0,0186	0,0141	0,0111	0,0087	0,0072	0,0051	0,0042

03. Thủ tục: Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình triển khai sau thiết kế cơ sở (theo ủy quyền của UBND tỉnh tại điểm d, khoản 4, Điều 2, Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND).

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).</p> <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, (đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum); - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ (đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum).</p> <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích. - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình (theo mẫu-bản chính). - Các văn bản pháp lý: <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, (bản sao). + Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng, (bản sao). + Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có), (bản sao). + Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có), (bản sao). + Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư, (bản sao). + Các văn bản khác có liên quan. - Tài liệu khảo sát, thiết kế, dự toán: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ khảo sát xây dựng, (bản sao). + Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ, (bản sao). + Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, (bản sao). - Hồ sơ năng lực của các nhà thầu: <ul style="list-style-type: none"> + Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình (bản sao); đồng thời bổ sung mã số chứng chỉ hành nghề đối với các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế theo quy định.

	<p>+ Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có), (bản sao).</p> <p>- Báo cáo thẩm tra toàn bộ thiết kế xây dựng - dự toán dự án, công trình đề nghị thẩm định đã được tổ chức tư vấn đủ điều kiện năng lực thẩm tra (đối với các dự án, công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách). (bản sao).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
Thời hạn giải quyết	<p>- Đối với công trình cấp II và cấp III: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Đối với các công trình còn lại: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>* Riêng đối với công trình có nhu cầu đồng thời thẩm định thiết kế và cấp giấy phép xây dựng, thời gian cấp Giấy phép xây dựng không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày chủ đầu tư bổ sung đủ hồ sơ hợp lệ và bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau khi có kết quả thẩm định) theo quy định của Luật Xây dựng.</p>
Đối tượng thực hiện	Chủ đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.
Kết quả	Văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán công trình triển khai sau thiết kế cơ sở.
Lệ phí, phí	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình (như phụ lục kèm theo).
Tên mẫu đơn, tờ khai	Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình (mẫu số 06 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015).
Yêu cầu, điều kiện	Không.
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</p> <p>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 15/4/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.</p> <p>- Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của UBND tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Nghị Quyết số 101/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ.</p>

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ).

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng năm

TỜ TRÌNH

**Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình
triển khai sau thiết kế cơ sở.**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;
- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
- Các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);
- Mã số Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

BIỂU MỨC THU PHÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục số 1: Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng (Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán xây dựng đối với trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công, thẩm định dự toán công trình đối với trường hợp thiết kế hai bước)

1. Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật

Đơn vị tính: Tỷ lệ%

Số TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)								
		≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	8.000
1	Công trình dân dụng	0,165	0,110	0,085	0,065	0,050	0,041	0,029	0,022	0,019
2	Công trình công nghiệp	0,190	0,126	0,097	0,075	0,058	0,044	0,035	0,026	0,022
3	Công trình giao thông	0,109	0,072	0,055	0,043	0,033	0,025	0,021	0,016	0,014
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,121	0,080	0,061	0,048	0,037	0,028	0,023	0,017	0,014
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,126	0,085	0,065	0,050	0,039	0,030	0,026	0,019	0,017

2. Phí thẩm định dự toán xây dựng

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Số TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)								
		≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	8.000
1	Công trình dân dụng	0,160	0,106	0,083	0,062	0,046	0,038	0,028	0,021	0,018
2	Công trình công nghiệp	0,185	0,121	0,094	0,072	0,055	0,041	0,033	0,023	0,020
3	Công trình giao thông	0,106	0,068	0,054	0,041	0,031	0,024	0,020	0,014	0,012
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,117	0,076	0,060	0,046	0,035	0,026	0,022	0,016	0,014
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,122	0,082	0,062	0,047	0,037	0,029	0,024	0,017	0,014

Phụ lục số 2: Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng khi cơ quan chuyên môn về xây dựng mời tổ chức tư vấn, cá nhân cùng thẩm định (Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán xây dựng đối với trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình đối với trường hợp thiết kế hai bước)

1. Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Số TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)								
		≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	8.000
1	Công trình dân dụng	0,0495	0,0330	0,0255	0,0195	0,0150	0,0123	0,0087	0,0066	0,0057
2	Công trình công nghiệp	0,0570	0,0378	0,0291	0,0225	0,0174	0,0132	0,0105	0,0078	0,0066
3	Công trình giao thông	0,0327	0,0216	0,0165	0,0129	0,0099	0,0075	0,0063	0,0048	0,0042
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,0363	0,0240	0,0183	0,0144	0,0111	0,0084	0,0069	0,0051	0,0042
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,0378	0,0255	0,0195	0,015	0,0117	0,0090	0,0780	0,0057	0,0051

2. Phí thẩm định dự toán xây dựng

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Số TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)								
		≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	8.000
1	Công trình dân dụng	0,0480	0,0318	0,0249	0,0186	0,0138	0,0114	0,0084	0,0063	0,0054
2	Công trình công nghiệp	0,0555	0,0363	0,0282	0,0216	0,0165	0,0123	0,0099	0,0069	0,006
3	Công trình giao thông	0,0318	0,0204	0,0162	0,0123	0,0093	0,0072	0,006	0,0042	0,0036
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,0351	0,0228	0,0180	0,0138	0,0105	0,0078	0,0066	0,0048	0,0042
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,0366	0,0246	0,0186	0,0141	0,0111	0,0087	0,0072	0,0051	0,0042

04. Thủ tục: Cấp Giấy phép xây dựng mới đối với công trình không theo tuyến.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum);</i> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum).</i> <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p><i>a. Thành phần hồ sơ, gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng <i>(theo mẫu-bản chính).</i> - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, <i>(bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính);</i> - Hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng <i>(bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính),</i> mỗi bộ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình; + Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200; + Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200. <p>* Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế, <i>(bản sao).</i> - Văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm, <i>(bản</i>

	<p>sao).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế (theo mẫu), kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế, (bản sao). - Quyết định đầu tư đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng, (bản sao). <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	08 làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Chủ đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.
Kết quả	Giấy phép xây dựng.
Lệ phí	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng: 100.000 VNĐ/lần cấp phép
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (<i>Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>). - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế (<i>Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum. - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng. - Nghị Quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị Quyết số 101/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ.

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: Đường/phố
- Phường/xã Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng: m
- Tổng diện tích sàn: m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:

- Giấy phép hành nghề số (nếu có):cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngàytháng..... năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b)
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:
 - Trong đó:
 - Kiến trúc sư:
 - Kỹ sư các loại:
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ:
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ:
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày tháng.... năm
Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(Ký ghi rõ họ tên)

05. Thủ tục: *Cấp Giấy phép xây dựng cho dự án*

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum);</i> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum).</i> <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p><i>a. Thành phần hồ sơ, gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng <i>(theo mẫu-bản chính).</i> - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, <i>(bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính).</i> - Hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xây dựng đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, <i>(bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính)</i> , mỗi bộ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án hoặc tổng mặt bằng từng giai đoạn của dự án tỷ lệ 1/100 - 1/500; + Bản vẽ mặt bằng từng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình; + Bản vẽ các mặt đứng và các mặt cắt chính của từng công trình tỷ lệ 1/50 -1/200; + Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 của từng công trình kèm theo sơ đồ đầu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/50 - 1/200. <p>Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, <i>(bản sao).</i> <p>* Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu</p>

	<p>khác đối với các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế, (<i>bản sao</i>). - Văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm, (<i>bản sao</i>). - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế (<i>theo mẫu</i>), kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế, (<i>bản sao</i>). <p><i>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</i></p>
Thời hạn giải quyết	08 làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Chủ đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	Ban quản lý Khu kinh tế.
Kết quả	Giấy phép xây dựng.
Lệ phí	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng: 100.000 VNĐ/lần cấp phép
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (<i>Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>). - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế (<i>Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>)
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum. - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng. - Nghị Quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị Quyết số 101/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ.

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Dì dời công trình)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tọa độ số nhà: Đường/phố
- Phường/xã Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng: m
- Tổng diện tích sàn: m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

..... ngày tháng năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b)
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:
 - Trong đó:
 - Kiến trúc sư:
 - Kỹ sư các loại:
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ:
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ:
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày tháng.... năm
Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(Ký ghi rõ họ tên)

06. Thủ tục: Cấp Giấy phép xây dựng đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo công trình

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum);</i> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum).</i> <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p><i>a. Thành phần hồ sơ, gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở <i>(theo mẫu)</i>; có bổ sung vào mục 3.6 tại Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng thông tin về số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy phép xây dựng, <i>(bản chính)</i>. - Một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình, nhà ở theo quy định của pháp luật. <i>(bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính)</i>. - Bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo, <i>(bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính)</i>. (02 bộ). <p>* Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế, <i>(bản sao)</i>. - Văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm, <i>(bản sao)</i>. - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế <i>(theo mẫu)</i>, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối

	với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế, (<i>bản sao</i>). - Quyết định đầu tư đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng, (<i>bản sao</i>). <i>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</i>
Thời hạn giải quyết	08 làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Chủ đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.
Kết quả	Giấy phép xây dựng
Lệ phí	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng: 100.000 VNĐ/lần cấp phép
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (<i>Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>). - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế (<i>Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>)
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	- <i>Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.</i> - <i>Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.</i> - <i>Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum.</i> - <i>Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.</i> - <i>Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng.</i> - <i>Nghị Quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.</i> - <i>Nghị Quyết số 101/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ.</i>

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Dì dờ công trình)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tọa độ số nhà: Đường/phố
- Phường/xã Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng: m
- Tổng diện tích sàn:m²(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

..... ngày tháng..... năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b)
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:
 - Trong đó:
 - Kiến trúc sư:
 - Kỹ sư các loại:
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ:
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ:
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày tháng.... năm

Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(Ký ghi rõ họ tên)

07. Thủ tục: Cấp Giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời công trình.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum);</i> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum).</i> <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p><i>a. Thành phần hồ sơ, gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình <i>(theo mẫu-bản chính).</i> - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật, <i>(bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính).</i> - Bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình sẽ được di dời tới tỷ lệ 1/50 - 1/500 <i>(sau đây gọi là thành phần hồ sơ thứ 3).</i><i>(Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính).</i> (02 bộ) - Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình sẽ di dời tới <i>(sau đây gọi là thành phần hồ sơ thứ 4), (bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính), (02 bộ)</i> - Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện, <i>(bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính).</i> - Phương án di dời <i>(bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính)</i> do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình; + Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình. - Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên

	<p>môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại thành phần hồ sơ thứ 3 và thứ 4 ở trên là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.</p> <p>* Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế, (<i>bản sao</i>). - Văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm, (<i>bản sao</i>). - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế (<i>theo mẫu</i>), kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế, (<i>bản sao</i>). - Quyết định đầu tư đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng, (<i>bản sao</i>). <p><i>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</i></p>
Thời hạn giải quyết	08 làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Chủ đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.
Kết quả	Giấy phép xây dựng
Lệ phí	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng: 100.000 VNĐ/lần cấp phép
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (<i>Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>). - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế (<i>Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>)
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum. - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng. - Nghị Quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị Quyết số 101/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ.

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Dì dờ công trình)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: Đường/phố
- Phường/xã Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng: m
- Tổng diện tích sàn:m²(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

..... ngàytháng..... năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b)
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:
 - Trong đó:
 - Kiến trúc sư:
 - Kỹ sư các loại:
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ:
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ:
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày tháng.... năm

Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế

(Ký ghi rõ họ tên)

08. Thủ tục: *Cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn.*

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p><i>a) Thành phần hồ sơ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> * Trường hợp Cấp giấy phép xây dựng mới (đổi với công trình không theo tuyến): <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng <i>(theo mẫu-bản chính)</i>. - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, <i>(bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính)</i>; - Hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng <i>(bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính)</i>, mỗi bộ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình; + Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200; + Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200. * Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế, <i>(bản sao)</i>.

- Văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm, (*bản sao*).
 - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế (theo mẫu), kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế, (*bản sao*).
 - Quyết định đầu tư đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng, (*bản sao*).
- * Trường hợp Cấp giấy phép xây dựng (đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo)**
- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở (*theo mẫu*); có bổ sung vào mục 3.6 tại Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng thông tin về số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy phép xây dựng, (*bản chính*).
 - Một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình, nhà ở theo quy định của pháp luật. (*bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính*).
 - Bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo, (*bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính*).**(02 bộ)**.
- * Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:**
- Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế, (*bản sao*).
 - Văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm, (*bản sao*).
 - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế (*theo mẫu*), kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế, (*bản sao*).
 - Quyết định đầu tư đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng, (*bản sao*).
- * Trường hợp Cấp giấy phép xây dựng (đối với trường hợp di dời):**
- Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình (*theo mẫu-bản chính*).
 - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật, (*bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính*).
 - Bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình sẽ được di dời tới tỷ lệ 1/50 - 1/500 (*sau đây gọi là thành phần hồ sơ thứ 3*). (*Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính*). **(02 bộ)**
 - Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình sẽ di dời tới (*sau đây gọi là thành phần hồ sơ thứ 4*), (*bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính*), **(02 bộ)**
 - Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện, (*bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính*).
 - Phương án di dời (*bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính*) do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm:

	<p>+ Phân thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình;</p> <p>+ Phân bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.</p> <p>- Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại thành phần hồ sơ thứ 3 và thứ 4 ở trên là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.</p> <p>* Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:</p> <p>- Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế, (bản sao).</p> <p>- Văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm, (bản sao).</p> <p>- Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế (<i>theo mẫu</i>), kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế, (bản sao).</p> <p>- Quyết định đầu tư đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng, (bản sao).</p> <p>* Ngoài ra còn bao gồm những thành phần sau:</p> <p>- Tiêu đề của Đơn được sửa đổi là: Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn.</p> <p>- Bản cam kết của chủ đầu tư về việc tự phá dỡ công trình khi hết thời hạn tồn tại được ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc cưỡng chế phá dỡ.</p> <p>- Trường hợp công trình theo giấy phép xây dựng có thời hạn hết thời gian tồn tại, nhưng Nhà nước vẫn chưa thực hiện quy hoạch xây dựng, nếu chủ đầu tư có nhu cầu sử dụng tiếp thì đề nghị với cơ quan cấp phép xem xét cho phép kéo dài thời hạn tồn tại.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	08 làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Chủ đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.
Kết quả	Giấy phép xây dựng.
Lệ phí	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng: 100.000 VNĐ/lần cấp phép
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn (<i>Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>).</p> <p>- Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế (<i>Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>)</p>
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.</p> <p>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.</p> <p>- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng.</p> <p>- Nghị Quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Nghị Quyết số 101/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ.</p>

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Dì dời công trình)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: Đường/phố
- Phường/xã Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng: m
- Tổng diện tích sàn:m²(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

..... ngàytháng..... năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b)
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:
 - Trong đó:
 - Kiến trúc sư:
 - Kỹ sư các loại:
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ:
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ:
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày tháng.... năm

Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế

(Ký ghi rõ họ tên)

09. Thủ tục: *Điều chỉnh Giấy phép xây dựng*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum)</i>. <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p><i>a. Thành phần hồ sơ, gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng <i>(theo mẫu-bản chính)</i>. - Giấy phép xây dựng đã được cấp, <i>(bản chính)</i> ; - Bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200, <i>(bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính) (02 bộ)</i>; - Văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế <i>(theo mẫu)</i> đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, <i>(bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính)</i>. <p><i>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</i></p>
Thời hạn giải quyết	08 làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Chủ đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.
Kết quả	Giấy phép xây dựng điều chỉnh
Lệ phí	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng: 100.000 VNĐ/lần cấp phép
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng <i>(Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016)</i>. - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế <i>(Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016)</i>

Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum. - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng. - Nghị Quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị Quyết số 101/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ.

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG (Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường (phố) Phường (xã)
- Quận (huyện) Tỉnh, thành phố:
- Số điện thoại:
2. Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tíchm².
- Tại: Đường:
- Phường (xã) Quận (huyện)
- Tỉnh, thành phố:
3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)
Nội dung Giấy phép:
-
4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp:
-
5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:
- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày
6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh: tháng.
7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:
1 -
2 -

..... ngày.....tháng..... năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b)
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:
 - Trong đó:
 - Kiến trúc sư:
 - Kỹ sư các loại:
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ:
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ:
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày tháng.... năm

Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế

(Ký ghi rõ họ tên)

10. Thủ tục: Gia hạn Giấy phép xây dựng.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum);</i> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum).</i> <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng <i>(theo mẫu);</i> - Giấy phép xây dựng đã được cấp <i>(bản chính);</i> <p>b. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	02 làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Chủ đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.
Kết quả	Giấy phép xây dựng gia hạn
Lệ phí	Lệ phí gia hạn giấy phép xây dựng. Mức thu: 10.000 đồng/lần gia hạn
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng <i>(Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016)</i>
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum. - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng. - Nghị Quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị Quyết số 101/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ.

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG (Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường (phố) Phường (xã)
- Quận (huyện) Tỉnh, thành phố:
- Số điện thoại:
2. Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại: Đường:
- Phường (xã) Quận (huyện)
- Tỉnh, thành phố:
3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)
Nội dung Giấy phép:
-
4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp:
-
5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:
- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày
6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh: tháng.
7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:
1 -
2 -

..... ngày.....tháng..... năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

11. Thủ tục: *Cấp lại Giấy phép xây dựng.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). <p>Bước 2. Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, <i>(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum);</i> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ <i>(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum).</i> <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nộp đầy đủ phí, lệ phí theo quy định, nộp Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Từ 07giờ30' đến 10giờ30' và từ 13giờ30' đến 16giờ30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại <i>(theo mẫu-bản chính);</i> - Giấy phép xây dựng đã được cấp <i>(đối với trường hợp bị rách, nát), (bản chính).</i> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	02 làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Chủ đầu tư (tổ chức, cá nhân).
Cơ quan thực hiện	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.
Kết quả	Giấy phép xây dựng được cấp lại dưới dạng bản sao
Lệ phí	Lệ phí cấp lại Giấy phép xây dựng. Mức thu: 10.000 đồng/lần cấp lại
Tên mẫu đơn, tờ khai	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng <i>(Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016)</i>
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum. - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng. - Nghị Quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG (Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):
 - Người đại diện: Chức vụ:
 - Địa chỉ liên hệ:
 - Số nhà: Đường (phố) Phường (xã)
 - Quận (huyện) Tỉnh, thành phố:
 - Số điện thoại:
2. Địa điểm xây dựng:
 - Lô đất số: Diện tích m².
 - Tại: Đường:
 - Phường (xã) Quận (huyện)
 - Tỉnh, thành phố:
3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)
Nội dung Giấy phép:
-
4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp:
-
5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:
 - Tên đơn vị thiết kế:
 - Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
 - Tên chủ nhiệm thiết kế:
 - Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:
 - Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày
6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh: tháng.
7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:
1
2

..... ngày.....tháng..... năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)